

Tác Giả và Tác Phẩm

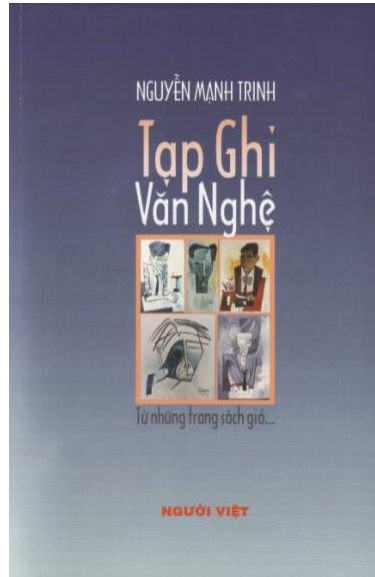
Nguyễn Mạnh Trinh (II)

Tiểu sử

Hiện ngụ cư tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Thơ văn hải ngoại năm 2000.



Mục Lục

Đinh Hùng, những bài thơ không tuổi - 2
Tháng tư, đọc lại hồi ký Nguyên Sa – 6
Thanh Tâm Tuyền, tháng ba và những trang sách – 9
Tập Ghi Văn Nghệ của Nguyễn Mạnh Trinh - Nguyễn Đình Toàn - 14
Tô Thùy Yên, thơ như người bị bức tử – 16
Cao Tần, thơ người di tản buồn – 21
Nói chuyện với Phan Ni Tấn – 26

Phụ đính I :

Giờ lại vài trang sách...- Phiêu du từ “Thơ miền Nam trong thời chiến”
Nhớ về Hà Nội, tâm sự người xa xứ - Những đóa thơ cho phố núi Pleiku

Phụ đính II :

Một chút Sài Gòn trong thơ Nguyên Sa - Hoàng Anh Tuấn và những bài thơ để lại...
Nguyễn Tất Nhiên, thơ như lời thiên định - Nguyễn Đình Toàn: tình yêu & tuổi trẻ...
Nói về thơ, Nguyên Sa...- Vũ Hữu Định, một chút gì để nhớ

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Đình Hùng, những bài thơ không tuổi

Khi tuổi trẻ , tấm lòng thường rộng mở với những mơ mộng trăng sao. Có một chút không bằng lòng với hiện tại , trí tưởng tượng mở ra đến tận những phương trời. Lúc ấy, thi ca góp vào những cánh tay mở toang khung cửa để mây lồng lộng trời cao và gió phiêu du muôn bến.

*“ Khi mới lớn tuổi mười lăm mười bảy
làm học trò mắt sáng với môi tươi
ta bước lên chân vẫn dạo bên người
ngoài cặp sách trần ai coi cũng nhẹ
đời thấp thoáng qua học đường nhỏ bé
phố phường vui cuộc sống mới lên hoa
Ta ngồi nghe những tiếng thị thành xa
Hồn lơ đãng mộng ra ngoài cửa lờp
Nắng thuở đó khiến lòng ta hồi hộp
Ta nhìn cao mới rõ bị giam cầm
Ôai tiếng nào vang mấy bức tường câm?
không khí nặng mơ hồ thầy với bạn
Ta nhón lên bước đường không giới hạn
Có lẽ đâu tìm giữ bởi tay người
Tuổi hoa hồng –kiêu hãnh của ta ơi
Tình đã hẹn ở trên đường nắng mới..”*

Đọc những câu thơ như thế làm sao mà không xôn xao trong lòng. Thế giới mở ra , ôi sao mênh mông quá! Me nhất là nhìn theo những cánh chim để trí tưởng tượng vút lên , cao rất cao lên đến đỉnh trời. Ôai tuổi trẻ hơn hơn xanh màu mắt và bông bành bờ tóc bay. Đọc thơ , để mơ màng tượng một chân dung thi sĩ , nhà thơ Đình Hùng.

Ngày 24 tháng 8 là ngày giỗ Đình Hùng . Ông mất năm 1967, thọ 47 tuổi. Một đời thi sĩ có lẽ khá ngắn nhưng tác phẩm đã có đời sống dài hơn gấp bội. Hai tập thơ “ Mê hồn ca” và “ Đường vào tình sử “ có những bài thơ được coi như là tuyệt tác của một thời kỳ văn chương nở rộ. Chương trình ngâm thơ “ Tao Đàn “ do ông chủ trương với tiếng nói mở đầu truyền cảm đã bao nhiêu năm trở thành một biểu tượng thi ca của miền Nam tự do.

Với những người làm thơ, Đình Hùng có vị trí của một vì sao Bắc Đẩu. Khi miền Nam bị Cộng Sản miền Bắc xâm chiếm, nhà thơ Trần Dần đã nhấn vào cho gia đình nhà thơ Vũ Hoàng Chương” Anh yên tâm, với chúng tôi, thơ của anh và Đình Hùng vẫn có giá trị để được trọng vọng như thời tiền chiến ...”

Cũng như về sau, trong cuộc mạn đàm với các văn nghệ sĩ ở Huế, Trần Dần đã xác nhận một lần nữa tấm lòng trân trọng với thơ Đình Hùng trong khi Hoàng Phủ Ngọc Tường thì chê rằng thơ “ lòe loẹt ghê ghê mùi sơn phấn thế nào ấy “. Khi được hỏi trong các nhà cầm bút thời tiền chiến thích ai nhất thì Trần Dần trả lời ngay ; Vũ Trọng Phụng , Vũ Hoàng Chương và Đình Hùng. Và ông khẳng định: Đình Hùng là thi sĩ Tượng trưng đầu tiên của Việt Nam với tập” Mê Hồn Ca”

Thời tiền chiến, giai phẩm Dạ Đài với sự góp mặt của Trần Dần, Đình Hùng, Trần Mai Châu , Vũ Hoàng Dịch,...đã tỏ lộ một khuynh hướng thi ca mới của thơ tượng trưng. Và khuynh hướng này là một khuynh hướng nổi bật của thi ca Việt Nam với các tầm vóc như Hàn Mặc Tử , Bích Khê, Đình Hùng , nhóm Xuân Thu Nhã Tập , Chế Lan Viên thời trước 1945,...

Võ văn Aùi , trong tác phẩm “ Bốn Mươi Năm Thơ Việt Nam/1945-1985 “ đã viết về Đinh Hùng như sau:

“...Ám ảnh vì cái chết từ lúc bé, Đinh Hùng hướng về nguồn thơ Tượng trưng. . Vì Tượng Trưng là âm bản của thực tại. Như chết là âm bản của sống. Thơ Tượng Trưng thoát mình , rời xa thực tại đang sống , đi tìm cái khuôn âm bản để xem thực tại ấy có là mặt – mào- xưa- nay vốn được đúc nặn từ đâu. Hay chỉ là những tam sao thất bản? Thơ dựng lên khuôn mặt giai nhân, hoặc dựng lên cái tiền cảm bao quanh, tượng trưng cho khuôn mặt ấy , thì vẫn là niềm Thơ như thật của muôn thuở . Đó là giải thích theo tâm cảnh thơ Việt Nam. Trong thực tế, hầu như tất cả các nhà thơ tiền chiến đều chịu ảnh hưởng của các thi sĩ Pháp, đặc biệt là Beaudelaire, Mallarmé, Rimbaud. Cũng như sau này thi ca miền Bắc chịu ảnh hưởng của các nhà thơ Nga , và miền Nam lại tiếp tục chịu ảnh hưởng các nhà thơ Pháp với những Eluard, Aragon , Jacques Prevert...

Năm Đinh hùng lên 11 , chị Tuyết Hồng , hoa khôi Hà Nội, đã tự tử trên hồ Trúc Bạch. Mấy tháng sau thân phụ chàng đau nặng rồi thất lạc . Chị Loan , một người chị khác lại mất ba năm sau. Qua năm 18 tuổi chớm mối tình đầu, Đinh Hùng yêu một người con 1 họ xa , nhưng người con gái mặng tơ và Liêu trai này cũng chết. Tập thơ Truyện Lòng in trong Đường Vào Tình Sử năm 1961 chính là tập thơ đã sáng tác từ năm 1938. Tiếp đến người bạn thân yêu nhất của đời chàng là Thạch Lam cũng bỏ chàng đi năm 42 tuổi vì bệnh lao..

Bây giờ ta hiểu nỗi chết đã ám ảnh đeo đuổi Đinh Hùng như hình với bóng, đốt thắp tâm tư chàng.Đinh Hùng không chạy trốn, chàng hàm dưỡng ngọn lửa ấy cho nguồn thơ Tượng Trưng...”

Lúc còn sống, nhà văn Mai Thảo và nhà thơ Nguyễn Sa cũng đặc biệt yêu mến thơ Đinh Hùng. Nhiều lần, nhà văn Mai Thảo đã đọc hầu như gần hết tập thơ Mê Hồn Ca trong những buổi họp mặt văn nghệ. Chắc phải yêu mến lắm nên mới thuộc lòng như vậy.Với phong cách đặc biệt, kèm theo những nhận xét dí dỏm nhưng chính xác, ông đã làm thơ Đinh Hùng thành một không gian thơ đặc biệt mà mọi người tham dự mãi năm tháng dài về sau không thể quên...

Nhà thơ Nguyễn Sa cũng vậy. Ông thường nói về thơ Đinh Hùng với tất cả những lời khen tặng. Khi tôi và ông cùng thực hiện tủ sách Tác Giả Tác Phẩm của nhà xuất bản Đồi , cuốn đầu tiên là viết về Đinh Hùng...

Nhà văn Tạ Ty trong cuốn “ Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi” cũng đã phác họa chân dung Đinh Hùng qua từng thời kỳ , khi trai trẻ đến lúc tham gia dòng thơ tiền chiến, từ lúc kháng chiến rồi hồi cư về Hà Nội, đến khi di cư vào Nam , làm chương trình thi ca Tao Đàn,..

“.. Đinh Hùng nhìn tôi nhếch mép cười, cái cười ngạo mạn vì lúc gặp Đinh Hùng lần đầu , tôi là tên “mặt trắng “ còn Đinh hùng tuy chưa có tác phẩm nhưng đã được nhiều người biết tiếng. Đây là trường hợp duy nhất của người làm thơ nổi tiếng trước khi có tác phẩm hoặc có nhiều bài đăng tải trên báo chí ! Có lẽ thơ của Đinh Hùng mới quá đi trước thời đại chăng?

Tôi mỉm cười xã giao bắt tay Đinh Hùng. Ôai chao bàn tay gì bé và mềm thế , như tay đàn bà! Về sau này tôi được một người bạn cho biết , khi còn học ở trường Bưởi , Hùng cũng rất đẹp trai và ham tập thể thao lắm, đã bơi ngang Hồ Tây, tuy nhỏ nhưng thân hình cân đối và thi sĩ Huyền Kiều, người bạn cùng lớp học đã mê Hùng như mê người tình, giống như trường hợp Xuân Diệu Huy Cận vậy. Ngoài tài làm thơ, Đinh Hùng còn chơi nhạc , đánh đàn mandoline , những khúc nhạc của Mozart, Beethoven, và Beach rất hay. Hùng cũng biết vẽ lãng nhãng và

chữ viết rất bay bướm .Khi học trường Bưởi , Đinh Hùng phụ trách báo tay cùng với thi sĩ Huyền Kiều . Đinh Hùng ở một căn gác nhỏ trên đê Yên Phụ gần Ngọc Hà và bài thơ “ Xin hãy yêu tôi” có những câu;”...Tôi mở sẵn một phòng sậu bé nhỏ

Riêng một đèn , một gối một tình yêu..” là chính căn gác này đã tạo cho thi nhân nguồn cảm hứng đó.Từ đầu đê Yên phụ, buổi tối nào “ đi xóm”(tức đi hát cô đầu) thì thôi , còn không Đinh Hùng cuốc bộ từ đó đến tiệm hút sau đền Bà Kiệu , phía bên hồ Hoàn kiếm , để họp bạn cùng vui thú yên hà . Đinh Hùng năm ấy(1940-1941) hãy còn trẻ lắm, mới trên dưới 20 tuổi mà đã đam mê gắn bó với Phù Dung tiên nữ , Dưới ánh đèn , mặt Hùng tái xanh, riêng đôi mắt sáng long lanh biểu lộ sự thông minh tuyệt vời,,”

Riêng tôi, đọc hai tập thơ Mê Hồn Ca và Đường Vào Tình Sử , đời sống có phảng phất của sương khói mơ hồ của kiếp khác. Thơ , là những bước chân đi trong những ảo tượng để trí tưởng tượng như những vĩ cánh khởi hành vào cõi mệnh mang của kiếp nhân sinh.

Thơ Đinh Hùng là bước chân về nguyên thủy. Ở đó, trời đất hoang vu, kiếp người quạnh quẽ. Sống hờ hững đôi khi trái theo tâm sự Từ Thức về trần, đi tìm lại quá khứ trong tiềm thức xôn xao cảm giác.Ngôn ngữ, là vang vọng của tấm lòng yếm thế, của lòng rời rã tự tình, để thoáng vẽ ra, những đôi mắt nhìn sang cõi bờ khác lạ, của một chân trời mà thực và mộng chen lẫn vào nhau.

Thi ảnh của Mê hồn ca, của tiếng ca bộ lạc, đầy những biểu tượng của núi non, của gió tuyết, của cỏ hoa tịch mịch, mỗi mỗi là hình dáng của mơ hồ , của sự liên tưởng nâng lên cao độ. Thi ảnh của Đường Vào Tình Sử tương đối gần cận cuộc sống hơn, có thêm sinh khí của tình yêu thiết tha, của những tấm lòng mở ra và ngó với mọi người. Ngôn ngữ thơ có nhiều ảnh tượng có lẽ quen thuộc với cảm quan mà vẫn có sức lôi kéo từ những vị trí đặc địa cũng như những cánh cửa mở ra những chân trời và những phận người. Thơ, như những nét bút vờn. Thơ, là thi sĩ miệt mài đi trên con đường tìm kiếm lại chính mình, cái bản ngã có nét bàng bạc trong bức tranh nhân sinh mờ tỏ, có lúc rờn rợn màu trắng mênh mông, của trang giấy trinh bạch, của nỗi niềm mù khơi đến tận vô cùng.

Đọc những câu thơ như:

*“rời những đêm sâu bỗng hiện về
vượn lâm tuyền khóc rộn sương khuya
đâu đây u uất hồn sơ cổ.
Tùng bóng ma rừng theo bước đi..”*

Chúng ta sẽ cảm thấy gì ? cũng những ngôn ngữ có hơi quen thuộc đến có thể hơi sáo mòn. Nhưng kỳ lạ, có sức lôi kéo của những ý tưởng nảy từ bùa chú linh thiêng. Con đường đi, chập chùng thực mộng . Trí tưởng bỗng man mác , mênh mông..

*‘ Bóng ta đi trùm khắp lối hoang sơ
và chân bước nghe chuyển rung đời xuôi
lá cỏ sắc vương đầy trên tóc rối
Ta khoác vai manh áo dầm hương rừng...”*

Có phải thơ là phần ăn cách riêng của những người quen đơn độc, của những góc tối mà con người nương nấu vào đó cho hết một kiếp người. Trong nỗi buồn có niềm kiêu hãnh, trong ngày nắng có lẫn những canh khuya.

Có người nói thơ Đinh Hùng có những đóa hoa vô hình vô ảnh nhưng lại mường tượng được

từ những phác họa tài tình. Người đẹp , có khi chỉ là nét trầm khuất xa xôi. Những mối tình, là thiên cổ không phai, là giấc miên viễn hiu hắt cùng trời và đất. Lời tình tự như ngỏ vào hư không. Mây gió cuộn một thời phong vũ.

*“ Khuya sớm tìm sang lối tuyết trinh.
Lầu xuân hoa dựng ngọc liên thành
Lệ in bóng núi mờ nhân ảnh
Mây đó về đâu có gặp mình?
Thương nước vô danh người mộng ảo
Ta cười một nét vẽ hư linh
Àu xiêm đã ó màu tang hải
Em thoát xiêm đi, hiện dáng tình...”*

Em, có phải là hình bóng của yêu tinh, của đam mê đã lan cả đến cỏ cây hoa lá? Em, có phải là giọt máu loang huyết lệ, của những mối tình thiên cổ không phai?

*“... Hồi kỹ nữ, em có lòng tàn ác
ta vẫn gần, ôi, sắc đẹp yêu ma
lúc cuồng si, ta nguyện rửa cả đàn bà
Ta ôm ngực nghe trái tim trào huyết
Ta sẽ chết, sẽ vì em mà chết
Một chiều nào tắt thở giữa môi hôn
Ta hái trong em lấy đóa hoa hồn..”*

Em , có phải là thần tượng lên ngôi? Em, có phải ta đã biến hình thành tên nô lệ? trong thi ca, là định mệnh trái oan, là ngôn ngữ của người lạc lõng trên con đường thán năm của thời gian biệt

*“.. Ta run sợ cho yêu là mệnh số
mặc tay em định hộ kiếp ngàn sau
vì người em có bao pháp nhiệm mầu
một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt em lên ngai thờ nữ sắc
Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da
Buổi em về xác thịt tắm hương hoa
Ta sống mãi thờ lấy hồn trinh tiết...”*

Mê Hồn Ca, là : “ yểu điệu phương đông lướt dưới đèn

*Ta nằm mộng đẹp đêm thần tiên
Dáng xuân nghiêng mắt cười không tiếng
Lửa hạ lên rồi- ôi Ý Liên..”*

Mê Hồn Ca, là : “qua xứ ma sầu ta mất trí
Thiên đi tập sách vẽ hoa nguyên
Trời ơi! Trời ơi! Làn tử khí
Lạc lõng hương thầm đóa Bạch Liên..”

Mê Hồn Ca, là khuôn trời Liêu Trai, là những đêm âm phần trộn lẫn với trưa dương thế. Thì Đường Vào Tình Sử khác hơn, là những bài thơ tình của miên viễn chiêm bao, của những môi hôn trong mộng, của man mác hương trinh. Mộng vẫn còn, mê ảo nhưng thực đã có da có thịt

trong ngôn ngữ tình yêu

*“ Khi tóc mùa xuân buông dài trước cửa
Khi nắng chiêm bao khẽ chớp làn mi
Khi những con thuyền chờ mộng ra đi
Giấc mộng phiêu lưu như bầy hải điểu
Kỷ niệm trở về nắm tay nhau hiền dịu
Ngón tay thơm vàng phấn bướm đa tình
Anh sẽ tìm em như tìm một hành tinh
Mặc trái đất sắp tan vào mộng ảo... “
Êm đềm hơn, bài hát mùa thu:
“Hôm nay có phải là thu
Mây năm xưa đã phiêu du trở về
Cảm vì em bước chân đi
Nước nghiêng mặt ngọc lưu ly phớt buồn
Ai về xa mãi cô thôn
Một mình trong khói hoàng hôn nhớ nhà
Ngày em mới bước chân ra
Tuy rằng cách mặt lòng ta không sâu
Nắng trôi- vàng chảy về đâu
Hôm nay mới thực bắt đầu vào thu...”*

Thơ Tình, đã từ mệnh mang khói sương của Mê hồn Ca đã trở về thực tại trong Đường vào Tình Sử. Tâm hồn, mỗi lúc mỗi khác trong lộ trình tìm cái vĩnh cửu. Thơ ấp ủ ước muốn bất tử, để sau xưa trùng hợp, và nỗi niềm mang nặng từ lúc hoang sơ chuyển hóa lại thành thời khắc bây giờ. Có lúc “ xoay nhờn tiền lại ngấm hiện thân “ nhưng cũng có lúc “ ta, suốt đời ngư phủ thả con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh.” Làm thơ cho Ý Liên, Bạch Liên, Diệu Hương, Hoài Điệp,... có người còn kiếp dương trần nhưng có người là phảng phất hồn ma bóng quế, là huyền ảo ẩn ức thành ngôn ngữ thi ca , để lẫn lộn mộng thực. Nếu có chữ Thần Tượng viết hoa, thì có lẽ Đinh Hùng ai người tốt cùng nâng niu cho từ ngữ ấy. Đọc thơ ông , để tâm trí bình bồng, ký ức phiêu du trên những nẻo đường mơ hồ. Có khi, trăng sao là hiện thân của giọt máu hồng tinh huyết để tình yêu chuyển đổi từ vùng cảm giác của bộ xương khô đến vóc dáng của một làn da, một mái tóc...

Thơ tượng trưng, sao từ sương khói quay ngoặt về thực tại, có phải vì trái tim đã đánh thức dậy những cảm quan từ bộ óc mơ màng không cân phân thực mộng? Nếu nói thơ là biểu hiện của niềm si đắm thì Mê Hồn Ca và Đường Vào Tình Sử là những phiên kinh xưng tụng để đời!

Tháng Tư, đọc lại Hồi Ký Nguyên Sa

Thời gian đi qua thật nhanh. Lật bật, thế mà đã đến cái giỗ thứ sáu của nhà thơ Nguyên Sa. Nhiều người đã có cảm giác rằng thân xác người thơ đã đi vào hư vô, đã khuất núi nhưng ngôn ngữ và điệu thì vẫn còn sống mãi ở hiện tại trong lòng những người yêu văn chương chữ nghĩa. Nên đã có phát biểu rằng ở những vóc dáng nghệ thuật lớn như Nguyên Sa, tác phẩm không có tuổi thọ. Mỗi ngày, mỗi năm, thi ca đối thoại cùng với miền viễn, bất tử. Những trang sách vẫn còn mãi, như tấm gương soi phản chiếu một hành trình văn học nhiều đặc sắc...

Giờ những trang hồi ký, được in sau ngày thi sĩ từ trần, đọc lại để tưởng tượng ra một thời kỳ khá đặc biệt của văn học Việt Nam. Thời thế ấy, con người ấy, đã sống, đã làm việc, đã buồn,

đã vui, với rất nhiều tâm tư chia sẻ của một thời đại đầy biến cố. Qua những trang sách, những ngày tháng sôi động mở ra kèm theo những chi tiết lý thú. Ở đó, chất chứa những nỗi niềm. Ở đó, là những giấc mơ. Và, quen thuộc hơn hết, vẫn là nhân dáng đời thường, với những hệ lụy của nó. Hiện thực được nhìn ngắm và diễn tả dưới đôi mắt thi sĩ. Lãng mạn.

Lúc nhà thơ còn sinh tiền, qua những câu chuyện kể với cá nhân tôi về chuỗi ngày đã qua, tôi rất tâm đắc và thường bày tỏ lòng mong mỏi sẽ được đọc những cái chung của thời đại qua cái tư riêng của ông với những suy tư, cảm nghĩ trên từng trang hồi ký. Và, ở trong những điều cảm nhận được, chúng ta sẽ có được những phóng chiếu chính xác để hình dung được những đời sống phức tạp trong một thời kỳ nhiều đổi thay biến chuyển mà chữ nghĩa thể hiện,

Nguyễn Sa là một khuôn mặt đa diện. Trong đó, ông là một nhà thơ nổi tiếng, một nhà giáo yêu nghề, một nhà báo lừng lẫy, một thương gia thành công, một nhà văn nhiều khám phá, sáng tạo, và cả một người có tham dự ở trong hậu trường của chính giới miền Nam... Tất cả những vóc dáng này trộn lẫn lại, thành một chân dung đặc sắc riêng. Nhưng, trước sau, vẫn bao trùm chất thi sĩ trong mỗi vóc dáng. Chất thơ, với một chút lãng mạn, một chút của mơ mộng pha trộn vào những cảm xúc có từ đời sống thực là một nét đặc biệt của “cối riêng Nguyễn Sa”.

Thi ca, làm biểu hiện rõ nét hơn trong bày tỏ bằng ngôn ngữ vần điệu.

Hồi ký Nguyễn Sa, trong bố cục bốn phần, biểu hiện một phần nào những góc cạnh của khuôn mặt ấy. Ông viết không theo một trình tự thời gian nào, mà mở rộng ra những không gian từ trong nước đến khi ra hải ngoại hay lúc du học ở Pháp đến khi về nước tham gia trường văn trận bút. Trong những trang hồi ký, ông ghi chép lại những biến cố trong cuộc sống của ông mà qua đó, thấy được những biến cố của đất nước. Những nỗi niềm của một người mà cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã nhận xét với Bác Sĩ Trần Kim Tuyền là “quá lãng mạn” phảng phất trong từng giấc mơ và có lẽ là những mẫu số chung của người trí thức trong cùng một thế hệ. Thời thế, với những cơn trốt giông bão không ngờ trước được, đã cuốn lôi tất cả vào những tình huống và cảnh ngộ thật nhiều bất ngờ.

Trong diễn tả, có phác họa nhiều khuôn mặt. Của chính khách một thời quyền lực như Bác Sĩ Trần Kim Tuyền. Của hòa thượng lãnh đạo Phật Giáo - Thích Tâm Châu. Của nhà văn chủ nhiệm tạp chí Sáng Tạo Mai Thảo. Của nhà báo lừng lẫy một thời đảng trưởng đảng Đờ Bồn Chu Tử, người gây giông bão cho bọn quan tham lại những. Của những khuôn mặt giáo chức nổi tiếng mô phạm Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Xuân Nghiên... Mỗi một vị trí, trong những chuyện kể khác nhau, làm nổi bật thêm những sắc thái trong cuộc đời tác giả. Mà, hình như, đời sống của ông cũng khá nhiều biến cố và phần nào có nét biểu tượng cho xã hội mà người thơ đã sống. Làm nhà giáo, chia sẻ những sinh hoạt chung với bạn bè đồng nghiệp, ông có cùng những dự tính những mơ ước. Làm nhà báo, viết những bài “nổ văng miếng lung tung”, không ngoài một ý muốn làm sạch sẽ hơn cái xã hội bị tha hóa đến không tưởng tượng nổi. Ở đó, ông gặp những Chu Tử, những nhóm “nồi niêu xoong chảo” Hoàng Anh Tuấn, Trần Dạ Từ, Tú Kếu, Nguyễn Thụy Long... Làm nhà thơ, với những Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Mai Thảo, cái duyên nghiệp văn chương một thời hiển lộ, để, thơ Nguyễn Sa của “áo nàng vàng vàng anh về yêu hoa cúc” thành những trang vở chép nâng niu triu mến của nhiều thế hệ học trò. Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã phát biểu rằng những người từ Pháp về như Nguyễn Sa, Hoàng Anh Tuấn... đã mang lại cho thơ văn Việt Nam một chút lãng mạn của Paris, của những phương trời nhiều lãng mạn.

Khi trả lời một câu hỏi về thơ, thi sĩ của “áo lụa Hà Đông” đã nói:

- “Tôi thích được giới thiệu bằng cách đọc lên một bài thơ Nguyễn Sa. Đó là cách thể giới thiệu

được cả Nguyễn Sa ý thức và vô thức, cho thấy bản ngã của người làm thơ tương đối đầy đủ nhất, cả bản ngã đã có, bản ngã đang có, và bản ngã muốn có. Những bài thơ khác biệt mang lại những bản ngã khác biệt trong thời gian.

Làm thơ với tôi bao giờ cũng cần có cảm hứng, có cảm hứng mới làm được thơ, không có cảm hứng thì chịu thua. Cảm hứng đưa tôi vào thơ, thời gian này, cũng như từ hơn bốn thập niên, luôn luôn đến từ xúc động chân thực. Lúc hai mươi tuổi, đam mê tình ái mang thơ lại cho tôi. Khi tuổi già đã tới, cánh cửa của một đời người sắp khép kín lại, những xúc động của những ngày tháng đối diện với sự thật của kiếp người, một cuộc tình hồi tưởng lại, một cuộc tình mơ ước, giọt sương mai mong manh, cơn mưa đến muộn, buổi hoàng hôn nơi quê người, người bạn thân niên bỏ đi vĩnh viễn, là nguồn cảm hứng hôm nay của tôi. Cảm hứng này xây trên xúc động chân thực luôn luôn đổi mới, cùng với kỹ thuật thi ca có suy nghĩ, giúp cho sáng tạo tránh khỏi nhắc lại chính mình...”

Đọc lại những trang hồi ký Nguyễn Sa, tôi dường như thấy lại những đoạn đường gập ghềnh của văn học Việt Nam. Nền văn học ấy từ những nỗ lực xây dựng, những tận tình khai phá sáng tạo. Để có những thành quả mà một chế độ chuyên chế dùng đủ mọi cách để triệt tiêu nhưng không làm nổi. Cũng như, từ những tàn phá gầy đờ, những mâu thuẫn ý thức hệ chi phối văn chương tạo nên những tha hóa những xuyên tạc ngộ nhận. Nhưng vượt lên tất cả, vẫn là tâm tư của những người muốn làm đẹp quê hương, bảo tồn những giá trị cao quý của dân tộc. Viết những dòng ghi chép lại cuộc sống, trong chủ quan có những cảm xúc kèm theo. Những dòng chữ, ở trong một cảm nhận nào đó, có tác dụng của những luồng điện truyền đi, gây những cơn “shock” mạnh trong tâm não. Phong thái diễn tả, có sự sinh động của dòng máu chảy, có dồn dập của nhịp trái tim. Từ ngôn ngữ, đời sống hiện ra, rõ nét nhưng bằng bạc chất ngát tâm sự. Đọc, để thấy lại một đoạn đời. Đọc, để soi trong tấm gương nhân sinh vóc dáng của nhiều người, có phận đời riêng nhưng chia sẻ chung với nhau những đa mang cam chịu của cùng một thời đại.

Viết về nguyên ủy của một bài thơ, tác giả có sự chân thành của một người nhìn lại và xét đoán chính công việc của mình:

“...Tôi đưa ngay Cát Tóc Ăn Tết cho Thế Nguyên, bài thơ Xuân đầu tiên sau bốn năm, mau chóng, bài thơ được đọc trong anh em Trình Bày từ trước khi số Xuân Trình Bày in xong. Động lực nào làm tôi tới được với thơ Xuân, cơn gió kỳ lạ nào đã đưa thơ Xuân tới với tôi? Nguyễn Ngọc Lan trước giờ vẫn nhìn tôi nghi ngờ. Nhà thơ phe hữu này đến đây làm gì? Tôi có tất cả những yếu tố hữu, cả từ đời sống đến tác phẩm. Tôi làm thơ tình, chỉ thơ tình, có cả thơ tình vì tình cờ, có cả thơ tình vì đời sống, có cả thơ tình như chọn lựa. Tôi cũng nói với Thế Nguyên tôi không thích loại thơ thời cuộc. Ngôn ngữ thơ tự nó là một thế giới, nó không là ký hiệu, là dấu chỉ cho một thế giới nào khác. Văn xuôi là dấu chỉ biểu hiện những sự vật. Thơ tự nó là sự vật. Làm sao nó có thể dẫn thân? Nhóm Trình Bày có nhiều bằng hữu thật trong sáng. Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Văn Trung, những khuôn mặt hàng đầu của nhóm nghệ sĩ này không hiện ra thu hút với tôi. Tôi có giao thiệp nhiều với Nguyễn Văn Trung, nhưng Trung là người của biên khảo, tôi có viết biên khảo nhưng vẫn chỉ cảm thấy gán bó với thi ca. Nguyễn Ngọc Lan xa lạ. Nhưng Nguyễn Quốc Thái ngây thơ và tinh tụy. Diễm Châu sâu thẳm đa dạng. Hoàng Ngọc Biên hào hùng. Mai Vi Phúc hiền hòa... Những cuộc trò chuyện với Thế Nguyên về giá tiền sắm bộ chữ Romain mới, với Diễm Châu về Malcolm X, với Nguyễn Quốc Thái về Sư Đoàn 18 và thị trấn Tây Ninh, về thơ tự do, tất cả kết hợp lại thành chuyến xe chạy trên những con lộ thênh thang có hơi thở của núi non và biển cả...”

Viết hồi ký, phải chăng là ghi chép lại những kinh nghiệm của chính đời mình cho những người ở thế hệ sau hiểu được tâm tư cảm nghĩ của thời đại mà mình đang sống? Với Nguyễn Sa,

hình như còn mục đích khác. Không hiểu chủ quan tôi có đúng không khi nghĩ rằng tác giả “Áo Lụa Hà Đông” còn muốn đối thoại với những cái thiên thu trường cửu. Đời sống sẽ ngăn ngòi lắm với lượng thời gian dần hao hụt theo tháng năm nhưng ở cõi bất tử những chữ nghĩa vẫn còn mãi. Tôi đã từng nghe những nghệ sĩ nổi danh chỉ mong ước có một bản nhạc, một bài thơ... của mình còn tồn tại qua sự sàng lọc của lãng quên.

Với hồi ký Nguyên Sa, với “Cuộc Hành Trình Tên Là Lục Bát”, có phải là điểm khởi đầu cho một miền viễn thiên thu?

Thanh Tâm Tuyền: tháng ba và những trang sách

Tháng ba. Những tháng ba định mệnh của một thi sĩ tiên phong, một nhà văn lớn. Tháng ba, tháng mà thi sĩ ra đời (15/3/1936) và tháng ba, cũng là thời điểm thi sĩ rời trần thế (22/3/2006). 1936-2006. Bảy mươi mốt tuổi thọ. Thi sĩ Thanh Tâm Tuyền.

Tháng ba, cũng là thời điểm của “Một chủ nhật khác” cuốn tiểu thuyết cuối cùng thi sĩ viết tại miền Nam trong những giờ khắc của một chính thể hấp hối và của một cuộc chiến đã đến lúc ngã ngũ:

”... Cuối tháng ba bước sang tháng tư, trận chiến bùng nổ quy mô khốc liệt tại các vùng giới tuyến. Quảng Trị mất. Kontum. Bình Long bị uy hiếp. Đầu tháng năm ấy hòa đàm Ba Lê lại đình hoãn vô hạn định. Hoa Kỳ tái oanh tạc miền Bắc dội bom Hà Nội. Hải Phòng, thả mìn phong tỏa các hải cảng Bắc Việt.

Trong thị xã xuất hiện bóng dân chạy loạn từ Kontum đến từ Huế vào. Lính tráng đi ngoài đường đội nón sắt mang theo vũ khí. Quân trường từng bị đột kích hồi năm Kiệt mới đổi lên, tăng cường bố phòng. Canh gác tuần tiểu gia tăng. Báo động phòng thủ nghiêm ngặt có đêm hai ba lần. Các sĩ quan giáo sư đều bị huy động vào tiểu đoàn trợ chiến cho tiểu khu, các đại đội ứng chiến phân phối cho các cứ điểm thuộc phạm vi trường. Không khí căng thẳng xôn xác...”

Một Chủ Nhật Khác. Một chuyện tình trong bối cảnh chiến tranh như nhà văn Mai Thảo, chủ trương nhà xuất bản Văn ở hải ngoại, tái bản tập tiểu thuyết này, nhận xét:

”Trong không khí của mùa hè nóng bỏng chiến tranh, trên thành phố cao rục rờ rét mướt, là câu chuyện tình của Kiệt. Tình say đắm. Tình thẳng thốt. Tình đầu và tình cuối. Tình sống và tình chết. Thơ mộng và tàn ác như rừng rú núi non...”

Thanh Tâm Tuyền-tác giả Bếp Lửa, Cát Lầy, Tôi Không Còn Cô Độc- đã viết Một Chủ Nhật Khác, một truyện tình hết sức lãng mạn, chứa chất những đam mê vô vọng một thời...”

Không gian của Một Chủ Nhật Khác là của một thành phố cao nguyên tương tự như thành phố Đà Lạt và quân trường mà ông mô tả giống như trường Võ Bị Đà Lạt. Những môi trường sống ấy, của năm tháng ấy, quen thuộc với những người Đà Lạt. Và những nhân vật như ông trung tá già trong truyện cũng là nhân vật có thực ở ngoài đời. Có người đã cho rằng Một Chủ Nhật Khác có thể coi như một bán tự truyện của tác giả. Kiệt có những nét giống đại úy DZư Văn Tâm nhưng không phải là thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, cái độc đáo của văn chương ông là tất cả chỉ là mờ mờ không chỉ định, giống nhưng mà không giống và đôi khi chỉ là những gợi nhớ thoáng qua... Có thể, từ suy tư của Kiệt đã nhiễm tính chất của một thi sĩ, nhìn đời sống bằng con mắt hoài nghi, sống theo dòng cuốn của thời thế và đã có mầm tự sát ngay từ lúc khởi

cuộc. Những cuộc tình, như những ngã đường rẽ qua nhiều lối, nhưng rồi, vẫn là sự chọn lựa của một người không chọn lựa, thụ động để rồi kết cuộc là một sự chấm dứt không đột ngột bởi, cái nhân đã khởi đầu cho cái quả. Rất lãng mạn, có không khí chiến tranh nhưng lại có nét hững hờ của một thế giới nào khác chứa đựng những nỗi niềm nào im lìm chìm lắng. Ngay nhân vật như ông trung tá già hay là anh chàng đại úy On đều có nét riêng của những tâm tính riêng. Mỗi một hoàn cảnh, mỗi một con người là những thế giới khác. và ngay chính trong nội tâm Kiệt cũng là những mơ hồ bất định. Đời sống trôi đi, tình yêu có thể là lãng quên nhưng cũng có thể là oan nghiệt nảy mầm từ đời sống chồng vợ không hạnh phúc giữa Ly và Siêu để thành một mối tình thật lãng mạn nhưng cũng thật nhiều gay gắt của Kiệt và Ly. Cũng như mối tình giữa cô học trò Oanh và thầy giáo Kiệt, trao tặng dâng hiến thân xác như một kỷ niệm để chia xa nhưng vẫn là những nửa vời của một kết cấu nào có những nét phá cách của những tâm tính những suy nghĩ khác thường lập dị.

Không gian ấy có nét bằng phẳng mơ hồ của một thời thế sôi sục, của những người lính sống trong một không khí đe dọa nặng nề. Những sinh hoạt của một quân trường với những người trí thức khoa bảng, có nhiều nhân vật lập dị, lúc lai căng vọng ngoại, có lúc kỳ cục dị hợm, được mô tả như một nét chấm phá của một xã hội rệu rã đang bước suy tàn...

Trung úy Kiệt, nhân vật chính "học cơ khí ở Đức, học Quản Trị ở Mỹ" là một người lính nhưng lại chọn lựa cái chết để giải quyết những vấn nạn của cuộc sống. Những cuộc tình, dù với vợ, Thùy, hay với người tình cũ đã một thời mê đắm, Ly, hay với cô học trò, Oanh, tất cả đều nhuốm vẻ hư vô, và những mầm mống bi quan. Trong hoàn cảnh chiến tranh, chứng kiến những cái chết, những người trí thức ấy bị đẩy vào cuộc chiến một cách thụ động và tham dự với sự lãnh đạm vô tâm. Quân đội đã tạo cho họ một đời sống với những quy luật cứng rắn hàng ngày. Họ sống như chờ đợi một điều gì bi thảm đang ập đến.

Trong ngày tháng ấy, tình yêu như những lửa ngọn bốc lên và dường như chớm mầm tự hủy ngay từ lúc khởi đầu. Tình yêu với Thùy, người vợ, có lúc nồng nàn nhưng cũng có lúc hận thù lạnh lùng. Còn Kiệt, vợ con cũng chỉ là một điều gì mờ lung lúc nhớ lúc quên của một người như hờ hững với mọi sự trên đời.

"... Trong thời gian này, Kiệt cũng nghe mình hờ hững lạnh nhạt với vợ con. Chàng vẫn nghĩ tới Thùy, tới ba đứa con nhưng không tha thiết buồn khổ lắm. Dường như chàng mãi chú ý đến những điều gì mơ hồ đâu đâu. Nhiều khi đứng không chàng sực nhớ những chuyện vụn vặt vô nghĩa và những nhớ tưởng ấy ám ảnh chàng triền miên. Có lúc Kiệt ngỡ ngàng thấy mình đang sống như cái máy. Đầu óc chàng lơ đãng chậm chạp. Nhưng đồng thời vang vọng ở chàng một niềm hoan lạc thâm thì khó dứt. Chàng bắt gặp những phản ứng bất chợt kinh ngạc. Những lúc ấy chàng như tỉnh táo hẳn thất cảnh tượng trời đất chênh choáng trong gió hoặc bấp bênh nhẹ bồng như thiếu khí thở..."

Như một người mộng du, Kiệt sống phân hai giữa cuộc sống đang náo động bên ngoài và nội tâm hờ hững bên trong. Sự bất nhất hay thay đổi cũng như tự chính mình coi mình như một kẻ lạ khiến những hình ảnh đàn bà như xáo lộn với nhau và gợi đến nỗi lãng quên, "Cùng một lúc chàng nhớ Oanh và Ly, tâm thần bất định xoay chuyển như cánh quạt gió. Chàng nhớ Ly để quên Oanh rồi chàng nhớ Oanh để quên Ly và chàng nhớ Thùy và các con để quên hai người..." Trong một định nghĩa nào đó, tình yêu có phải là sự lãng quên?

Đọc Một Chủ Nhật Khác, như đọc những mảnh đời của một người. Nhưng, những mảnh đời ấy lại có chất bằng phẳng của một không gian thời gian mơ hồ của những hư cấu và hiện thực chen lẫn nhau. Mối tình với Oanh, với Ly, mà sự khao khát dục tính như những mối như loài cá cắn câu, có khi chỉ là của sắp xếp tưởng tượng nhưng lại bằng phẳng những vết hằn nhứt nhối của

những điều tình cờ mà có thể liên tưởng tới từ cuộc sống...Hình như, cuộc đời dưới nhãn quan và suy tưởng của ông là một chuỗi thất bại. Tình yêu thất bại, làm tình cũng thất bại mà truy hoan cũng thất bại luôn, để đến nỗi cái chết cũng là của một định mệnh thất bại. Và từ một liên tưởng ấy, thân phận trí thức trong một xã hội có bóng dáng chiến tranh cũng là một thân phận của những người dơ tay đầu hàng từ lúc khởi cuộc....

Đọc tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền, phải đọc Bếp Lửa. Nhân sinh quan của ông nằm trong nội dung của cuốn tiểu thuyết một cách thật rõ nét. Và có nhà phê bình đã nhận định rằng đây là một cuốn tiểu thuyết trong thời điểm đó đã mở ngõ cho sự khai phá những tiểu thuyết mới.

Đây là một tác phẩm mà ông đã viết khi còn rất trẻ và mỗi lần tái bản là mỗi lần sửa chữa và viết lại bài đề tựa. Bài đề tựa Bếp Lửa lần thứ hai:

"... Người được đề tặng sách này đã chết.

Hắn. tên Vũ Đạo Aùnh, chết vào một buổi sáng chủ nhật đầu tháng chín năm 1064, tại một khu rừng tỉnh Bình Dương, một viên đạn xuyên ngang ngực năm mới ngoài ba mươi. Vào một buổi chiều cuối tháng tám, hắn còn đứng trước một căn nhà trong hẻm ngoiạ ô, nhìn qua cửa sổ, đèn trong nhà thấp sáng nhưng mọi người đi vắng, cất tiếng gọi. Như những ngày mùa thu, mùa đông nơi thành phố, xa khuất cũng hơi ngửa đầu lên cao liếc màu trời xẩm mau, hắn gọi đứa bạn của thời niên thiếu nghèo khổ, gọi những mộng phiêu lưu đã bị nghiền nát cùng tuổi trẻ như một Thiên Đường cửa đóng. Hắn lủi thủi trở về như bị bỏ rơi, chạy qua thành phố Sài Gòn buổi tối còn ngơ ngác những âm vang của mấy ngày hỗn loạn. Có lẽ hắn nhớ tới thnah phố của tuổi trẻ, như nhớ tới đứa bạn, hắn đã chạy cuống trong đó trên chiếc xe đạp tồi tàn giữa những ngày tháng rách bươm, mơ ước cái cơ hội kết tập được ngày tháng tan rã thành một đời ý nghĩa. Có lẽ hắn muốn gặp đứa bạn để hỏi : tại sao mày không viết được gì thêm nữa ngoài cuốn sách đề tặng tao?; cuốn sách hắn nhận được vào một ngày cuối năm nào khi còn đóng đồn trên sườn núi ngoài Trung nhớ quê hương đã lia bỏ cùng mẹ và gia đình ở lại, cuốn sách vợ hắn mang liệm theo xác như một kỷ niệm hắn muốn mang đi. Hắn không gặp đứa bạn và tự hỏi. Nó ra sao?, đã lâu không gặp, như ngày nào trong thành phố hoài nghi và khắc khoải, hắn thường tìm bạn và hỏi: Thế nào, chúng mình sẽ đi về đâu?

Hắn gục chết bên một gốc cây, mau lẹ, không đau đớn. Hắn nằm đó, đầu ngoẹo sang bên, gồi lên cô như một người ngủ mệt sau đoạn đường hiểm trở của Định Mệnh-Định Mệnh của một thế hệ, những người còn sống là những kẻ sống sót. Hắn đã đi từ tuổi trẻ bị cướp đoạt, tới nằm đó trong khu rừng giữa cuộc chiến phơi mình làm một sự thật thô sơ, ở đây, trong xứ sở khốn nạn này, cuộc chiến phải chấp nhận không phải là lối phiêu lưu trốn chạy ngông cuồng. Cái chết của hắn không phải là một huyền thoại Rimbaud, một huyền thoại Lawrence, tên bạn hắn hiểu được như vậy.

Chúng muốn gì? Người chết cho kẻ khác sống. Chúng muốn gì?

Những nhà phê bình ở Hà Nội đã gọi các nhân vật trong cuốn sách này là bọn tôi mọi nô lệ. Họ hỏi trong khi họ xây dựng xã hội chủ nghĩa, bọn này đi đâu? Những người ở Hà NỘi không khi nào tự đặt câu hỏi với mình, những câu họ thường đặt cho kẻ địch. Bọn chúng đã đi trong thống khổ của lịch sử tới cái chết như sự từ chối quyết liệt. Tại sao/ Đáng lẽ họ phải tự hỏi: tại sao? Cái chết lựa chọn không phi lý, nó sẽ làm nảy sinh sự thật, sự thật của những người chết truyền lưu cho kẻ sống sót.

Mỗi nhà văn, chính là một kẻ sống sót?..."

Bếp Lửa có không gian của Hà Nội những ngày trước khi mà đất nước chia cắt. Nhân vật tên

tâm đã kể lại chính về cuộc đời mình và cả những người chung quanh trong một thành phố náo loạn bất an. Tâm mồ côi cả bố lẫn mẹ, sống trong một xã hội vẫn còn dưới sự đô hộ của Pháp và những tư tưởng Quốc Gia Cộng Sản xung đột nhau dữ dội. Tác giả Bếp Lửa bằng những nét phác họa rất sắc để tượng hình ra một môi trường sống mà ở trong đó những cá tính về chính trị được biểu hiện rõ nét. Ông hình như không chỉ muốn phác họa một chân dung của Tâm mà còn muốn mô tả cả một thế hệ thanh niên trong thời kỳ đó. Như Bảo một người trong đảng phái Quốc Gia có lúc đã tham dự vào phong trào Ngũ xã của Việt Quốc nhưng nay đã mất tinh thần và không còn tin tưởng như thời trước nữa. Như Đại, một người bị mê đắm đến mù quáng vì chủ nghĩa Mác Xít và đang chuẩn bị thoát ly ra khu để theo Việt Minh. Như Đại, một người của phòng Nhì Pháp. Như Ngọc một người có tư tưởng hư vô và không quan tâm đến thời cuộc, cũng như quốc gia dân tộc. Hay như ông Chính, một người Việt Quốc vẫn còn kiên cường đi và tin tưởng vào sự chọn lựa của mình. những nhân vật ấy đã sống và mỗi người mang tâm trạng riêng, một nỗi niềm riêng.

Chuyện tình trong Bếp Lửa có nét nhẹ nhàng và giản đơn không khúc mắc. Tâm gặp cô bạn cũ tên Hạnh trên một chuyến xe và sau đó đã đi ăn với nhau và ngủ với nhau tại khách sạn. Một vài lần sau cũng tái diễn như thế và với Hạnh, bóng dáng của chiến tranh đã làm cho nàng như lạc vào một tâm trạng khác tạo mê đắm và hứng thú cho công việc làm tình. Nhà văn Huỳnh Phan Anh có một nhận xét:

“Nếu Bếp lửa thể hiện một sự thật, một kinh nghiệm thì thất bại chính là tên gọi của sự thật của kinh nghiệm đó. Trong một bài viết về Thanh Tâm Tuyền tôi có đi tới một nhận xét” Đọc Thanh Tâm Tuyền tức là tham dự một cách nào đó cuộc phiêu lưu trắc trở của một ý thức 1 lạc loài và bất hạnh.

Nhân vật Bếp Lửa chính là một trường hợp điển hình của ý thức khốn khổ đó. Một ý thức khốn khổ ù hay một ý thức trong cuộc hành trình vô vọng giữa hư vô và đổ vỡ. Một ý thức mà giấc mộng” biến cải thế giới”, “thay đổi cuộc đời” tự do và chọn lựa”... chỉ là một nỗi đam mê vô ích giữa những thế lực mù quáng của Định Mệnh và lịch sử không ngừng “lấn áp ở mọi phía”. Một ý thức trong cô đơn và bất lực bị kết án phải “đi một mình suốt đời” giữa bốn bề bốn động tối tăm. Cuốn sách mở ra một cuộc hành trình, hành trình vào cõi đêm thâu. Trên từng câu ngắn, trên từng ý nghĩa cô đơn, người đọc không đọc mà lắng nghe, lắng nghe cái âm vang lạc loài của những bước chân cô đơn quờ quạng...”

Văn tiểu thuyết của một người thất bại thì thơ là của bóng đen, của những nỗi niềm của một thế kỷ xa lạ.

*“Một người da đen một khúc hát đen
bầu trời đen sâu không cùng
những giòng nước mắt
xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
bằng giọng của máu của tủy của hồn bắt đầu ngày tháng
giữa rừng không lời rừng mãi trống không
ném mình ném đám đông vào trần trường tử cực hờn xác thịt
tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai
tôi rằng không quên chẳng thể được quên
vì Blues không xanh vì điệu Blues đen
trên màu da nức nở...”*

Có người đã viết những câu thơ. Một thuở nào, xa lắm. Những ngày, mà Hà Nội chỉ còn hiện diện trong giấc mơ. Những ngày, mà Sài Gòn đã thành hiện hữu.

Có những câu thơ, bắt đầu một thời kỳ của tình yêu bị chia cắt. Những câu thơ, của một thi sĩ đang đi tìm lại một giấc mơ:

*“sự em có mặt cần thiết như những sớm mai
(nếu đời người không có những sớm mai)
anh trở dậy
đọc thơ Nguyễn Du
những câu lục bát buồn rưng rưng cuối đường
của một ngày...”*

Có một người, tự gọi tên mình để nhận diện cho ra chân dung nỗi buồn. Vào trong góc vắng, nghe những vỡ vụn của thanh âm tiếng chuông. Những câu thơ, hoang mang, xa lạ. Những câu thơ, của nỗi niềm xa vắng :

*“tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
buổi chiều sao vỡ vào chuông giáo đường
tôi xin một chỗ qui thầm kín
cho đứa nhỏ linh hồn
sợ chó dữ
con chó đói không mầu...”*

Có một người làm thơ, tìm giấc mơ trên những giây phút cảm xúc của nhịp thở. Hôm nay, ngày mai là chính là cái kết tinh của ngày hôm qua. Thơ, là gợi ý cho con người bước đi trên nhịp cầu sinh tử.

*:... những giấc mơ-hôm qua là phá hủy-hôm nay là ngày mai
nhỏ như con tim đôi mắt chớp lệ
nhỏ như hơi thở trong một ngực tình cờ
hung thần chạy trốn
hào quang trên môi hôn
lời nhiệm mầu tác phẩm”*

Có những câu thơ, viết về nỗi buồn. Thi sĩ, làm những câu thơ, nói lên những nỗi niềm chung mang của một thế hệ.

*“tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rã rượi.
Đôi khi anh muốn tin
Ngoài trời chỉ còn trời sao là đáng kể
Mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
Đến ngày cuối
Đôi khi anh muốn tin*

*Ngoài đời thom phức những trái cây của thượng đế
Mà bên những trái cây ngọt ngào đời môi em
Nguồn sữa mật khởi đầu...”*

Cũng những câu thơ ấy, về sau, là một trời suy tư. Chữ nghĩa, là những để lại cho đời.

*“nghe lời vọng lòng sách u uẩn
trang giấy ố một xông mở quên
chữ nghĩa dày dặn hàm hồ
nghe tuyệt tích cảm dỗ*

*dưới mái dột nát tạm trú
ngọn điện chong rục lóa vắng xưa
chiếc bóng ám sàn vách loang lổ
dị hợm vô hình thù...”*

Có vài khúc dạo tặng tri âm. Thơ, ở trí biệt khuất ngoài lịch sử.

*“Rũ bỏ ký ức –ký ức người
mông muội đắm mình
không thể khác
ngậm tanh tiếng sơ sinh
lạnh bất trắc...”*

Người thi sĩ bay vào miền đất lạ. Hồi trước, thi sĩ đã khóc người bạn, thi sĩ Quách Thoại. “còn gì chẳng. Tôi bung mặt khóc bên thềm cửa. Trời –đất rưng rưng. Em không để cầm tay. Khi người thi sĩ ấy chết trơ trụi. Không một lời trời trăng từ biệt. Mắt khép không đợi vuốt. Nửa đêm...” Bây giờ, có một câu thơ vẫn còn hiển hiện :

*“xin trao thi sĩ vòng hoa tặng.
Chúng ta đã thắng giữa cuộc đời...”*

Thanh Tâm Tuyền. Thi sĩ đã vừa ra đi. Tôi Không còn Cô Độc. Liên Đêm mặt trời Tìm Thấy. Thơ Ở Đâu xa. Những tập thơ đánh dấu những cột mốc của thi ca Việt nam. Bây giờ, từ những vận động để làm mới thi ca cũng như những tâm sự nỗi niềm của một thời đại, đã qua đi. Thi sĩ đã khuất vào trong cõi vô thủy vô chung. Thơ như tài sản để lại cho đời ... Của Việt Nam chiến tranh. Của đất nước một thời chia cách....

Tạp Chí Văn Nghệ của Nguyễn Mạnh Trinh Nguyễn Đình Toàn

Cơ sở Báo Chí & Xuất Bản Người Việt vừa cho ấn hành tập Tạp Ghi Văn Nghệ của Nguyễn Mạnh Trinh, dày trên 600 trang. Sách trình bày trang nhã nhưng “co” chữ hơi nhỏ đối với những người cao tuổi.

Như cái nhan của cuốn sách, Nguyễn Mạnh Trinh viết về gần 70 tác giả, cả trong và ngoài nước, các nhà văn, nhà thơ và cả nhạc sĩ, những cảm nghĩ của mình khi đọc/nghe các tác giả ấy, đôi khi chỉ là những xúc động bất chợt của tâm hồn đầy ứ văn chương, kỷ niệm của ông, tuôn tràn thành chữ.

Cũng phải nói thêm cho rõ ở đây, mặc dầu Nguyễn Mạnh Trinh đã xác nhận rằng mình “tuyệt đối không có ý định phê bình”, chỉ là người “đứng bên bờ biển văn chương ngắm nhìn thường thức từ góc cạnh riêng”, nhưng cái phần “phê” và “bình” vẫn chiếm một phần không nhỏ đối với hầu hết các tác giả ông đề cập đến trong cuốn sách.

Tạp ghi hình như đang là một loại hình văn học đang được các người viết xử dụng rất nhiều.

Và (hình như) mỗi người có thể hiểu hai từ ấy một cách. Chính Nguyễn Mạnh Trinh, người đã dùng hai từ ấy để ghi chú cuốn sách của mình cũng phân vân:

“Viết tạp ghi có phải là công việc làm văn chương? Câu hỏi ấy thỉnh thoảng lại lờn vờn trong óc tôi mỗi khi nghĩ tới bài viết sắp đến. Thực tình, tôi muốn làm một người tìm tòi trong sách vở, trong đời sống một chút mơ mộng, một chút gì khác với đời thường, của mỗi ngày làm việc, của mỗi tuần bắt đầu từ thứ hai cho tới thứ sáu. Thâm tâm, tôi muốn tìm người chia sẻ. Viết ra, cũng là một cách làm vui cho chính mình.”

Những ai để tâm theo dõi sinh hoạt văn học nghệ thuật của chúng ta ở hải ngoại, những năm gần đây, hẳn cái tên Nguyễn Mạnh Trinh đã trở nên quen thuộc. Trang Văn Học Nghệ Thuật của Nhật Báo Người Việt chủ nhật hàng tuần gần như không bữa nào thiếu bài của ông. Điều đó chứng tỏ ông làm việc cần cù, đều đặn và nhất là say mê công việc.

Nói cách khác, qua các bài viết của Nguyễn Mạnh Trinh, độc giả, dù đồng ý hay không với các ý kiến và nhận định của ông, đều có thể dễ dàng nhận ra một điều: ông là người yêu văn chương. Ông viết như một cách tỏ tình với sách vở, với văn chương, chính xác hơn : tỏ tình với thơ.

Người yêu thơ là người có khuynh hướng yêu cái đẹp tuyệt đối. Nên đối với ngay cả những thi sĩ mà ông yêu mến nhất, nói một điều gì đó, làm một điều gì đó “không thơ” hoặc chỉ “thiếu chất thơ” thôi cũng khiến ông có vẻ “tiếc rẻ” thậm chí “nổi giận” nữa.

Trường hợp Xuân Diệu là một thí dụ. Nói về thơ Xuân Diệu thời kỳ Cộng sản Vương Trí Nhàn viết: “Xuân Diệu đã trở thành một người lao động đơn giản theo nghĩa đen của từ này”

Còn Đặng Tiến thì cho rằng: “Xuân Diệu đã cướp một mâm tiệc Bồng Lai đem về làm một bữa cơm trần thế cho những người ăn vì cần ăn chứ không phải ăn cho vui miệng. Thơ Xuân Diệu ngày xưa là áo gấm, thơ Xuân Diệu ngày nay là manh áo nâu sứt chỉ đường tà” Nguyễn Mạnh Trinh dùng hai tiếng “kinh khủng” để nói về thơ Xuân Diệu khi Xuân Diệu tự coi mình là con gà mái mắn để dễ đẻ trứng phục vụ Đảng :

Cục tác.. Cục tác

Hết trứng này tôi còn trứng khác

(Xuân Diệu/Buổi trưa ở Thịnh Lang)

Ngắn gọn thôi, nhưng đau đớn. Nỗi đau đớn ấy, ở một mặt khác, nói lên cái tình của Nguyễn Mạnh Trinh đối với văn chương, đối với thơ.

Khi yêu, thực sự yêu, người ta dễ bị xúc phạm lắm. Càng hiền lành, người ta càng dễ bị xúc phạm. Chỉ một lời nói vô tình, một hành động tình cờ nhỏ không đẹp, đủ làm vỡ những kỷ niệm, vì yêu nên đã trở thành trân quý, tạo thành những vết thương âm thầm, nhưng nhiều khi mãnh liệt, đủ làm cho tâm hồn người ta khánh kiệt, nói chi đến sự phản bội trắng trợn đến như thế.

Nguyễn Mạnh Trinh có vẻ là một người hiền lành. Văn ông chứng tỏ điều đó. Cung Giũ Nguyễn đã có lần nhận rằng ông có những câu văn thâm độc, phản ứng của người sống hướng nội, bị ức chế.

Phê bình “Mái Tây” của Vương Thực Phủ, Thánh Thán đã viết đại khái rằng: “Kẻ nào đọc cuốn sách mà không thấy được cái hay thì cứ việc nọc ra mà quát cho mấy roi. Nhưng nghĩ cho cùng đánh như thế cũng oan cho hắn. Vì hắn có biết đâu mà đánh”

Câu văn không ác sao?

Mà cũng không “hay” sao?

Cái ác trong văn chương như vậy đó. Nó không làm đau người, không làm chết người. Nó xóa bỏ cái ác. Nguyễn Mạnh Trinh viết về những cái bất mãn của mình chỉ như những điều đáng tiếc. Nhẹ nhàng thôi. Ông cũng không quanh quẩn với những cái bất như ý đó lâu.

Lật trang trước, trang sau người ta lại có thể được đọc những dòng văn dịu dàng như một dòng suối nhỏ, dù ông có đang viết về ai đi nữa.

Phần Nguyễn Mạnh Trinh viết về Vũ Bằng, có những đoạn rất đẹp. Dường như ông nhập vào cái dòng tùy bút của Vũ Bằng, đầy ấp những hoài niệm, có điểm gì đó tương đồng giữa hai tâm hồn nên ông đã viết một cách dễ dàng (có vẻ như thế) và trích dẫn Vũ Bằng theo cái cách người đọc có cảm tưởng (hình như) ông còn muốn trích dẫn nhiều hơn nữa:

“Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè nhớ lại, nhớ hoa sấu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt cả bầu trời mà nhớ lên, nhớ nhãn Hưng Yên, nhớ vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bồ Hạ, đào Chapa mà nhớ xuống. Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ bát canh rau sống Chùa Hương, nhớ khóm tiến xuân la trồng ở bên đậu trúc, nhớ mưa bụi vợ chồng nửa đêm thức giấc đi uống một ly rượu ấm ở cao lầu, nhớ những buổi trưa hè có ve kêu rền rền, nhớ luôn cả những cô gái Thổ cưới ngựa thồ đi trong rừng có những cánh hoa đào rơi lả tả nơi vai áo..”

Tô Thùy Yên, thơ như người bị bức tử

Ai hét trong lòng ta mỗi lúc /như người bị bức tử canh khuya? Xé toang từng mảnh đời tê điếng/ Mà gửi cùng mây đờ thảm thê/... Trong buổi chiều gió giạt loạn cuồng của những cơn bão kéo tới, tôi đọc những câu thơ ấy mà nghe dường như có điện giạt trong châu thân. Thơ như u uất của đất trời. Thơ như lòng người đang cơn phẫn nộ. Bây giờ, cả dân tộc Việt Nam đang đau đớn với sự hiếp đáp của đế quốc phương bắc mà những người lãnh đạo lại hèn nhát yếu mềm cam chịu... Thơ như lời tiên tri, như những vết hằn trên đá từ năm tháng.

Trường Sa Hành. Bài thơ viết vào tháng 3 năm 1974 của Tô Thùy Yên sau trận hải chiến Hoàng Sa hơn một tháng. Lúc ấy, thời cuộc như lò nung hơi chờ bùng vỡ. Ở trong thì nội chiến, ở ngoài thì ngoại xâm. Thế mà, những chiến sĩ vẫn giữ gìn từng tấc đất của tổ quốc. Tô Thùy Yên trong một chuyến công tác ra quần đảo Trường Sa đã làm những câu thơ như tiên đoán một định mệnh tàn khốc:

*”Sóng thiên cổ khóc biển tang chế
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?”*

*Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng tròng dương khóc trắng trời
Mùa gió xoay chiều gió khóc liệt
Bãi Đông lờ mắt bãi Tây bồi
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?"*

Thơ như nỗi ngậm ngùi. Thơ như nỗi niềm u uất của những người đi tìm kiếm những điều xa xôi khó lý giải. Làm một bài thơ có phong vị hành chỉ là một cái cố, để mượn thiên nhiên độc thoại với mình, để thấy kiếp người với nỗi niềm mãn khai và thời gian sẽ thành ngôi mộ với tấm bia kết từ đời u tịch.

Thật là khó giải nghĩa một bài thơ, nhất là một bài thơ có không gian rộng mênh mông như Trường Sa Hành. Trích một vài câu, diễn giải một vài đoạn, sẽ chẳng làm rõ ràng thêm được những điều tác giả muốn nói, muốn trao gửi trong thơ. Mà, chỉ làm vụn vặt đi cái vơi vợi khôn cùng của cảm xúc

Cho nên phải đọc một hơi để những hình ảnh nối tiếp nhau để thấy tràn ngập một nỗi cô đơn của con người nhỏ nhoi trước cao rộng của thiên nhiên và tiềm thức Ngôn ngữ của Tô Thùy Yên không có những từ khó hiểu và thơ bảy chữ ấy cũng man mác âm điệu của những bài hành của thời kỳ Hành Phương Nam của Nguyễn Bính hay Tống Biệt Hành của Thâm Tâm. Thế mà, có một điều gì mới mới, cũng không hẳn từ ngôn ngữ mà cũng chẳng phải là hình ảnh, cảm giác ấy có từ những liên tưởng từ tất cả : ý thơ, tứ thơ, âm vận thơ, hình tượng thơ tạo thành. Có một điều rõ ràng trong thơ Tô Thùy Yên là cái hững hờ cảm hiện ra trong một lúc hòa hợp với những suy tư tích chứa mỗi ngày mỗi tháng nên có sức truyền cảm mạnh. Lý Chất, một phê bình gia đời Minh trong Tạp Thuyết đã viết về hiện tượng này. Người làm thơ tích lũy vốn liếng sống ở mức độ dồi dào thì một sớm "tức cảnh sinh tình, xúc động thờ than, giựt cả chén rượu của người khác, dốc nỗi oán giận ở trong lòng, thờ lời bất bình từ trong bụng, từ số phận đau khổ của mình, liên hệ tới biết bao nhiêu chuyện xa xưa muôn thuở... Khi đã viết là nhả ngọc phun châu, ánh sáng soi rọi tận vân hán, như nét đẹp giữa trời, thể rồi bèn tự phụ, giữa cõi đất trời hết vang, khóc lóc như điên không tự chế được". Tóm lại, cái hững hờ cảm được nảy sinh từ cuộc sống hiện thực và trong một phút giây nào đó đã tạo thành xúc động của một người lên cơn đồng thiếp.

Trong thơ Tô Thùy Yên, thơ có phải là những vần điệu vang vọng trong cơn đồng thiếp ?

Làm thơ về Trường Sa, để thấy được cái hữu hạn của con người cũng như niềm cô đơn của những người luôn đi kiếm tìm một đích đến dường như rất xa xăm nhưng lại có lúc gần gũi. Mỗi một bài thơ, có phải là một cơ duyên, để con người cất lên tiếng nói của mình, của những nỗi niềm u uẩn khó lý giải...

Trở lại với thi sĩ Tô Thùy Yên, tôi trong cái chủ quan của mình vẫn cho rằng ông làm mới thi ca trong những nét cổ điển. Nhắc tới Tô Thùy Yên, mà những bài thơ bảy chữ như Ta Về, như Quý Xương Thi, hay Hề, Ta Trở Lại Căn nhà Cổ... hay tám chữ như Chuyện Tình Người Lữ Vận... đã tạo thành một thế giới thi ca riêng, mà trong đó cái đời sống đã tượng hình trong cái chưa rõ nét, mà cái cảm xúc làm nền tảng hơn là những sự kiện thật. Ở đó, Tô Thùy Yên đã phá lên một lớp sương mù của suy tư và đã làm thay đổi cả hiện thực trong ngôn ngữ và vần điệu... Trong suốt bao nhiêu năm làm thơ ở trong nước, ông chưa in một tập thơ nào cho mình. Để đến khi ra định cư ở hải ngoại, mới in Thơ Tô Thùy Yên và Thấp Ta. Những bài thơ, chọn lọc suốt bao nhiêu năm sáng tác, có nhiều bài chỉ không những tiêu biểu cho riêng Tô Thùy Yên mà còn cho cả văn chương Việt Nam nữa.

Khi mới xuất hiện trên Sáng Tạo, với những bài thơ, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, ... đã tạo một khí hậu mới cho thi ca. Thơ tiền chiến đã thành những tiêu điểm để vượt qua. Thanh Tâm Tuyền viết "Trèo lên cây bưởi hái hoa" để làm rõ ràng hơn những ý tưởng làm mới. Nguyên Sa mang lại những khí hậu phương tây vào văn chương với những bài thơ mượt mà, những hình ảnh mới lạ. Còn Tô Thùy Yên, thì như "Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu":

*"Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lúi chổng mặt
Gò nông cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thờ hào hể thờ hào hể
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình mượt như cỏ
Như giữa nền nhưng một vết nâu"*

Đọc xong bài thơ có lẽ sẽ có nhiều ý tưởng ập đến. Tôi độ chừng tâm tư mình xuôi ngược theo những trục thời gian. Rượt đuổi, gắng rượt đuổi nhưng vô vọng. Có phải chúng ta đang trong một lộ trình hào hể, với đích đến gần kề nhưng lại vời xa. Bây giờ, sống trong ngày tháng mà vòng quay nhân sinh mù mịt đến chóng mặt thì những hình ảnh như chuyển tàu như con ngựa lại mờ rộng ra biết bao nhiêu liên tưởng, gợi ý biết bao nhiêu tâm tư để rồi trong cái hữu hạn để chắm dứt một vô cùng. Hình ảnh thật đẹp " ngựa ngã lăn mình mượt như cỏ/như giữa nền nhưng một vết nâu/..."

Bài thơ ấy Tô Thùy Yên làm thời tuổi trẻ nhưng đã có sự suy tư già trước tuổi, với những hình ảnh hiện thực gợi hình chuyên chở được những tâm ý gửi theo. Thơ như một ám ảnh, của những nỗi muộn màng, của những nỗi niềm chìm sâu từ quá khứ. Dù chỉ là vài hình tượng có chất đặc trưng, những ý niệm siêu hình đã làm bước chân người đọc đi xa hơn vào những lãnh địa mà chất động và chất tĩnh hòa nhạt với nhau, để thành một cảm giác rung động trong lòng người đọc.

Chiến tranh với Tô Thùy Yên, có lúc là những ám ảnh, có khi là niềm phẫn nộ, nhưng cũng là hiện thực của một đời sống binh lửa. Những câu thơ hào sảng, những ý nghĩ bất cần, những ngày sống chỉ biết cho hiện tại:

*"...Thiệt tình, tên bạn ta không nhớ
nhưng mà trông mặt thấy quen quen
hề chi ta uống cho say đã
nào có ra gì một cái tên.
Tới đây toàn những tay hào sĩ
sống chết không làm thất ruột gan
cũng không ai nhắc gì thân thể
có vợ con mà như độc thân
bạn hỏi thăm ta cho có lệ"*

*cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung
còn mười tháng nữa lên trung úy
có thể ngày mai chưa biết chừng...”*

Những câu thơ của “Anh Hùng Tận” có cái thô nhám nhưng chân thực của cuộc sống. Thời tên bay đạn lạc, biết đâu ngày mai thành cổ trung úy lên bàn thờ ngời cho nên : “Giờ cất quân, đưa tay bắt/ Ước cõi âm còn gặp để say.”

Tô Thùy Yên đã nhìn cuộc chiến với những hình ảnh của gian khổ, của những ngày tháng vô định, những cái chết trẻ đau thương. Bài Qua Sông có những câu tả chân, phác họa lại một không gian đầy tử khí:

*”Giặc đánh lớn- mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
hồn chùng hiu hắt nổi không tên
tiếp tế khó- đôi lần phải lục
trên người bạn gục đạn mười viên
đi tản khó – sâu dòi lúc nhúc
trong vết thương người bạn nín rên
người chết mấy ngày chưa lấy xác
thây sinh, mặt nát, lạch mương tanh...”*

Một thời làm lính rồi một thời đi tù, cái mẫu số chung của cả một thời đại ấy đã được thi sĩ viết thành nỗi niềm riêng, tuy cũng là chung của nhiều người.

Một bài thơ, có mang chút thời thế vào trong vần điệu trầm buồn. Ngồi hái rau, giữa cái thỉnh lặng của đất trời để nghe như trong thiên nhiên có hồn người lẫn khuất.

*“Chiều ra đồng hái rau hoang
Nghe sầu theo gió thổi tràn mặt ta
Ơn trời ơn đất bao la
Hái đi này những xót xa kiếp người
Cỏ kim chung một mái trời
Kính Thi cũng có bóng người hái rau
Cúi mình khổ lụy như nhau
Tập tàng mót nhặt trả hẳn nợ thân
Cơ trời núi đổ sông dâng
Miếu đường bay mái, thánh thần lạc thầy
Ta nhìn ta, lạ lòng thay*

Tả toi, đâu chỉ hình hài thấy đây...”

Trong phần ghi chú ở cuối tập thơ, tác giả đã viết khá nhiều về bài thơ Hái Rau này. Nếu ở ý định làm rõ xuất xứ của câu thơ thì thật không cần thiết nhưng nếu để làm rõ ra những ý nghĩ của mình thì có lẽ còn tác dụng.

“Sống đông bữa một, tâm chèn khổ sao.

Một cực hình cấp địa ngục: phải đối diện chăm chăm với mỗi cảnh khổ duy nhất thường trực bất biến, triền miên sao đờ lại. Phải chăng sự luân phiên chuyển đổi những cảnh khổ khác nhau

trong đời người phần nào cũng giúp được cho con người chịu đựng nỗi đời sống”
Sau đó tác giả viết về xuất xứ của những câu thơ như:

*“miếng ăn đắng nuốt nghẹn ngào
chỗ sân thấp biết nơi nào sạch dơ”*

gợi ý từ bài thơ Paradiso của Dante Alighieri. Hay câu thơ ”quán xanh còn mở cho chàng về qua?” gợi ý từ thơ trong Comedie De La Soif của Rimbaud.
Theo suy nghĩ của tôi, thi sĩ quá cần thận và làm cho người đọc mất đi cái thú tìm kiếm.

Đọc hai tập thơ, hai bài viết về những tháng ngày lao ngục chuyên chở được nhiều ý hướng của Tô Thùy Yên nhất là Tàu Đêm và Ta Về. Một đi, trong nửa đêm tranh tối tranh sáng, trong những toa tàu đặc nghẹt người, trong nỗi ê chề của những người thất trận. Một về, trong nỗi chán chường của một người lưu lạc, như một kẻ lạ trở về quê cũ của mình.

*“Tàu đi như một cơn điên đảo
sắt thép kinh hoàng va đập nhau
ta tưởng chừng nghe thời đại động
xô đi ám tử một cơn đau
ngồi đây giữa những phân cùng bụi
trong chuyến đời xung sát bạo tàn
ta trở thành than thành súc vật
tiếng người e cũng đã quên ngang...”*

Chuyến đi như một ác mộng kinh hoàng chuyển về lại ngậm ngùi của những năm hoang phế.

*“Ta về như bóng ma hồi tử
lục lại thời gian kiếm chính mình
ta nhạt mà thương từng phé liệu
như từng hài cốt sắp vô danh
ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
đọc lại bài thơ thuở thiếu thời
ai đó trong hồn ta thổn thức?
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi
Ta về như hạc vàng thương nhớ
một thuở trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trả hết được lòng ta. ”*

Viết về thơ Tô Thùy Yên, có lẽ còn phải dài hơn. Có những bài thơ như Chiều Trên Phá Tam Giang, như Mùa Hạn, như Hè, Ta Trở Lại Căn Nhà Cỏ, như Tháp Tạ... đều có những đoạn thơ hay, đều có những ý tưởng thích thú. Và để tổng kết lại những cảm nghĩ, tôi đã viết một bài thơ, mà rất lâu, khi nhà thơ còn ở Việt Nam. Bài thơ “ Chiều trên xa lộ đọc thơ Tô Thùy Yên”, viết lại ở đây như một chia sẻ:

*“buổi chiều lái xe trên xa lộ
sao nghe tiếng sóng Phá Tam Giang
tâm tư cánh cửa vừa bung mở
khuôn trời xanh biếc tận ngàn năm
Mỗi bánh xe đời lăn miết miết
Lạnh buốt trong tâm quý xướng thi*

Gần xa quanh quẩn vòng sinh diệt
Sao ta vẫn sống thật lạ kỳ
Lòng cứ mênh mang ngàn câu hỏi
Mặt trời phương đông hay phương tây
Hay như ghềng đá thiên thu đợi
Bọt nước rêu loang những gót giày
Sống qua thế thời này chẳng dễ
Vút lao muôn sóng cửa Thần Phù
Trôi theo vụn kiếp từ hạt lệ
Dấu vết còn hằn đá vọng phu
Nói với thình không vài chuyện phiếm
Đèn chưa vàng nhem nuốc hoàng hôn
Đến khi bạc tóc đành sương điểm
Vỡ lẽ chưa xong nỗi mắt còn
Bồng dung tay nhỏ che trời đất
Làm gã cuồng rảo đến vô cùng
Có gã vương tôn miên trí tuệ
Hoài hoài chưa hết ý vô chung
Lái xe mà tưởng qua Vàm Cống
Thân thể mênh mang đến mấy đời?
Xưa cũ đành hanh vài huyền mộng
Tràng thành trống điểm nguyệt còn soi
Chiều chủ nhật một mình xa lộ
Bên cạnh đường như có một người
Chân dung mờ nhạt như không rõ
Thơ hoài giọng đọc mãi khôn vơi

Cao Tần, thơ người di tản buồn

Cao Tần là một thi sĩ xuất hiện một cách bất ngờ trong thời điểm vô cùng đặc biệt. Lúc đó, là những năm đầu kế tiếp sau cuộc di tản của mấy trăm ngàn người Việt lưu lạc sang xứ người. Trong hoàn cảnh bắt đầu của một cuộc sống xa lạ, khởi đi từ những nỗi niềm mang theo, văn chương ở hải ngoại đã nảy mầm từ những tâm tư thương nhà nhớ nước của người Việt tị nạn sau một cuộc đời. Cao Tần là một nhà thơ xuất hiện sớm nhất và cũng là một nhà thơ nổi bật nhất trong thời kỳ ấy. Vốn là một nhà văn đã thành danh ở Việt Nam và cũng là một ký giả có lối viết phiếm luận sắc bén, thơ Cao Tần đã được để ý từ những bài thơ đầu tiên.

Năm 1977, gần hai năm sau ngày 30 tháng tư năm 1975, trên tờ báo Bút Lửa có đăng mấy bài thơ của một thi sĩ danh tánh lạ hoắc ký tên Cao Tần. Những bài thơ ấy mới xuất hiện đã nổi bật ngay và gây một hiện tượng xôn xao cho độc giả. Nhiều người liên tưởng tới như những bài thơ của T.T Kh. đã tạo thành một nghi vấn cho văn học Việt Nam mà còn mù mờ chưa rõ ràng. Quả thực những bài thơ trên Bút Lửa ấy đã gây kinh ngạc cho độc giả. Mãi về sau này, mới biết Cao Tần là bút danh của nhà văn Lê Tất Điều hay nhà báo Kiều Phong, một người đã là một cây bút quen thuộc của hai mươi năm văn học miền Nam...

Ông sinh ngày 2 tháng 8 năm 1942 tại Hà Đông. Di cư vào Nam năm 1954 và di tản sang Mỹ năm 1975. Trước khi di tản ông là một nhà giáo và cũng là một ký giả ở Sài Gòn. Đã xuất bản truyện dài Đêm Dài Một Đời đã đoạt giải thưởng của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, và các tập truyện ngắn Khởi Hành, Quay Trong Gió Lốc, Phá Núi, Người Đi, Những Giọt Mực.

Lý do mà những bài thơ đầu tiên mang tên Cao Tần được chú ý thật là giản dị. Bởi tâm sự của Cao Tần khi làm thơ cũng là tâm trạng chung của những người Việt di tản lúc ấy. Với ngôn ngữ

vừa bi hùng vừa tha thiết, diễn tả lại một tình trạng tâm lý của những người còn xa lạ với cuộc sống mới và tiếc nuối những tháng ngày của cuộc đời xưa cũ. Lúc ấy, một nền văn học lưu vong đang dần dần hình thành. Ở những ngoài nhìn quá khứ và bản khoán từ những bước chân đi đến tương lai. Ai mà chẳng cùng chung suy tư và ở những câu thơ Cao Tần lại gọi lên từ tâm cảm yêu nước nhớ nhà và ngôn ngữ mẹ đẻ đã thành thân yêu vô cùng trong những ngày bắt đầu tạo dựng một cuộc sống mới ở xứ người..

Có lẽ hồi trước 1975, nhà văn Lê Tất Điều cũng không làm thơ và sau này khi loạt thơ Cao Tần chấm dứt ông cũng ngưng làm thơ. Tại sao ông chỉ làm thơ trong khoảng thời gian đó?

Có lẽ chỉ có một mình tác giả mới có thể trả lời câu hỏi khó này. Trong một cuộc phỏng vấn của đài phát thanh Á Châu Tự Do RFA do Mặc Lâm thực hiện thì ông giải thích

“Tự nhiên tôi không có cảm hứng viết truyện ngắn nữa. Thế rồi thơ nó lôi cuốn bởi vì trong bài thơ công việc sáng tác nó ngắn hơn nó không đòi hỏi thời gian nhiều..”

Nhà văn Võ Phiến có viết đại ý là Cao Tần làm thơ như người kể chuyện và đó chính là một yếu tố để thơ ông gần gũi với cuộc sống hơn và tạo sự chú ý của độc giả. Trong bài đề tựa tập thơ Cao Tần do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành, nhà văn Võ Phiến nói rằng thơ của Cao Tần kết cấu như truyện và là những truyện ly kỳ nữa nên gọi được sự tò mò muốn tìm hiểu của người đọc. Và ông nêu ra vài thí dụ bài thơ Kho tàng kể về chuyện của một anh chàng tị nạn Cù Lồn..Nội dung của bài thơ cũng chỉ là một anh chàng tị nạn lúc nào cũng kè kè bên mình một cái túi không một phút nào rời xa. Bạn bè tưởng là anh chàng biển lận nên đề anh ta xuống để mở cái túi bí mật kia ra. Và cũng chẳng có gì ngoài một lạng vàng, chiếc khăn tay và những danh thiếp cũ. Nhưng là cả một kho tàng của một người di tản và nhắc lại người và cảnh đã xa. Vàng thì nhắc đến người mẹ:

*“.. miệng túi mở ra kho tàng rơi tung toé
một lạng vàng trong giấy gói đơn sơ
một đũa hét “vàng này thằng em bé
không mại đi mà tính để đem thờ
“Sư chúng mày, vàng đem theo bốn cục
ông bán ba, bắt gọn mấy trăm đô
còn cục này tàn đời ông cóc bán
lúc lên đường bà cụ dúi tay cho”*

Còn khăn tay thì nhắc đến người vợ bây giờ đã xa cách ngàn trùng:

*“...một chiếc khăn tay cũ xỉ cũ xịt
màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh
“giẻ rách gì đây hở thằng chết tiệt
“ Khăn vợ tao trao ngày khoác áo nhà binh”*

và những tấm danh thiếp, ôi những tấm giấy làm nhớ lại những tên đường những tên người đã vào xa xưa:

*”đáy túi nhỏ thì đầy danh thiếp cũ
những tên người tên tỉnh đã xa xưa
những dòng vôi ghi hẹn hò gặp gỡ
những đường quen không trở lại bao giờ
...Với danh thiếp những tên đường đã đổi
những số nhà chớp mắt đã tang thương
những chốn hẹn ngàn năm không trở lại
những tên đời tôi tả khắp quê hương.”
Đọc xong bài thơ này chúng ta thấy thế nào?*

Phải nói là rất xúc động anh Trinh à! Nhưng có khi chỉ cảm thấy thôi chứ diễn tả ra cái hay thế nào thì khó lắm. Phải có một lúc , đợi xúc cảm lắng xuống thì dễ dàng để thốt bài thơ này đọc đáo ra sao..Chúng tôi cũng như những độc giả khác, chỉ cảm thấy rung động thôi và cũng phải loay hoay suy nghĩ để may ra có thể tìm được những điều mà mình cho là tâm đắc và tuyệt diệu. Bài thơ sống động quá với những ngôn ngữ đời thường mô tả những cuộc đối thoại chuyên chở được ý tình mà tác giả muốn đề cập đến. Có một chút điệu cợt nhưng chỉ là cảm giác thoáng qua để thay vào đó là sự thương cảm. Chỉ một túi nhỏ tầm thường của người đi tản vồn vẹn có thể mà sao lại coi như một kho tàng vô gia được ? . Bởi vì những vật thể này không còn đơn thuần là vật thể nữa mà nó chứa đựng cả một trời quê hương và nhắc lại những người thân đã xa và những nơi chốn đã khuất biệt. Câu chuyện kể bằng thơ chỉ giản dị như thế nhưng lại gây ra sự xúc động đến vô bờ cho người đọc. Bởi nó đánh động đến tâm sự chung nên đầy ắp những chia sẻ...

Một bài thơ khác mà nhà văn Võ Phiến nhắc đến như một bằng chứng đơn cử cho lập luận của mình. Như bài” Ta làm gì cho hết nửa đời sau”.Hình như đã có nhiều người lưu vong thốt lên lời nói đó mỗi khi bị ray rứt vì chuyện nước chuyện non..

*“Dẫm thẳng khùng họp nhau bàn chuyện lớn
gánh sơn hà toan chất thử lên vai
chuyện binh lửa anh em chùng cũng ón
dọn tinh thần cựa nhẹ đỡ vại chai..”*

như trong một cơn đồng thiếp, một chàng hào hùng;

*“một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
nay đất khách léo lê đời rất nản
ta tính sẽ về vượt suối trèo non
sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động
những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
và sông núi sẽ vượn mình trở dậy
và cò bay trên đất nước xinh tươi..”*

Và một chàng khác,thì lại muốn làm tượng thần tự do hỏa thiêu thân xác chính mình để làm đuốc soi đường cho những oan hồn bị trầm luân trong đáy nước bao la:

*”Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi
thần tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao
Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
những oan hồn ai bỏ giữa bao la”*

Và kết cuộc, chỉ là một cơn say, một tình dậy giữa nỗi buồn của những người thấy mình bất lực giữa thế thời, mộng ước lớn mà bàn tay thì quá nhỏ:

*”..sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tình ngu ngơ nhìn nắng mới*

Ta làm gì cho hết nửa đời sau.”

Thật là cảm khái. Thật là cay đắng với những nỗi niềm của những kẻ sinh bất phùng thời lớn lên và trưởng thành trong những nghiệt ngã của đất nước chiến tranh. Thực trạng sao buồn quá! Câu hỏi như một tiếng than...Ta làm gì cho hết nửa đời sau?...Những thân phận lưu vong. Những nỗi niềm nhức tiêu. Mỗi người tị nạn đều mang theo những kỷ niệm trong ký ức. Có những người vẫn còn vương vấn đến tận bây giờ. Có những buồn phiền . có những ray rứt. Nhà thơ Cao Tần có bài thơ nào diễn tả tâm trạng ấy trong nhiều bài thơ. Chúng ta thử đọc bài thơ Chốn Tạm Dung xem. Bản thân tôi đã sống ở đây ba chục năm, thế mà có lúc cũng có những nỗi niềm trống vắng như thế. Thơ nói lên tâm cảm của những người nhiều khi thấy mình bơ vơ giữa cuộc sống và kỷ niệm của nơi chốn xưa của đời sống cũ vẫn cứ bàng bạc hiện hữu:

*“nhà tôi ở toàng teng đỉnh đồi
buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
sau lưng sương ngập cao lưng trời
trước mặt thông sâu reo đáy vực
bắt đầu ngày bằng một chút vui
hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
bài ca quen bỗng chợt quên lời
chút kỷ niệm còn lại mất khơi khơi
tiếng Việt trong ta ngày bỗng héo
hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
dốc mở như đời ta trước mặt
sương kín như đời ta năm xưa..”*

Một ngày qua một ngày. Ra đi khi lúc vừa mờ sáng và trở về khi phố đã lên đèn, khúc ca sầu xứ mãi mãi ám ảnh. Trải qua bao nhiêu cuộc đời. Bao nhiêu là nỗi muộn phiền . bao nhiêu là ray rứt. Người tị nạn có một mẫu số chung, của khởi hành đi vào cuộc đời mới với tất cả năng lực của mình nhưng vẫn canh cánh bên lòng nhớ mong về quê hương đất nước:

*“chiều về lên dốc thân tôi tả
một quả hoàng hôn phủ kín trời
mình mới ngoi lên ngày đã ngả
đêm phờ lờ lóc ngủ thay chơi
giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.”*

Cái độc đáo của thơ Cao Tần là dùng những ngôn từ thật sống động , những ngôn ngữ tạo nhiều hình ảnh như: kỷ niệm còn“, như “quả hoàng hôn”, như “mất khơi khơi”. Xử dụng những ngôn từ ấy thành thơ chính là một dụng công để thi ca có máu huyết xương thịt của đời sống thực, của suy nghĩ thực...Người tị nạn tuy hồi nhập vào dòng chính nhưng vẫn còn ám ảnh bởi quê hương cũ của đất nước xưa. Có một lúc nào thơ Cao Tần biểu lộ tâm cảm ấy .Đọc bài thơ Cảm Khái chúng ta nhận ra ngay lập tức.Tám thẻ căn cước , tờ chứng chỉ tại ngũ nhắc lại một thời xa xưa. Một cách hóm hỉnh pha lẫn đau xót, tác giả nhận thấy hình như những tám hình trên căn cước đều lam nhem xấu xí, không biết có phải là số phận tiền định xui khiến như vậy:

*“hình căn cước anh nào mà chẳng xấu
tên chụp hình như một lão tiên tri
triệu mặt ngây ngô bàng hoàng xót xác*

*cùng đến một ngày gãy đổ phân ly
nhìn hình chim in trên tờ chứng chỉ
chợt nhớ câu thơ Gãy cánh đại bàng
ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ
muôn anh hùng phút chốc hóa tang thương..”*

và những câu cảm khái mà chúng ta trong những ngày lưu lạc thường hay thắm thía:

*“Hỡi kẻ trong hình mặt xanh mày xám
người sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư
hỡi thằng chiến binh một đời dững cảm
mày lang thang đất lạ đến bao giờ
Ôai trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ôai trong trí mỗi anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ.”*

Có người nhận xét rằng mỗi bài thơ của Cao Tần đều mang theo một thông điệp gửi gắm cho người cùng cảnh ngộ và gửi trả lại quê hương. Trong hai mươi bài của tập Thơ Cao Tần, hình như hầu hết các bài đều diễn tả được một tâm sự đặc thù của người bỏ xứ ra đi.

*Thư Quê Hương là “Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lời cũ
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương
anh sẽ đọc đất trời ta đã thờ..”
Chuyện Thân Tiên là: “Ta muốn điều chi cuối đời lưu lạc
Này bà tiên vừa hỏi giấc mơ ta
“hãy đem hết những đổi đời tan tác
gói giùm vào cơn mộng dữ đêm qua”
Chiều Bát Phố là “Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phố
Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau
Quen cả nước? Ra đường chào gãy cổ
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu
Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ
Khi đi có chào may bớt xót xa
Ơi xóm mưa ơi có khi nào đổi kiếp
Tôi về thành chim hót trước hiên nhà.”
Mai Mốt Anh Về là: “nếu mai mốt bỗng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra ngàn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương
Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bỏ bịch hết không đưa nào là nguy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng”*

Và còn nhiều bài thơ khác với những ý tưởng khác, thông điệp khác. Giờ từng trang thơ, để thấy những ngôn ngữ linh hoạt, những chữ lóng, những ngôn từ dân già, tất cả làm nổi bật một phong vị có lúc như diều cọt, có lúc như ngông nghênh, mà có lúc là tình cảnh “ở ngoài cười nụ ở trong khóc thầm”. Người tị nạn đã trải qua những đoạn đời, đã qua nhiều nghịch cảnh, sẽ thấy thắm thía biết bao nhiêu với tâm cảm người thơ. Nếu nói thơ Cao Tần là biểu hiện sống

động một thời kỳ của người Việt di tản đầu tiên thì cũng chưa đầy đủ mà phải nói rằng thơ Cao Tần đã làm hồi sinh lại một thời đại văn học lưu vong ở hải ngoại.

Nói chuyện với Phan Ni Tấn

Phan Ni Tấn? Nhà thơ? Nhà văn? Nhạc sĩ? Tôi tự hỏi mình khi đọc một vài bài thơ và nghe một vài bài hát của anh. Có nỗi rung động thâm thâm từ ngôn ngữ. Có niềm thiết tha từ nốt nhạc, từ ca từ... Hình như, có một không gian thời gian nào, lúc xa vắng lúc gần cận, nhắc nhở đến những kỷ niệm, những mộng mơ ban sơ, của những ngày tháng không thể nào quên...

Cứ tự hỏi rồi thắc mắc cho đến khi gặp Phan Ni Tấn. Một vài câu hỏi để hy vọng trong câu trả lời, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn một chân dung đích thực của người nghệ sĩ. Mời độc giả theo dõi bài nói chuyện sau đây:

Nguyễn Mạnh Trinh (NMT): Anh có phải là người bạc tình với thơ và say mê với nhạc?

Phan Ni Tấn (PNT): Tôi không nghĩ như vậy. Mới đây cả bốn ông nhà văn và nhà thơ Nguyễn Ngọc Ngạn, Song Thao, Lê Hữu và Luân Hoán đều gán cho tôi là “tay thơ, tay nhạc” thì đâu có lý do gì tôi lại bị “mang tiếng” là người bạc tình với thơ và say mê với nhạc. Không phải như vậy đâu. Người khác ra sao tôi không biết, riêng cá nhân tôi thì thú thật dù không tự vạch ra cách làm việc nhưng tự nhiên tôi lại vướng phải một “chu kỳ sáng tạo nghệ thuật”. Nghĩa là khi tôi làm thơ thì âm nhạc tự nhiên chạy đi đâu mất tiêu, có cố níu kéo cũng không thành phẩm, và ngược lại. Tóm lại tôi không có thói quen hành xử cùng một lúc vừa viết nhạc lại vừa làm thơ.

NMT: Vậy, một cách thành thực, anh là nhạc sĩ, hay thi sĩ, hoặc cả hai như một người lang chạ?

PNT: Cả hai, nhưng không phải như một người lang chạ.

NMT: Trường hợp nào anh làm thơ?

PNT: Ban đêm dễ làm thơ nhất. Đêm càng sâu thơ phát tiết càng nhiều. Nhưng mà ban ngày ban mặt, nếu cần tôi cũng có thể “luồn” thơ ra, kiểu “xúc cảnh” thì “thành thi” không kể ngày hay đêm. Có điều tôi hơi khó tính trong việc sáng tác. Bài nào đỡ hơi hay thiếu máu là tôi bỏ ngay, không kể thơ, văn hay nhạc.

NMT: Và trường hợp nào anh làm nhạc?

PNT: Thú thật với anh, tôi có một khuyết điểm khó chấp nhận lúc viết nhạc. Tức là tôi không có thói quen mộng mị vu vơ, hay hoang tưởng về những cảnh vật hay nhân vật nào đó mà sáng tác được. Cá nhân tôi khi viết nhạc tôi bắt buộc phải dựa vào một đề tài, một hình bóng thật, một nhân vật thật trước mắt, hoặc đào xới những kỷ niệm nào đó trong quá khứ xong tôi chọn lọc, chắt chiu, phát thảo rồi lấy đó làm khuôn mẫu mà viết ra. Có khi tôi hoàn tất một bản nhạc thật dễ dàng trong vòng trên dưới một giờ đồng hồ; có khi cả tuần, cả tháng hoặc cả đời “sanh” cũng không xong.

NMT: Nhạc có làm cho ngôn ngữ của anh bay bổng hơn thơ không? Có nghĩa là nhạc được nhiều người hưởng ứng hơn và... nhạc sĩ oai hơn...thi sĩ?

PNT: Tôi nhận thấy ngôn ngữ trong âm nhạc quả tình có bay bổng, phóng túng hơn trong thơ nhiều. Chắc anh cũng hiểu là tôi đang nói về phần sáng tạo của riêng mình thôi. Tuy nhiên, điều

NMT: Khi sinh hoạt du ca, và cho đến bây giờ, in tuyển tập nhạc và phát hành CD, quan niệm về sáng tác của anh có thay đổi không?

PNT: Có, thưa anh. Tôi đã và đang sáng tác được số ca khúc có chủ đề “dục tính trong âm nhạc”. Mới nghe qua cảm thấy ghê nhưng thật ra chủ đề ca khúc của tôi không lộ liễu như Tục Ca một thời của Phạm Duy đâu.

Thí dụ bài Quỳnh Lan vừa ráo mực chẳng hạn: “Em yêu anh lặn vào đôi tay. Anh yêu em ngộp bờ mi say. Miếng môi tham em ngậm anh tràn đầy. Đêm lung linh soi mù ngọn lan bay. Cảm ơn anh rộng vòng tay bao dung. Ôm em trôi qua suốt mùa trái cấm. Níu vai nhau ta cuộn nhau thành một. Sài Gòn nghe em nở đóa quỳnh thơm...”.

NMT: Anh có nghĩ một phương cách nào để phổ biến nhạc của anh không? Như chọn ca sĩ thích hợp với nhạc của mình hoặc cộng tác với những trung tâm có nhiều phương tiện?

PNT: Ra mắt CD là một trong những phương cách phổ biến nhạc của mình. Phương tiện truyền thông, truyền hình, hoặc báo chí cũng là một cách quảng cáo khá tốt. Nhưng hữu hiệu nhất vẫn là cộng tác với các trung tâm băng nhạc. Có điều lọt vô được những trung tâm này quả là một vấn đề nan giải. Tài năng đã đành nhưng nhiều khi cũng không phải vì... tài năng.

NMT: Xin anh cho biết một vài chi tiết về tuyển tập nhạc và CD “Sinh Nhật Của Cây Đàn”?

PNT: Tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn là tựa của tôi, gồm khoảng 100 ca khúc vừa viết lời vừa phổ thơ, dày 186 trang không kể trang bìa. Chỉ có một vài bài bản cũ trước 75, kỳ dư đều viết ra sau này. CD Sinh Nhật Của Cây Đàn gồm có 12 ca khúc trong đó có hai bài phổ từ thơ Luân Hoán và Quế Phượng. Vừa tình ca đôi lứa vừa dân ca miền núi lẫn dân ca Nam bộ.

NMT: Hình như anh đã sáng tác hơn một trăm nhạc phẩm? Anh chọn lựa thế nào cho tác phẩm tuyển tập và CD này?

PNT: Vì tuyển tập này mang tên là Tình Khúc Phan Ni Tấn nên nội dung thuần túy viết về tình yêu đôi lứa, không có bóng dáng “tay cờ, tay súng” gì ở đây. Về CD thì cũng vậy. Cũng nhẹ nhàng về tình ca đôi lứa, chen lẫn với dân ca miền núi và dân ca Nam bộ.

NMT: Trong đó bài nào anh đặc ý nhất?

PNT: Công tôi mỗi khi sanh thành đều khó nhọc nên bài nào tôi cũng... đặc ý.

NMT: Anh có kỷ niệm nào về những bản nhạc đã sáng tác không?

PNT: Như tôi đã nói với anh lúc nãy, ca từ của tôi đều dựa vào một sự thật mà nên. Vì vậy bản nhạc nào cũng mang một kỷ niệm đặc biệt tôi khó mà quên được sau này. Hai anh bạn của tôi, Hà Thúc Sinh và Nguyễn Ngọc Ngạn từng nói tôi là nhà thơ nên ngôn ngữ thơ làm cho ca từ của tôi mượt mà hơn. Nghe xong tôi ra chiều ... khoan khoái lắm.

NMT: Anh có dự tính nào tiếp theo không cho thơ và nhạc...

PNT: Dĩ nhiên là có dự tính chớ anh, nhưng vì chưa có thành phẩm nên không muốn nói ra. Thì cũng là thơ, văn và nhạc mà thôi.

Phụ đính I :

Giờ lại vài trang sách...

Văn chương có phải là tấm gương soi để phản ánh tất cả tâm tư thời đại? Tôi vẫn nghĩ người cầm bút một phần nào biểu lộ được bộ mặt bề ngoài và vóc dáng bên trong của xã hội mà họ sinh sống để những lớp trẻ thuộc thế hệ sau hiểu được tình cảnh của thời đại mà họ biểu hiện. Trong văn học Việt Nam, đời sống xã hội thay đổi nhiều lần đến tận gốc rễ đã được phác họa với nhiều nét khá đặc biệt. Quyền lực chính trị đã chen vào chi phối tất cả và văn học cũng chỉ là một phương tiện để phục vụ cho chế độ.

Trước năm 1945, thời tiền chiến văn chương mô tả được một cuộc sống tuy có nhiều đè nén của chế độ thực dân nhưng cũng có nhiều nét khai phá chuyển đổi từ văn chương chữ Hán và Nôm sang quốc ngữ. Buổi giao thời, có nhiều cánh ngộ được phác họa để độc giả sau này có thể tưởng tượng được. Văn học chịu ảnh hưởng nhiều từ nền văn học lãng mạn của chính quốc Pháp nhưng ở giai đoạn khởi dựng đã có nhiều cống hiến đáng kể.

Rồi sau mốc thời gian 1945 là những chuyển đổi đến chóng mặt. Bao nhiêu là biến cố và sau mỗi biến cố là một chuỗi hiện tượng văn học tiếp theo. Kháng chiến chống Pháp, rồi chính phủ quốc gia, rồi cuộc di cư 1954, rồi cuộc chiến đẫm máu của miền Bắc và miền Nam, rồi hai mươi năm văn học miền Nam, và hai mươi năm văn học xã hội chủ nghĩa miền Bắc, rồi ngày 30 Tháng Tư năm 1975, rồi những đợt thuyền nhân để có văn học hải ngoại đối chiếu với văn học trong nước...

Đọc trong sách vở, tâm tư của thời đại được thấy khá rõ nét. Chiến tranh, là một đề tài lớn, là nỗi bức xúc khôn nguôi của thời thế được chuyên chở qua ngôn ngữ. Nhìn vào từng khía cạnh, thấy thân phận của nước nhược tiểu bắt đầu nhiều tấn thảm kịch cho dân tộc. Cơn mê cuồng ý thức hệ của những người cộng sản đã gây ra những vết thương rỉ máu.

Ở miền Bắc, trước khi khởi động cuộc chiến tại miền Nam, văn học là một loại vũ khí của chế độ để phục vụ cho mục tiêu chính trị. Và, dĩ nhiên có phản ứng của những người cầm bút phản kháng lại hệ thống theo dõi và kiểm soát văn học nghệ thuật. Cái án văn tự kéo dài mấy chục năm là lưới gươm chém treo ngành lúc nào cũng lơ lửng trên đầu cổ những người làm văn nghệ. Như trường hợp nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, hay những Quang Dũng, hay Tô Hoài với tiểu thuyết "Mười năm". Nguyễn Công Hoan với "Đống rác cũ". Hà Minh Tuân với "Vào đời". Kim Lân với "Con chó xấu xí"... Những tác phẩm gây rắc rối cho tác giả của nó. Nhiều người bị buộc phải treo bút, có người bị nhẹ hơn nhưng búa rìu không từ một ai, kể cả những công thần. Ngay đến Nguyễn Đình Thi, người lèo lái Hội Nhà Văn bao nhiêu năm mà cũng có lúc phải tự tử bỏ hay phê phán tác phẩm mình. Tô Hoài cũng bị đẩy trong trường hợp ấy khi ông in cuốn tiểu thuyết "Mười năm".

Cái án Nhân Văn Giai Phẩm đã được một người cầm bút kể lại trong quyển Cát bụi Chân Ai. Tô Hoài là một nhà văn được nhiều sủng hạnh của chế độ và là người coi như trong nhóm lãnh đạo văn nghệ của Đảng Đoàn Nhà Văn. Ông viết lại và mô tả một thời kỳ văn chương tẻ nhạt với cái bóng công an của chế độ luôn luôn rình rập. Nhà văn Nguyễn Tuân cũng cảm khái: Giờ này còn sống được là nhờ biết sợ. Thành ra dù cứng đầu cứng cổ đến đâu thì văn chương cũng phải có lần vào một câu trung phải có một câu nịnh. Tô Hoài khi viết tiểu thuyết "Mười năm" tiếp theo tiểu thuyết "Quê người" cũng bị phê phán tội bời với những lý luận khá khô hài của những tay chuyên chế muốn người cầm bút phải đi trên một con đường đã được chỉ sẵn của những bức tranh minh họa với những nhân vật anh hùng và đời sống đầy tích cực không tiêu cực.

Đọc những trang sách ấy, có lẽ phải mừng tượng được cái không khí bức bối đè nén đến bực nào. Sống trong hoàn cảnh ấy, nhà văn có thói quen sợ sệt thành quán tính cố hữu. Né, lách, để khỏi phải trở thành những cái bia cho những nhà “phê bình văn học xã hội chủ nghĩa” xạ kích. Do đó, văn chương trong những năm tháng ấy được mặc chung những bộ đồng phục. Ít có ai dám có vóc dáng của riêng mình. Cái riêng của cá nhân không được chế độ chấp nhận và mặc nhiên trở thành một cấm kỵ không thành văn bản nhưng được ngầm hiểu. Trong không khí ấy, làm sao có được những tác phẩm lớn được? Tô Hoài viết:

“...Các đoàn thể tổ chức kiểm điểm và kỷ luật những cán bộ tham gia viết và hoạt động cho báo Nhân Văn và tạp san Giai Phẩm của nhà xuất bản Minh Đức.”

Ở Hội Nhạc, Đặng Đình Hưng bị khai trừ Đảng. Văn Cao, kỷ luật cảnh cáo, chỉ được ở Hội Nhạc không được ở trong Hội Văn và Hội Vẽ. Họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm và Dương Bích Liên tuy chỉ làm có cái bia sách cho nhà xuất bản nọ nhưng chắc là những không khí sát phạt ở các buổi họp khiến các anh ngại xin ra khỏi Đảng. Trên có nghị quyết không khai trừ mà đồng ý cho được thôi. Có lẽ đến bây giờ, Nguyễn Tư Nghiêm vẫn giữ cuốn sổ tay ghi đến nghìn thứ bao nhiêu những cuộc họp mà Nguyễn Tư Nghiêm không phải đi. Anh có vẻ thú vị vì những con số tỉ mẩn ấy. Khác Nguyễn Sáng, Nguyễn Sáng vẽ ký họa trên báo Nhân Văn một đầu người ở cổ có vết khía như cái lá. Người ta bảo là chân dung Trần Dần và cái vết sẹo còn lại khi anh định tự vẫn. Nguyễn Sáng không được bình huân chương kháng chiến. Những năm sau trong lúc Hà Nội bị báo động liên miên, Nguyễn Sáng đã lo “Rời giải phóng miền Nam tao về thăm qua họ hàng bà con hỏi chú đi làm Việt Minh Việt Cộng bao nhiêu năm thế mà trên ngực không có cái mè đay nào? Mày bảo tao trả lời sao? Tao buồn lắm! Hoàng Cầm bị ra khỏi ban chấp hành, phải thôi việc nhà xuất bản chuyển công tác về Sở Văn Hóa Hà Nội. Phùng Quán nhờ có chú Phùng Thị Chánh - Văn Phòng Bộ Văn Hóa, đưa lên làm ở Vụ Văn Hóa Quân Chúng. Nhưng ai cũng bức bối không yên. Ông thì mở quán rượu, thằng thi câu cá Hồ Tây hiu hắt đông dài cho tới năm về hưu. Đi Bắc Kinh dự kỷ niệm Lễ Tấn về, ông Phan Khôi hào hứng viết về chuyến đi, nhưng rồi nhạt dần, ông ngồi yên. Ông vẫn được đãi chế độ nhân sĩ nhưng chẳng ai hỏi tới. Mấy năm sau lâm bệnh mất. Đám ma bác Phan Khôi, chỉ có bác gái và các con với một mình chị Hằng Phương - cháu gọi bằng cậu. Trần Dần và Lê Đạt ra khỏi cơ quan, chuyên dịch cho nhà xuất bản Văn Học. Nhà xuất bản Sự Thật thuê Trần Đức Thảo dịch sách lý luận kinh điển. Ban chấp hành Hội Nhà Văn quyết định truất ba năm hội tịch đảng trên báo Văn Học cơ quan của hội...”

Đó là biện pháp đe nẹt lúc ấy mà thôi. Cái án đeo đảng suốt đời những người cầm bút mới là ghê gớm. Vợ con cũng chịu theo cái tội vạ như kiểu tru di tam tộc thời phong kiến xa xưa. Cái khốc liệt là tạo ra nỗi sợ sệt ám ảnh và người cầm bút lúc nào cũng trong trạng thái đề phòng. Như thế còn tâm trí đâu cho thẩm mỹ quan văn học. Làm sao cho văn chương sáng tạo bay bổng được. Tô Hoài mô tả:

“...Nhưng đằng đằng ba mươi năm không hội văn học nghệ thuật nào lôi ra xem xét lại. Sợ sệt, âm thầm, pháp phòng không phải chỉ ở tâm trạng mấy ông “Nhân Văn cả nước” mà tràn lan đến những “Nhân Văn phố, Nhân Văn xóm” chẳng bị kỷ luật gì, nhiều người không phải vì bài văn câu thơ, mà bởi lời nói bông lộng bốc trời chẳng hạn, bị quy chụp liền. Hữu Loan không ở phe nhóm nào cũng bỏ làm báo về Thanh Hóa. Nghe nói là đi xe thổ và vào núi đập đá bán. Có những cây bút trẻ như Vũ Bảo, như Lê Bầu, mấy truyện in sách, đăng Văn Nghệ Quân Đội tươi mát lắm, cũng chột luôn. Triền miên lẳng lẳng bình thường như đã xóa đi không bao giờ lôi ra nữa. Người có vấn đề thì lo đối phó. Người canh gác thì “cảnh giác”. Tập ký của Nguyễn Tuân đưa cho nhà xuất bản Văn Học lần nào cũng được trả lời “phát hành người ta chưa lấy được đủ số lượng”, nhà xuất bản có nhã ý gửi tác giả tí tiền ứng trước, rồi thỉnh thoảng lại ứng trước. Nhưng năm tháng cũng không hẳn yên ổn. Đôi khi lại tòi ra “Đống Rác Cũ”, lại “Vào Đời”, lại

“Cái Gốc” lại chuyện Bác Hồ đi tắm bãi Titop ngoài Hạ Long... Những người theo dõi lại vất vả lại nhộn nhịp...”

Không khí khủng bố ấy kéo dài mãi tới bây giờ dù đã đổi mới tư duy dù cõi trời văn chương tới năm bảy bận. Lãnh đạo vẫn dùng những ngón đòn chia rẽ, kiểm soát với những người cầm bút làm nhiệm vụ “canh gác” như một loài chó săn một lòng phục vụ chủ.

Mấy chục năm qua, những bản án dù được xét lại nhưng vẫn còn tác dụng răn đe với người cầm bút.

Tôi vẫn thường tự hỏi. Lúc ấy các nhà văn nhà thơ sẽ chọn đề tài ra sao trong cái tâm thức ấy? Và có những người can đảm biết bao khi dám đi ra khỏi con đường mà lãnh đạo Đảng đã vạch ra. Nhiều khi, viết kiểu “một câu trung, một câu nịnh” là một phương cách né lách trong hoàn cảnh khủng bố và đe nẹt. Dù đã có đổi mới, có nhìn lại nhưng những người cầm quyền cộng sản vẫn luôn luôn nhìn người văn nghệ sĩ với cặp mắt nghi ngờ đề phòng. Họ cũng hiểu được tác dụng ghê gớm của chữ nghĩa, nhiều chế độ chuyên chế bị sụp đổ vì những người cầm bút.

Phiêu du từ “Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến”

Đêm đã thật khuya. Cuốn sách trên tay. Đọc mê mải. Quá khứ như hiện về, những ngày tháng đã qua dường như hồi sinh lại. Đi tìm thời gian đã qua chứ không phải đã mất, những bài thơ vẫn còn trong tiềm thức một lúc nào ào ra, mãnh liệt. Thơ của chiến tranh, ngày nào đã gần bốn chục năm mà tưởng như mới hôm qua. Những câu thơ của một thời.

Tôi thấy mình thiếp đi trong cơn phiêu du. Những giấc mơ lẫn lộn giữa cái mình đã sống và cái mình đã cảm. Giở những trang sách, cảm nghĩ ứa tới. Thấy mình, thấy người, thấy những số phận đã buộc trôi vào nhau trong cơn cuồng loạn của chiến tranh.

"Thơ Miền Nam Thời Chiến" là bộ sưu tập do hai người lính VNCH năm xưa thực hiện và cũng là hai nhà văn đã viết trong khoảng thời gian ấy. Nhà thơ Trần Hoài Thư và nhà văn Phạm Văn Nhàn. Những công trình gom góp lại từ 263 thi sĩ, trải qua bao nhiêu cuộc biến thiên, bao nhiêu lần phần thư khốc liệt. Có một thời, thơ Miền Nam đã bị những âm mưu xóa nhòa trong văn học sử để thay vào đó là những cây bút sống chui rúc trong rừng trong bụi, hay những người từ miền bắc trở vào đội danh cải lốt. Những người chủ trương Thư Án Quán đã khởi đi trong tro tàn để sưu tập cho được những chân dung thi sĩ đã một thời tạo nên những sinh hoạt văn chương đẹp đẽ và nhiều thời đại tính.

Đọc bài giới thiệu của nhà văn Đặng Tiến, một bài văn viết rất hàm xúc và có giọng điệu riêng của những người phê bình thừa nội lực. Nhà văn Đặng Tiến có một thời sinh sống khá lâu ở bên Pháp mà hiểu rõ được những sinh hoạt văn học ở miền Nam để giới thiệu "những trang thơ được sưu tập từ một thời kỳ đen tối của quê hương, khởi điểm bằng lệnh tổng động viên và chấm dứt bằng ngày 30 tháng tư năm 1975" là một điều bất ngờ kỳ thú. Hơn nữa, hình như nhà văn Đặng Tiến không phải là người lính mà có những lời giới thiệu thật nồng nàn và nhiều chia sẻ. Đó cũng là điều bất ngờ kỳ thú thứ hai.

Đọc trong bài giới thiệu, thấy có đoạn văn làm tôi hơi ngờ ngợ vì sự chính xác của nó. Nhà văn Đặng Tiến viết:

"...Lại công bình mà nói: miền Nam thời đó, không phải là không có thơ tuyên truyền, nhưng vì không mấy người ưa, không mấy ai nhớ, ban sưu tập không ghi lại, cũng là duy lý.

Tuy nhiên, nếu nhất thiết phải tìm cho ra một lập trường chính trị cho thơ Miền Nam, thì nó là: khát vọng hòa bình, khát vọng này mang theo những hệ luận: tình yêu quê hương, gia đình, vợ chồng nam nữ bạn bè đồng đội. Dường như không có một ngoại lệ nào qua sưu tập. Một "lập trường" như thế dĩ nhiên là "nhân bản" và cao quý. Nhưng người yêu nền thơ nọ không phải vì cái nhân bản kia mà vì thơ hay, hoặc vì nhiều đặc điểm lý thú. Ngày nay, nếu các bạn nêu cao ngọn cờ "nhân bản tự do" thì ra "chỗ" tránh vỏ dưa đạp phải vỏ dứa. Cái bầy bên trái hay bên phải vẫn là cái bầy."

Có phải lập trường chính trị cho thơ Miền Nam là khát vọng hòa bình, mà các tình yêu quê hương, gia đình, chồng vợ, nam nữ, bạn bè đồng đội chỉ là hệ luận?

Có thể điều đó đúng với một số người chứ không phải ở số đông. Khát vọng hòa bình chỉ là một, còn nhiều khát vọng khác, nhiều mong ước khác cho dân tộc, cho đất nước. Cũng như những người lính có ý nghĩ khác với người không phải là lính. Họ có những suy tư ý nghĩ khác nhau, không phải như kiểu đồng phục một loạt của những nhà văn nhà thơ của hiện thực xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

Ở những người thường, có người lính chiến đấu vì sợ bị Cộng sản thắng và bị hành hạ bởi những tấm gương tày liếp mà có thể họ đã trải qua từ vụ đấu tố của cải cách ruộng đất. Hay có người lính chiến đấu vì tình đồng đội và màu cờ sắc áo của đơn vị mình. Cũng có người chiến đấu để yên ổn cho địa phương mình như các chiến sĩ áo đen dân vệ giữ gìn xã ấp...

Còn với người lính làm thơ, không phải chỉ với khát vọng hòa bình là độc nhất. Mà họ còn nhiều tâm tư khác nữa, phức tạp hơn. Và chính đó cũng là sắc thái đặc biệt của thi ca miền Nam. Họ làm thơ không vì một điều gì khác thúc đẩy ngoài việc họ muốn nói lên tâm tư tình cảm của thể hệ họ.

Hãy đọc thơ Trần Hoài Thư, người thực hiện bộ sưu tập xem có bao nhiêu bài anh viết về khát vọng hòa bình? Hãy đọc bài thơ anh ca tụng Qui Nhơn, nơi anh đã đổ máu mình trong chiến trận tại đó:

*".... Bởi vậy tôi về nằm ngay cửa phố
Bên cây xăng ông Tề nhìn ra đằm
Tôi nói rằng tôi yêu Qui Nhơn bao nhiêu
Nên tôi điên rồ chạy đầu chạy trước
Tôi biết rằng khi xa Qui Nhơn chắc khóc
Nên tôi càng tha thiết với Quy Nhơn
Và khi máu mình đổ xuống mặt đường
Tôi mang chiến thương tạ tình thành phố..."*

Trong chiến tranh, có rất nhiều người phản chiến. Có người ngụy hòa, để che giấu những mưu đồ riêng hay sự sai phải của phía bên kia mà sau ngày 30 tháng tư năm 1975 đã lộ mặt. Và, cái chiêu bài khát vọng hòa bình vẫn là chiêu bài được sử dụng... Ở thực tế, chiến tranh chấm dứt từ năm 1975 nhưng đất nước trong tay những người chiến thắng trở nên tan nát và đổ vỡ đến mức Việt Nam là một quốc gia đói nghèo và chậm tiến bậc nhất trên thế giới....

Nhà văn Đặng Tiến lại viết:

"...Lẽ thường trong chiến tranh là thắng hay bại. Điều lạ là trong tập thơ này là không có chiến thắng dù trong mơ ước hay ngộ nghĩnh..."

Đọc tới đó, tôi lại giữ bài thơ của Lâm Hào Dũng, trong bộ sưu tập. Bài "Ngày về Ben Hét":

*"...Ta pháo gầm vang một góc rừng
đôi tây giặc khiếp ngấm đôi đồng
những ai trong phút kinh hoàng ấy
tay súng trang nghiêm mắt trợn trừng
anh ở miền Nam lạc đến đây
còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay
chiến tranh như thể trò tiêu khiển
của lũ con buôn xác chết này..."*

Hay, bài thơ "Về Ashau" của Cao Hoành Nhân nói về các chiến sĩ nhảy dù, Lôi hổ:

*"...Một thung lũng Ashau
mây trời vang âm hưởng
Rừng U Minh, Tam Giác Sắt, Đổ xá, Vũng Rô...
Cây đá hoang mang lau lách dựng mỏ
Và - lịch sử. Ta làm thơ ca tụng
Ta phấn khởi vì chiến công
Đứng lên cao vì miền Nam anh dũng
Dưới nắng ấm Trường Sơn
Ven Cửa Long phù sa nắng đẹp lúa thơm..."
Và - kiêu hãnh thơ ta huy hoàng chiến tích..."*

Hồi ở trong trại tù, tôi đã nghe cái luận điệu là không có kẻ thắng người bại trong cuộc chiến này, mà người chiến thắng là tất cả dân tộc Việt Nam ở cả hai phía. Thành ra, nghe điều gì có âm hưởng như thế đâm ra chạnh lòng. Những cái gì đẹp quá, lý tưởng quá chỉ có thể có trong tuyên truyền trong dối trá. Tôi rất thành thực khi nghĩ như thế. Dù rằng, đọc thơ mà có thiên kiến thì mất vui.

Cảm giác ấy chợt có như tôi đọc bài thơ "Em tôi và những người bạn mình không ưa" của Nguyễn Hồi Thủ. Tác giả này thú thực tôi ít đọc tới, dù đôi khi được những người trong nước kể là một nhà thơ hải ngoại có "tâm tiếng" và rất "yêu nước". Bài thơ hình như tả lại một hội nghị bàn luận về hòa bình, như hòa hội Ba Lê chẳng hạn (tôi độ chừng thế!):

*"Em nói tiếng hòa bình
đôi môi em rất xinh
tôi nói tiếng hòa bình
tim tôi đập rất nhanh
người nói tiếng hòa bình
người trợn đôi mắt xanh
anh nói tiếng hòa bình
vẫn còn gợn tay đấm
em nghĩ đến quê hương
đôi mắt em rất hiền
tôi nghĩ đến quê hương
lòng tôi như dòng sông
người nghĩ đến quê hương*

*ngực ưỡn về đằng trước
anh nghĩ đến quê hương
bậm môi và nhăn trán
mà suy nghĩ liên miên
em trước bàn hội nghị
tóc xõa như nàng tiên
tay ngà ôm lấy trán
người trước bàn hội nghị
vung tay ra đằng trước
vút tiền ra đằng sau
anh trước bàn hội nghị
già mòm như gái đĩ
cùi chỏ thúc ra sau
xem mấy kẻ gặt đầu..."*

Đọc tới đây, đủ rồi..... Tôi như thấy một người bạn âu phục lịch sự tay gơ cao mồm lu loa và đội chiếc nón... cối. Không biết tôi có "lâm không đây khi" đội mũ "cho một Việt Kiều yên nước!!!

Còn những điều làm tôi tâm đắc. Tôi tìm thấy rất nhiều trong bộ sưu tập. Những cuộc đời, những tâm sự, dàn trải ra một thời đại khốn khó của dân tộc nhưng hùng tráng trong bi thảm biết bao. Nhất tướng công thành vạn cốt khô, nghĩa trang Biên Hòa rêu phong cỏ áy và nghĩa trang Trường Sơn bạt ngàn mộ chí không tên.

Tôi đọc những bài "Thơ Miền Nam trong thời chiến". Thú thực tôi như bị dẫn đi trong những cuộc trường hành. Của những đoạn đường chiến binh, qua những địa danh đất nước. Ở đó, có cảm xúc từ những bài thơ biên tái, của những nỗi niềm rất người đậm chất nhân bản. Không phải tất cả các thi sĩ đều khoác áo lính. Có khi họ là thầy giáo, công chức hay những nghề tự do khác. Nhưng họ đều có chung hơi thở của một thời đại chiến tranh. Họ chia sẻ với nhau những số phận thời chiến mà Trần Hoài Thư gọi là "tội tình", thân phận của những con chót thí trong trò chơi quyền lực.

Có một điều, nếu có ai khoác cho thi ca của họ những ý thức này, những vận dụng kia thì đó chỉ là những cái áp đặt nhiều khi không thực tế. Nhiều người làm thơ, giản dị là muốn làm thơ, để cho mình hoặc bạn bè mình đọc và không nghĩ đến đẳng cấp này gửi chỗ kia. Họ viết trong cái tâm vô tư ấy nên có nhiều bài cảm khái rất hay mà không được phổ biến. Nếu gặp duyên khởi hay may mắn, họ sẽ thành những nhà thơ cự phách. Thành ra, trong bộ sưu tập này có nhiều tên tuổi lạ nhưng là tác giả của những bài thơ thật hay...

Tôi nhớ lại một thời của cá nhân tôi, từ những bài thơ đọc để nhắc lại trong ký ức. Trước năm 1968, tôi còn trẻ lắm và đang học ở đại học. Tuổi ấy, cũng có những băn khoăn về thời cuộc, cũng có những thắc mắc triết học, như một thời thượng thuở đó. Khi là sinh viên cũng có lúc xuống đường, hay tham dự các sinh hoạt xã hội như các bạn đồng lứa tôi. Cho đến khi vào lính, giản dị là theo lệnh tổng động viên không muốn làm người sống ngoài vòng pháp luật. Hơn nữa, nhận thấy rằng sống và trưởng thành ở đất nước này thì phải thi hành nhiệm vụ quân sự là điều tất nhiên.

Bây giờ đọc những bài thơ với nhiều tên tuổi thi sĩ quen thuộc lúc ấy. Tôi không thể nào quên những tối mưa mù mịt ở Pleiku, ra phố mua một tờ Văn hay Bách Khoa rồi luồn vào trong áo lạnh nhà binh để cho khỏi ướt. Và, tối về nằm đọc như thấy lại Sài Gòn, thấy lại một thời ngồi ghé nhà trường, và hồi tưởng lại những hình ảnh đã qua của thơ mộng tóc xõa dài lưng vai áo trắng. Dù ở xa xôi nhưng trong phòng nhỏ ở cư xá đọc thân tôi cũng có kệ sách nhỏ và các tạp

chí văn chương là những món giải trí thiết yếu mỗi đầu tháng. Lúc ấy, tôi cũng tập tành làm vài ba câu thơ, khi thì đề trang trải tâm sự khi thì biểu hiện những mơ ước lãng mạn bình bồng. Thi ca với tôi lúc ấy như bông hoa tươi đẹp biết bao. Những ngày biên trấn như nồng ấm thêm của nỗi niềm mệnh mang đợi ngỏ.

Mấy ngày nay ở nơi tôi ở trời đang mưa. Những giọt mưa gõ vào mái nhà như đang gõ vào trong tim tôi tiếng vọng thẳm của bước chân nào trở lại những ngày tháng cũ. Tôi nhớ lại những đêm mưa Pleiku. Gió mưa ào ạt trong cái se lòng của đất trời. Đọc những câu thơ sao mình tưởng tượng đến những cánh chim đang bay giỡn đùa cùng sương gió. Thấy mình hào hứng trong cõi mộng thanh niên và cũng già đi những suy tư của những ngày tháng mặc quần áo trận. Cảm khái chập chùng, nên thi cảm chất chứa trong óc trong tim. Giở từng trang lại từng trang, một đời lính tôi chỉ vồn vện từ 1968 đến 1975 sao dài quá, dài như cả một đời người. Lúc đó, thơ đã thành những mơ mộng lãng mạn để thấy mình như trong một cơn đồng thiếp chữ nghĩa nào.

Đọc thơ Lâm Hảo Dũng để nhớ về Bản Hét, gọi lại lúc ghé Dakto, hay nhìn lại buổi chiều Hàm Rồng. Ôi, Hàm Rồng cái tên đẹp đẽ của ngọn núi như thế lại có hình dáng rất là gợi cảm của bộ phận sinh dục người phụ nữ. Những chuyến không hành từ Sài Gòn hay Ban mê Thuật trở về Pleiku khi nhìn thấy đỉnh núi gợi cảm ấy là biết rằng đã gần về sân đáp. Với thơ Lâm Hảo Dũng, cảnh với người hình như có gì ràng buộc với nhau và trong cuộc chiến, cái giây phút mơ mộng hiếm hoi đã làm tươi thắm hơn những rặng núi mù lam vây kín chân trời:

*"Con đường ấy vẫn hoen màu bụi đỏ
Gió lơ thơ nghe nắng mới ngập ngừng
Anh sống thờ trong tâm hồn trai trẻ
Nghe nỗi buồn đâu đó đến phân vân
Hoa cúc dại thắm trên đường xa tấp
Và quê hương tha thướt lá xanh trà
Em có thả những chòm mây nhưng nhớ
Cho rừng hoang im lặng tiếng chim ca
Đời viễn khách mơ hồ không biết được
Bước chân vang rộn rã buổi quay về
Em mắt biếc hồn nhiên bên cánh cửa
Gửi hương nồng quay quắt bóng người đi. "*

Lâm Hảo Dũng có hai câu thơ đọc nghe nhức nhối, như luồng điện dí vào da thịt. "Chư Pao ai oán hồn trong gió. Mỗi một khăn tang một tắc đường. " Câu thơ của những ngày hè đỏ lửa 1972, khi chốt Chư Pao của Bắc quân cắt ngang đường tiếp tế cho Kontum đã biết bao nhiêu chiến sĩ hai bên hy sinh và biết bao nhiêu tấn bom đạn đã đổ trên mỏm núi.

Nhớ Pleiku, đọc thơ Kim Tuấn. Những Bản Hét, Pleime, Đức Lập, Pleimerong, Đức Cơ, những địa danh của một thời mịt mù lửa đạn. Đọc một đoạn thơ, như thấy lại những đời lính thú. Những câu, những chữ có xót xa, có nhưng nhớ nhưng cũng có nét hùng tráng của những người lính trận xa nhà:

*"Bản Hét những chiều không pháo kích
trời im nghe gió thổi qua mau
rừng im nghe tiếng chim xào xạc
đồn im nghe súng bỗng dựng sào
Bản Hét hành quân vùng Tam Biên
Núi cao như dựng với sông liền*

Rừng sâu màu lá xanh da mặt
Cơm sậy ăn sao nhớ mẹ hiền
Mẹ hiền phương đó con đầu núi
Bưng biển chưa hết trọn đời trai
Bưng biển đêm gối tay lên súng
Bỗng thấy thương thân bỗng thở dài..."

Đọc thơ Nguyễn Bắc Sơn lại trong trang sách sưu tập, dù đã đọc nhiều lần. Thế mà vẫn thấy bưng bưng như có men say một thời nào vừa xa xôi vừa gần gũi lắm:

"...đêm nằm ngủ võng trên đồi cát
Nghe súng rừng xa nổ cắc cù
Chợt thấy trong lòng mình bát ngát
Nỗi buồn sương khói của mùa thu
Mai ta đừng trận may còn sống
Về ghé Sông Mao phá phách chơi
Chia sót nỗi buồn cùng gái điếm
Đốt tiền mua vội một ngày vui
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn
Mặt trời thoáng đã ở phương tây
Nếu ta lỡ chết vì say rượu
Linh hồn sẽ chắc thành mây bay
Linh hồn ta sẽ thành đóm đóm
Vợ vẫn trong rừng động Thái An
Miền Bắc sương mù giăng mấy quận
Che mưa giùm mấy năm xương tàn. "

Đọc thơ Chinh Yên, nhớ lại những ngày ứng chiến trong hầm đại liên nhìn ra tuyến, đọc thơ Thanh tâm Tuyền, đọc sách Phạm Công Thiện để nhìn thấy qua lỗ châu mai thấy những sợi mây bay. Đọc, để cảm khái:

"Hiền sĩ đọc thơ bên lều cỏ
tôi đọc thơ giữa chốn ba quân
cách nhau mỗi ngày là mỗi lạ
huống hồ trên dưới mấy trăm năm
hiền sĩ có trăng treo ngoài ngõ

để lâu lâu ngắm nghĩa đỡ buồn
tôi có gì đâu ngoài súng nhỏ
máng đầu giường chạm gió kêu khan
hiền sĩ có cây già tựa gối
có chim ngàn ở ẩn chia vui
tôi có gì đâu ngoài nón trận
tránh đạn bom nhờ chút hên xui..."

Có những bài hành đọc lên hụt hơi ngút ngàn hào khí. Những câu thơ dồn dập suy tưởng ào ào lồi lõm. Những câu thơ dài theo nhịp trống quân hành, những câu thơ của từng phút giây mệnh mang cảm giác. Tôi đọc "Biên Cương hành" thơ Phạm Ngọc Lưu:

...Đây biên cương, ghé thay biên cương
tử khí bốc lên dày như sương

đá chảy mồ hôi rùng ứa máu
rùng núi ta ơi đến chia buồn
buồn quá giả làm con vượn hú
nào ngờ ta con thú bị thương
chiều hôm bắt tay làm loa gọi
gọi ai nơi viễn xứ tha phương?
Gọi ai giữa sơn cùng tận
Ai người thiên cổ tiếc máu xương?
Em đâu, quê nhà chong mắt đợi
Hồn theo mây trắng ra biên cương
Thôi em, yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta mất nhắm tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường
Nơi nơi lạnh trẫm dòng sông Dịch
Kính Kha đòi nay cả vạn muôn
Há một mình ta xuôi biên tái
"nhất khứ bất phục phản" là thường..."

Như gió mây hội ngộ, hánh quân qua bến phà Mỹ Thuận gặp bạn đánh chén say mèm. Thơ Hà Thúc Sinh như tiếng cười ngạo nghễ tràn đầy cảm khái. Cười như cuộc sống là một trò đùa và trò chơi đánh trận như là một cuộc cút bắt với thiên thu

"Hãy cạn ly chết bỏ
tôm cua cá lươn sò
lượng ta còn nguyên vẹn
còn cả cái Seiko
Cửu Long giang ra biển
Sẽ chẳng trở về đây
Chiến tranh hề gặp gỡ
Có chắc lần thứ hai
Mai mỗi tháng mỗi ngả
Thằng Cà Mau, Năm Căn
Thằng Bình Dương, Bình Giả
Thằng địa ngục thiên đàng
Nhưng ta không sợ chết
(hơi ngán què đôi chân)
còn mày sao lại khóc
cứ cười lên đi con
ta anh hùng tứ xứ
há thua những bông hồng
nơi rừng U Minh hạ
còn dám nở dưới bom
cứ cười như họng súng
bắn cuộc đời vỡ toang
ha ha ha ha ha
như họng súng
ha ha ha

Đời võ toang "Đọc thơ Cao Thoại Châu. Đọc thơ Vũ Hữu Định. Đọc thơ Hạc Thành Hoa. Đọc thơ Hồ Minh Dũng. Đọc thơ Thái Tú Hạp. Đọc thơ Trần Tuấn Kiệt. Đọc thơ... Đọc thơ.... Những bài thơ tiếp nối nhau từ sông ra biển, từ nơi chốn này đến địa danh khác. Thơ, trong suốt đêm mưa hôm nay, đã thành một không gian của trăm chiều chuyển động, của xôn xao cảm giác, của nhớ và quên lẫn lộn, thấy mình và người quán quít hình nhân. Tôi đọc thơ mê mải. Tôi như bơi theo dòng. Tôi như sống một thời gian không gian nào của những ngày đôi mươi của xênh xang áo trận của những tướng mình là người mang nặng mộng ước trên vai.

Lúc ấy, mới thấy sâu xa cảm tình của những người chia sẻ với nhau nỗi niềm của chung mang thời thế. Để có một lúc phải nhủ thầm trong lòng. Cám ơn những thi sĩ, những người đã góp công làm đẹp quê hương. Và, cũng phải tri ân những người thực hiện bộ sưu tập để những vần điệu thi ca của một thời kỳ được miên viễn từ cuộc hồi sinh chữ nghĩa...

Nhớ về Hà Nội, tâm sự người xa xứ

Hơn nửa thế kỷ trước, những năm giữa thập niên 50, những người miền Bắc di cư vào Nam với nỗi ngậm ngùi. Thơ, văn, nhạc, hình như cũng chuyên chở nhiều tâm sự, của "nhớ về Hà Nội", của tâm tình hoài niệm vô bờ. Và sau hơn hai mươi năm, thì những người Việt lưu vong xứ người lại bồi hồi nhớ về một đất nước đã xa, một thành phố Sài Gòn đã mất tên và thành kỷ niệm. Những bộ môn nghệ thuật kể trên lại được khắc ghi lại từ những cảm hoài mênh mông, từ những nỗi niềm ấp ủ của những người yêu quê hương đất nước và luôn ngóng về nơi chốn đó với cả những tấm lòng. Bao nhiêu năm qua, những văn thi nhạc sĩ Việt Nam từ những cuộc đổi dời với những tác phẩm đánh dấu những thời kỳ đặc biệt của lịch sử Việt Nam.

Mấy hôm nay ở thành phố của chúng ta thời tiết bỗng trở nên thật nóng. Mùa hè đã tới với tháng bảy nóng nực. Có phải đó là lý do tôi nghĩ tới Hà Nội, thành phố mà mùa hạ khí hậu cũng khắc nghiệt không kém thời tiết của chúng ta hiện nay?

Phải mà không phải. Tháng 7 mỗi năm có ngày 20 là thời điểm nhớ về một giai đoạn lịch sử cũ, mà có người đã gọi là thời kỳ của người di cư. Cũng như sau này, ngày 30 tháng tư năm 1975 đã thành ngày của những người di tản bỏ nước ra đi. Tất cả, cũng là của những người trốn chạy chế độ Cộng sản đi tìm dân chủ tự do.

Tại sao lại có sự nhớ lại lịch sử trong ngày 20 tháng 7 mỗi năm?

Đó là ngày mà các phe liên hệ gồm các phái đoàn Anh, Hoa Kỳ, Nga Xô viết, Trung Cộng, Pháp, Việt Cộng, Lào, Campuchia ký hiệp ước Genève chia đôi đất nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Phái đoàn Việt Nam Quốc gia mà bác sĩ Trần Văn Đỗ là trưởng đoàn không chịu ký để phản đối việc chia cắt đất nước. Sau đó là cuộc di cư vĩ đại của hơn một triệu người miền Bắc di cư vào Nam và đã làm thay đổi cả xã hội miền Nam về nhiều mặt kinh tế, chính trị, giáo dục, và cả văn học nghệ thuật nữa. Và như vậy, chúng ta mới có những tác phẩm văn thơ nhạc "Nhớ về Hà Nội" đánh dấu một thời kỳ đặc biệt của văn học sử Việt Nam.

Nếu có người nói đó là cuộc di cư của chữ nghĩa thì chúng ta sẽ có nhận định ra sao? Đó là một cách nói. Nhưng, xét trên thực tế, ngày 20 tháng 7 năm 1954 có thể coi như bắt đầu cho hai mươi năm văn học miền Nam, một giai đoạn văn học đáng kể từ tính chất khai phóng cũng như có những thành tựu mà chính những người đối nghịch chính kiến cũng không thể phủ nhận. Nền văn học ấy đã có những cuộc lên đường của những tác giả lừng lẫy, đã có những công trình sáng tạo nghệ thuật biểu trưng được tâm tình của một thời đại đầy biến chuyển của một đất nước chiến tranh.

Hình như lịch sử Việt Nam đầy những chuyến đi bất đắc dĩ và những thành phố là nơi đã chứng kiến những cuộc chia ly. Rất nhiều người đồng ý với nhận định ấy.

Những thành phố của chia ly. Sài Gòn, sau năm 1975. Hà Nội, sau năm 1954. Những thành phố của hoài niệm trong thời gian ấy. Năm 1954, hàng triệu người rời bỏ miền Bắc xuôi Nam tìm tự do, cuộc di cư vĩ đại của những người ghê sợ Cộng sản. Năm 1975, Cộng sản chiếm toàn bộ đất nước. Hàng trăm ngàn người di tản ra ngoại quốc sau đó đến từng đợt vượt biển của hàng triệu người. Không gian, thời gian, của những biến cố kể trên, đã thành môi trường và động lực thúc đẩy văn nghệ sĩ để tạo thành những tác phẩm văn chương hay âm nhạc phản ánh tâm tình thời đại.

Trong văn chương và âm nhạc Việt Nam, chắc có nhiều tác phẩm về đề tài này? Dĩ nhiên là rất nhiều. Những bài viết của nhà văn Mai Thảo trong "Đêm Giã Từ Hà Nội", Thanh Tâm Tuyền trong "Ung Thư", Dương Nghiễm Mậu trong "Quyên, Dĩ vãng và Hà Nội", Hồ Hữu Tường trong "Phố Sinh Từ", Vũ Bằng trong "Thương Nhớ Mười hai" và "Miếng Ngon Hà Nội", ... Những bài thơ của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Thanh Nam, Hoàng Anh Tuấn, Nhất Tuấn, Hà Huyền Chi, ... mở ra một thế giới Hà Nội của hoài vọng, của nỗi niềm. Rồi những bài thơ phổ nhạc mà thơ nhạc đã phối hợp và bổ túc cho nhau thành những tuyệt tác và có tuổi thọ văn chương nghệ thuật miên viễn...

Có những bản nhạc đã có đời sống trường cửu vượt qua được thời gian với những đề tài hoài niệm về những thành phố vĩnh viễn cách xa. Đó là một đặc tính của âm nhạc Việt Nam. Một dòng nhạc hoài niệm kéo dài suốt nửa thế kỷ đã cho chúng ta những bản nhạc để đời. Những bản nhạc mà tuổi thọ của nó dài hơn tuổi thọ của chính tác giả sáng tạo ra nó. Nhạc sĩ có khi khuất bóng từ lâu, nhưng nhạc phẩm vẫn còn sống, còn được hát và còn được thính giả nghe và hâm mộ. Qua một thời gian, qua sự đãi lọc, bản nhạc có thể tồn tại được phải có sức lôi cuốn từ ngôn từ và điệu nhạc. Và nhất là, phù hợp với tâm tư của từng thời kỳ, của hoàn cảnh mỗi người khi nghe âm điệu nhắc lại những phần đời sống đã qua.

Với tôi, có những bản nhạc là một phần đời sống tôi. Những bản nhạc, nhắc lại một tháng ngày đã qua. Nghe nó, như sống lại một quá khứ. Thuở đó, là kỷ niệm. Thuở đó, là cái tôi riêng trải dài theo những đoạn đời. Có khi, tưởng quên lãng nhưng lại chợt về trong ký ức. Có người bạn, anh Trần Thăng, một người sản xuất nhiều băng nhạc và video nổi tiếng mang tên trung tâm Asia, Dạ Lan, Mây, đã chê tôi là "ông chỉ thích những bản "antique" không mà chẳng để ý gì đến những bản nhạc mới sáng tác, mọi người đều như thế thì âm nhạc sao phát triển được". Tôi chỉ cười nhưng thầm nghĩ, ừ, tôi chỉ thích những gì hợp với tôi bất kể là nhạc thính phòng hay nhạc đại chúng, nhạc cũ hay nhạc mới nhạc trẻ. Tôi có những băng nhạc thật cũ, âm thanh nghe nhiều quá thành rè rè mà tôi vẫn giữ lại. Và, nếu có ai có những bản nhạc cũ mà tôi thích ấy, tôi thu lại để nghe. Tính khí ấy có lẽ cũng không hay lắm, nhưng đã quen nét rồi, biết làm sao. Nhiều khi, tôi nghe nhạc trong vô thức, lúc đọc sách, lúc lái xe hay cả những lúc đang chập chờn giấc ngủ. Cái cung cách nghe nhạc mà như không nghe nhạc ấy có lẽ không phải là của một người thành thạo về âm nhạc. Nhưng đó cũng là một phần đời sống của tôi, dù chỉ là một phút một giây. Tôi sống một phút. Cũng như tôi cảm âm nhạc một giây, mặc dù bằng hai lỗ tai "điếc nhạc"...

Thời gian mới di cư vào Nam, tôi còn nhỏ lắm và đang học tiểu học. Năm 1954, gia đình tôi di cư vào Nam. Đang học ở một trường tiểu học mà một số học sinh là người Bắc, lạ người lạ cảnh, tâm tư như tờ giấy trắng, nhưng tôi vẫn nhớ như in bài hát mà tôi đã gân cổ hát trong giờ sinh hoạt học đường. Lúc ấy, hào hứng tin tưởng xiết bao. Bản nhạc "Về miền Nam" của Trọng Khương nhắc lại tôi ngày thơ ấu:

*"Đứng vùng lên nào bao thanh niên yêu nước
Hướng về đây miền nam thân yêu nắng sáng
Theo vết chân người xưa ta tiến lên đường đi
Bao nắng mưa sương gió nào ngại chi.
Sông nào cắt đứt đôi nơi
Sông nào xé nát tim tôi*

Sông nào bóp chết thương yêu Việt nam ơi !...“

Bản nhạc mà tuổi thơ tôi đã hát say sưa như vậy đã tạo nhiều cảm xúc cho tôi. Bài hát ấy, với tôi, tự nhiên nhắc và nhớ đến những khuôn mặt ấu thơ. Những cô giáo, thầy giáo khai tâm tuổi nhỏ. Cùng với ngôn từ và điệu nhạc, là bước chân trở về. Đó, lãnh địa thiêng liêng của đời người, mà dần dần thời gian đi qua, in sâu trên tiềm thức. Đất nước mới, mở ra những lạc quan, như tuổi xanh ngây thơ nhưng thật nhiều ước vọng... Bài hát như một dây chuyền để bắt đầu cho một chuỗi liên tưởng. Vô tình, bài hát như một contact để mở một mạch điện cho khúc phim đời sống riêng tôi...

Dòng nhạc hoài niệm ấy chắc còn rất nhiều bản nhạc làm cho tôi cảm khái như bản “Về Miền Nam”? Nhưng những bài hát khác, thường là những nỗi buồn, ngậm ngùi hướng vọng về chốn quê xa. Hàng trăm ca khúc có chung giọng nhạc. Không phải chỉ với bài hát ấy, mà còn nhiều bài hát khác, nhiều phim truyện khác, nhắc nhớ lại thời kỳ đặc biệt của đất nước. Một cách khái quát, theo bài thuyết trình “Love and Longing at the Border : Songs On Both Sides of the 17th Parallel” của Jason Gibbs trong seminar của Popular Culture Association tại thành phố San Antonio, tiểu bang Texas thì có tới 18 ca khúc của những người di cư nhớ về quê hương cũ đã xa. Như : “Bắc Một Nhịp cầu” của Hoàng Trọng, lời Hồ Đình Phương, “Biệt Hải Phòng”, của Phó Quốc Thăng, “Chờ Anh Em Nhé”, của Xuân Tiên, lời Nhật Bằng, “Chuyến Đò Vĩ Tuyến” của Lam Phương, “Giấc mơ Hồi Hương” của Vũ Thành, “Hận Ly Hương” của Anh Hoa và Ngọc Lang, “Hướng về Đất Bắc” của Phó Quốc Thăng, “Hướng Về Hà Nội” của Hoàng Dương, “Lá thư gửi mẹ” của Nguyễn Hiền, lời Thái Thảo, “Mộng ngày hồi hương”, của Hoàng Trọng, Hồ Đình Phương, “Sầu Ly Hương” của Lam Phương, “Thu Ly Hương” của Nhật Bằng và Đan Thọ, “ình Cố Đô” của Lam Phương lời Mạnh Thương, “Về Bến Xưa” của Nguyễn Hiền, lời Thiện Huân, “Vọng Cố Đô” của Đan Thọ Nhật Bằng, “Xa Quê Hương” của Đan Thọ, Xuân Tiên, “Xuân ly Hương” của Phó Quốc Tân... Nhưng danh sách ấy chưa đầy đủ lắm, còn thiếu một cách đáng kể : “Mưa Sài Gòn, Mưa Hà Nội” của Phạm Đình Chương, thơ Hoàng Anh Tuấn, “Thương về 5 Cửa Ô xưa”, thơ Tạ Tỵ, nhạc Y Vân, “Mùa Hoa Nở” của Cung Tiến,

Hình ảnh của thành phố Hà Nội chắc in sâu trong trí nhớ của tôi qua những bản nhạc mà tôi đã nghe trong một khoảng thời gian dài. Trong những bài hát ấy, Hà Nội như một hình tượng của nhung nhớ. Thành phố ấy, phải rời bỏ đi xa với nỗi đau đớn tận cùng. Hà nội ơi! Có phải là tiếng kêu thẳng thốt của trái tim vỡ vụn. Không phải với tôi mà chung của rất nhiều người, Hà Nội thành thánh địa của hồi tưởng. Lúc học trung học, hai thành phố gợi cho tôi nhiều ấn tượng và mê đắm nhất là Paris và Hà Nội. Lúc đó, tôi chỉ mong có ngày đặt chân đến Paris của cậu bé Vincent trong sách “Cours De Langue et de Civilisation” của giáo sư Mauger mở ra biết bao nhiêu ảnh tượng kỳ thú. Còn Hà Nội, là “Đêm Giã Từ Hà Nội” của Mai Thảo, là “Ung thư” của Thanh Tâm Tuyền, hay nhạc “Hướng Về Hà Nội” của Hoàng Dương.

Có người hỏi tôi khi di cư vào Nam là lúc còn rất nhỏ. Thế mà, tại sao tôi lại nhung nhớ bồi hồi một cách tận cùng như vậy khi nghe lại những bản nhạc ấy.

Bởi vì từ nhạc, tôi cảm thấy nhiều điều. Không gian xa cách ngàn trùng. Thời gian chia ly vời vợi. Đời sống bỗng lênh đênh chia hai giữa buồn nhớ và hy vọng. Sẽ có một ngày trở về, có phải? Nhưng cuộc sống như giòng nước trôi đi lạnh lùng. Xa xứ và ly hương, như dòng sông Bến Hải chia đôi đất nước.

Nhiều bản nhạc cũng gây ra rung động cho tôi như thế? Bởi vì, đó là tâm tưởng chung của một thế hệ phải chịu những biến chuyển nghiệt ngã của thời thế... Như ca từ của “Chuyến đò vĩ tuyến” của Lam Phương, “*Đêm nay trăng sáng quá anh ơi, sao ta lìa cách bởi dòng sông bạc hai màu...*” Hay trong “Bắc một nhịp cầu” của Hoàng Trọng, lời Hồ Đình Phương “*Lạnh lùng phương Nam mơ bóng cây xanh ven hồ. Ngậm ngùi phương Bắc trông lúa xa xăm mong chờ. Vì một dòng sông xóa mờ. Tình đời lìa đôi bến bờ...*” Hoặc ở trong “Vọng Cố Đô” của Đan Thọ

và Nhật Bằng “Hà Nội ơi! Xa cách muôn trùng dương. Những lúc sương chiều xuống. Tìm đâu bóng Hồ Gươm lòng bao mến thương...” Và với “Mùa Hoa Nở” của Cung Tiến “Chiều mưa thương nhớ đến bao giờ. Đường về nẻo Bắc xa mờ, mơ hồ. Đàn chim gieo thương nhớ. Câu tiếng nước nhà...”

Những bản nhạc ấy, trôi theo dòng sông âm nhạc và liên tiếp nhau để thành một thời đại hoài niệm, mà tiếng kêu tha thiết vẳng lên từ nơi chốn đã vơi xa: Hà Nội. Tiếng hát, lời ca, không còn đơn thuần là ca khúc mà đi xa hơn, để thành chia sẻ, kỷ niệm của một phần của đời người. Bao nhiêu năm, với bao nhiêu bản nhạc thịnh phòng hoặc đại chúng, được trình diễn từ những ca sĩ tuyệt vời, những bản nhạc ấy vẫn sống, từ thời hòa bình tạm thời đến cuộc chiến khốc liệt. Mấy chục năm, vẫn không phai cảm xúc trong lòng khán thính giả...

Dòng nhạc hoài niệm hình như tới bây giờ vẫn còn hiện hữu trong nền âm nhạc Việt Nam? Vâng, đó là một trớ trêu của lịch sử đất nước. Năm 1975, cơn hồng thủy lại đến với dân tộc Việt nam. Đất nước thống nhất, hòa bình nhưng trại tù mở ra khắp nước. Kinh tế lụn bại, chính tình hà khắc, dân chúng đói khổ. Rồi đánh tư sản, rồi vợ vét tiền của người dân khiến hàng triệu người bỏ xứ ra đi tìm đất sống. Những chuyện phim như Chúng Tôi Muốn Sống, Đất Lành,... bỗng thành hiện thực. Và, giòng nhạc hoài niệm lại tiếp nối. Tâm tư, nỗi niềm của thế hệ, của thời đại lại phản ánh rõ nét. Ở hải ngoại, ngóng về quê hương, về Sài Gòn với tấm lòng tan nát. Nốt nhạc lời ca thành tiếng vọng gửi về qua khoảng cách của hai bờ đại dương.

Hình ảnh của Hà Nội đậm nét trong văn thơ nhạc của những người di cư vào miền Nam lập đời sống, sự nghiệp mới. Thành phố ấy biểu trưng cho quê hương đã xa, cho thời gian đã qua nhưng đôi khi muốn trở mình hồi sinh sống lại. Những con đường, những hẻm phố, của 36 phố phường ngày xưa, của ăn Bắc mặc Kinh, của một thời văn hóa dân tộc là tinh chất của những năm dựng nước và giữ nước. Nói về Hà Nội, quả là một câu chuyện miên man mà thời gian một hai tiếng đồng hồ chẳng đủ cho những người khao khát nắng gió quê nhà luôn hướng vọng về một thành phố đã xa. Hình như có những bản nhạc có xuất xứ từ ngôn ngữ thơ viết về Hà Nội và trở thành một vài bài hát tiêu biểu.

Một bài thơ được phổ nhạc của một thi sĩ cho rằng thơ và nhạc có những đặc tính khác nhau nên ở những bài thơ được phổ nhạc tinh chất thi ca bị giảm sút đi và không còn là thơ tinh tuyền nữa. Thế mà, ông có một bài thơ được nhạc sĩ Y Vân phổ nhạc và là một bản nhạc coi như tiêu biểu cho dòng thơ nhạc hoài niệm về Hà Nội. Đó là thi sĩ Tạ Tỵ và bài thơ được phổ nhạc “Thương Về Năm Cửa Ô Xưa”

Bài thơ như một kỷ niệm đẹp của một thời thế đã xa, của một quê hương đã khuất. Chuyển thể thành nhạc lại thành những giai điệu tha thiết của nhớ thương nhắc lại những nơi chốn đã qua làm rung động tâm tình người xa xứ. Thuở ấy, những nhung nhớ của tâm hồn hoài niệm cứ mãi khắc khoải tâm tư, thì bây giờ nơi xứ lạ vẫn ngóng về biển Đông để tìm ra một tác lòng rưng rưng theo nhịp tim sóng vỗ. Bài thơ Tạ Tỵ như những âm vang đồng vọng của những người khi nghĩ đến quê nhà lại xót xa thắt ruột.

Bài thơ “Thương về năm cửa ô xưa” có những câu như:

*“Tôi đứng bên này vĩ tuyến
Thương về năm cửa ô xưa
Quan Trường đêm tàn dẫn lối
Đế cao hun hút chợ Dừa
Cầu Rền mưa dầm lầy lội
Gió về đã buốt lòng chưa?
Yên Phụ đôi bờ sóng vỗ
Nhị Hà lấp lánh sao thưa
Cầu Giấy đường hoa phượng vĩ
Nhớ thương biết mấy cho vừa...
Cửa ô ơi cửa Ô
Năm ngã đường đất nước*

*trôi từ vạn nẻo sông hồ
nắng mưa bốn hướng đổ vào lòng Hà Nội
gục đầu nhớ tiếng võng đưa
có biết chẳng ai, mái tóc bồng bênh chảy xuôi ý đẹp
có nhớ chẳng ai.
lệ nào ướt đầm tình người
tê tái tiếng cười
từng cánh hoa đời khép lại
Thương về năm cửa ô xưa!!”*

Bài thơ này do Y Vân phổ nhạc mà nghe từ giọng hát Lê Thu thì không có giây phút nào tuyệt vời hơn.

Có một bài hát mà một thời được hát với tất cả tâm tình của người đang trong hoàn cảnh của ngày tháng Hà Nội sắp mất và chọn sự ở lại với những khúc mắc trong lòng. Đó là bản nhạc Hướng Về Hà Nội của nhạc sĩ Hoàng Dương. Đọc một đoạn viết của nhà văn Nguyễn Đình Toàn để có thể hiểu được tâm sự của người nhạc sĩ:

“Thế nhưng hoàn cảnh lịch sử cũng đóng một vai trò quan trọng đối với bài hát của Hoàng Dương. Đó là những ngày tháng Hà Nội sắp mất. Người ta đang sửa soạn ký với nhau một hiệp định chia đôi Việt Nam ở một nơi nào đó gọi là Genève. Hà Nội trong những ngày tháng ấy giống như một cơ thể mắc chứng hoại huyết. Xanh xao. Vàng vọt. Người ta bỏ đi. Người ta chạy trốn. Người “bên ngoài” (hậu phương) đã về trộn với người bên trong (Hà Nội). Người ta hân hoan, người ta sợ hãi. Úp úp. Mở mở. Hà Nội bị xé đôi bằng nỗi vui mừng và kinh hoàng thâm nhập cùng một lúc vào lòng người Hà Nội trước khi nó thuộc về cái phần đất nước bị cắt đôi. Hà Nội đẹp. Hà Nội buồn. Hà Nội lãng mạn hay thực tế cũng sẽ mất như những đám sương mù tháng bảy đang xóa bỏ nó. Người ta phải nói lời giã từ Hà Nội. Gọi hồn Hà Nội. Hoàng Dương đã chọn ở lại Hà Nội. Bài hát của ông có cái xa và cái gần Hà Nội. Có cái ngọt ngào của một bản tình ca, cái náo nùng của một cuộc chia lìa. Cho người ở lại dấu nó trong lòng. Cho người ra đi hát như một lời gọi với...”

*Biết người còn nhớ nhung chi
Hết rồi giây phút phân ly
Hà Nội ơi! Dáng huyền tha thướt đê mê
Tóc thè thả gió lê thè
Biết đâu ngày ấy anh về...”*
(Nghe trọn bài - Thuỳ Dương thể hiện.)

Hướng Về Hà Nội là lời của người chọn sự ở lại. Thế còn những người ra đi thì sao? Có mơ mộng gì đến ngày trở về không?

Bài Giác Mơ Hồi Hương của nhạc sĩ Vũ Thành là tiếng lòng thổn thức của tâm tư ấy. Theo một bài viết của tác giả Quỳnh Giao thì lời ca của Giác Mơ Hồi Hương phát xuất từ một bài thơ mà nhạc sĩ Vũ Thành không nhớ tên tác giả.

*“Đau đớn nhìn Hà Nội
khuất dần sau sương rơi
sông Nhị Hà sôi nổi
cầu Long Biên xa rồi
mắt nhìn hình ảnh cuối
lòng thương nhớ khôn nguôi
nghe ngào tâm sự cũ
thôi rồi Hà Nội ơi!*

Vậy ca từ của Giác Mơ Hồi Hương có tương tự gì với lời thơ ở trên không? Nếu nói rằng có ảnh hưởng để cảm hứng thì có nhưng tương tự thì không.

“Lìa xa thành đô yêu dấu

*một sớm khi heo may về
lòng khách tha hương vương sầu thương
nhìn em mờ trong sương khói
bước đi nhưng chưa nở rời
lệ sầu tràn mi, đượm men cay đắng biệt ly
rồi đây dù lạc ngàn nơi
ta hướng về phía xa vời tìm mộng xưa lãng quên tháng ngày tàn phai... ”
(Nghe trọn bài với tiếng hát Thùy Dương.)*

Nhạc sĩ Thanh Trang có một nhận xét khá dí dỏm nhưng chính xác: "Cùng thời niên thiếu tôi rất yêu thích những bài hát của cổ nhạc sĩ Vũ Thành như "Nhật cánh sao rơi", "Nhớ bạn". Tôi để ý thấy trong những bài hát của mình, ông Vũ Thành chẳng bao giờ dùng chữ "em" khi nói đến hình ảnh một người con gái. Chữ "em" hiếm hoi mà ông xử dụng thì lại để chỉ... Hà Nội trong bài "Giấc Mơ Hồi Hương"... "

Tác giả Quỳnh Giao cũng viết "Vũ Thành quả là người khiêm tốn, vì với Quỳnh Giao lời ca của "Giấc Mơ Hồi Hương" sâu xa và mới hơn ý của bài thơ nguyên thủy. Thời đó gọi thành phố Hà Nội là "em" mà không là mới sao? Và lãng mạn quá đi chứ!

Có một bản nhạc mà một nhà phê bình âm nhạc gọi là cây cầu bắc giữa hai thành phố, hai chốn, hai nơi, hai phận đời và hai kiếp người.

Phạm Đình Chương phổ nhạc thơ Hoàng Anh Tuấn : "Mưa Sài Gòn, Mưa Hà Nội", một bài hát mà mỗi khi người di cư nghe lại quặn đau. Hình như, thơ Hoàng Anh Tuấn và nhạc Phạm Đình Chương đã quyện vào nhau để trở thành những cảm giác của những người cùng tâm sự chia sẻ với nhau chung một nỗi niềm...

Trong thơ Hoàng Anh Tuấn có nhiều thành phố : Paris, Sài Gòn, Đà Lạt, San José,... Nhưng, tập thơ cuối đời và độc nhất của ông lại là "Yêu em, Hà Nội". Đó có phải là một sự kiện đặc biệt? Thực sự cũng dễ hiểu.

Trong thi ca Hoàng Anh Tuấn, muôn đời miên viễn trong tâm tưởng vẫn là Hà Nội. Chẳng phải riêng trong vô thức, là hình bóng người tình muôn thuở. Mà cũng chẳng phải là tình cảm đầu đời với một nơi chốn từ đó đã sinh ra và lớn lên. Thơ ông với Hà Nội, là nỗi bí nhiệm của tổng hợp những nỗi niềm của người từ nơi chia xa nhớ về. Nó không đơn thuần là tình yêu đầu đời và cũng không đơn thuần là hoài niệm về tuổi thơ. Mà, là tất cả, từ ấn tượng không phai nhạt. Từ tâm tư của trái tim cảm lụy. Của những "ngôn ngữ trời cho" của một bất thần vụt đến của thơ.

Chúng ta có thể dẫn chứng một vài bài của "Yêu em, Hà Nội".

Những bài thơ Hà Nội, có nỗi thiết tha, có ngữ ngôn bình dị và tự nhiên không một chút làm dáng nào. Thơ như thể một cánh buồm phăng phăng vẫy vùng trong cái cao rộng của đất trời, của những phương trời tuy mịt mù khói sóng nhưng gần cận thân quen. Thơ phá vỡ đi cái biên giới hữu hạn của không gian, thời gian. Hà Nội dệt bằng những bài thơ, mềm như nắng và nhẹ như mây trời. Trong thơ Hoàng Anh Tuấn.

Hà nội, kỷ niệm:

*"...xin trở lại thuở ngày xưa tinh nghịch
cầm tay nhau ngày đó để xa nhau
để ước ao khi thương nhớ ghen ngào
được cầm lại bàn tay em công chúa
khung cửa sổ mở ra trời yêu cũ
chẳng khuấy vào sợ khuấy dáng em xưa
một nỗi buồn thoáng Hà Nội mùa thu
vẽ từng nét tình yêu em hương cốm. "*

Hà nội, tình ca :

*“ Hà Nội yêu, anh vẫn yêu muốn khóc
mấy chục năm, xa đến mấy nghìn năm
giã từ em, mười bảy tuổi một lần
thu rất mỏng, mưa hững hờ đẫm lá
Hà Nội yêu, áo lụa ngà óng ả
Thoáng khăn san nũng nịu với heo may
Hai ngón tay nhón một trái ô mai
Chiếc răng khểnh xinh nụ cười cam thảo
Hà Nội yêu, mối tình đầu khờ khạo
Em nhận thư anh ngậy ngất tử mừng
Khi về nhà, cười nụ với cầu thang
Một tuần lễ vui như ngày thi đỗ.,, ”*

Với bài thơ mà nhạc sĩ Phạm Đình Chương đã phổ thành ca khúc thì là một bài thơ, được thắp cánh bằng nhạc, khi được đọc hoặc hát lên, tạo thành một xúc cảm mãnh liệt. Bài thơ “Mưa Sài Gòn, mưa Hà Nội” được phổ nhạc bởi nhạc sĩ Phạm Đình Chương, mà có người đã cho là tình khúc hoài niệm hay nhất trong những bản nhạc buồn. Những câu thơ cứ ngân vang, rưng rưng trong lòng người xa xứ. Những cơn mưa, mưa ngoài trời và mưa trong hồn:

*“Mưa hoàng hôn
trên thành phố buồn gió heo may vào hồn
thoảng hương tóc em ngày qua
ôi người em Hồ Gươm về
nương chiều tà
liều sầu úa thềm cũ nằm mơ hiền hòa
thương màu áo ngà
thương mắt kiêu sa
hiền ngoan thiết tha...”...
(Nghe trọn bài với tiếng hát Mai Hương.)*

Hai phương trời. Hai tâm tư. Quê hương Hà Nội đã xa từ quá khứ. Tự nhiên những hạt mưa buốt lạnh. Mưa của hoàng hôn, của những nỗi buồn cuối ngày của thi sĩ và nhạc sĩ...

Những đóa thơ cho phố núi Pleiku

Năm tôi lên phố núi tôi vừa qua cái tuổi đôi mươi. Hai mươi tuổi, tâm hồn lúc ấy trắng bong, tràn đầy mơ với mộng. Chưa có kinh nghiệm trường đời nên thường phản ứng trước những chướng tai gai mắt và theo suy nghĩ của nhiều vị chỉ huy, tôi là một đứa ba gai cần phải hành hạ để cho vào khuôn phép. Ở đâu cũng xa nhà nên tôi tình nguyện đi biệt đội Pleiku mút mùa lệ thủy và khi ở đây lập không đoàn thì cũng là một trong những người khai sơn phá thạch của đơn vị.

Thời gian ở thành phố biên trấn này chỉ hơn hai năm mà sao tràn đầy kỷ niệm. Có những lúc, cơn xẩy đồ hộp ngày này qua tháng khác mà vẫn vui. Lành lương xong, chỉ một vài ngày là sạch nhẫn, thế mà tối nào cũng lang thang ở phố đến nửa đêm mới mò về phi trường. Ở đây, cũng có những mối tình thoáng qua nhưng cũng có những mối tình thấm thiết để thành chồng vợ suốt đời. Ở đây, cũng có những đêm thả trôi thân xác, qua những phần son tạm bợ, để rồi đời sống cứ qua đi của những ngày chiến tranh khốc liệt. Ở đây, biết bao nhiêu đứa bạn, buổi sáng còn đùa giỡn chọc ghẹo nhau mà vài tiếng đồng hồ sau thân xác đã thành sương khói cho những phi vụ không về. Ở đây, có sáng mù sương, thấy đời mệt mỏi như chiếc xe dodge già nua ị ạch leo đầu dốc. Dù rằng tôi lúc ấy chỉ vừa hơn hai mươi tuổi...

Ngày lên Pleiku, có một bài thơ tôi đã làm như tiên đoán được cái không gian của biên tái , của những câu thơ như Lương Châu Từ của Vương Hanø thời Thịnh Đường xa xưa. Pleiku có khác nào Lương Châu, cũng là quan ải để trấn giữ biên cương. Ngày xưa thì ngăn giặc Hồ , giặc Mông. Ngày nay , thì canh chừng ba biên giới, với những trận đánh ác liệt mùa khô hàng năm tiếp diễn. .. Bài thơ ấy , làm vào một đêm trước khi sáng mai lên trực thăng vào phố núi

*“ Ừ mai tao lên Pleiku
đêm cảm hơi đá ngày mù núi xanh
uống say quên mộng quần quạnh
về nơi gió cát cũng đành cuộc chơi
Ừ mai cẳng võ ngang trời
ngóng thiên thu một cõi đời tịnh yên
máu xương mãi chuyện ưu phiền
còn đâu tiếng gọi cho em miệt mài
Ừ mai sáng khoác lên vai
Ngấn ngọc phố núi những ngày đao binh
Chắc đâu rượu uống một mình
Trong thân phiêu bạc nhục vinh nửa vời
Ừ mai thương bóng trắng trôi
Chim quên vẫy mỗi cuối trời chiến tranh
Uống đi mai hát quân hành
Nghe trong hơi bốc long lạnh mắt người..”*

Tuổi trẻ , ngây thơ và bốc đồng. Tưởng rằng , mình như một hiệp sĩ thời xưa đi vào nơi gió cát. Thơ cũng ngênh ngang kiểu “ túy ngọc sa trường quân mạc tiểu, cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi” . Tuổi trẻ , ời những giấc mơ của ngày chân không chấm đất cật chắng đến giờ. Có phải là giấc mơ chung của những người lính trẻ chúng tôi...

Pleiku, một thành phố nhỏ heo hút ở cao nguyên, nhờ thơ và nhạc , đã thành một nơi chốn đầy thơ mộng. Thành phố ấy, có những tương phản kỳ lạ . Chiến tranh đã làm phố núi ấy có một bộ mặt, khi thì lãng mạn thơ mộng với những tà áo dài nữ sinh đi học buổi sớm mai nhưng cũng có lúc đầy nhục dục xác thịt . Con đường từ phố đến camp Holloway đầy những quán rượu và những cô gái phấn son lòe loẹt. Và, thành phố cũng đầy những sắc lính. Những người từ mặt trận trở về, đốt tiền mua vội một đêm vui rồi sáng mai trở lại miền gió cát. Những người lính đồn trú ở đây, ráng làm quen với cuộc sống ở vùng nắng bụi mưa sinh, trong một giây phút nào , cũng nao nao vì những tà áo trắng buổi sáng trong sương mù Pleiku, tìm thấy một chút thơ mộng trong đời để làm kỷ niệm... Pleiku, những cuộc tình có thực đầy đông bão của những người lính và những cô gái giang hồ. Nhưng Pleiku cũng có những êm ái thánh thiện của tình học trò áo trắng và người lính dạn dày trong khói lửa . Pleiku có con đường đầy quán rượu cho lính G.I. viễn chinh nhưng cũng có con đường có hai hàng cây cao vút rợp bóng lá và những tà áo học trò tung bay theo nắng.

Người làm thơ, có lúc cũng cảm khái vì cái không gian , thời gian của thành phố ấy. Mưa cũng là cái mưa đặc biệt, mỗi mỗi hạt mưa như chứa đựng cả những nỗi niềm của tất cả những địa phương xa lạ thu góp về. Nắng cũng là cái nắng không phải của một nơi chốn nào khác, nó mang đến cái hanh hao khó chịu nhưng cũng trong màu nắng ấy lấp lánh những tình cảm thầm thì khó tả. Lạnh cũng chẳng phải là cái lạnh lẽo bình thường mà hình như cỏ cây, đường phố, núi non,... ở đây cũng se mình và chia sẻ chung vui buồn với con người. Trong giây phút hiếm có trong đời, cảm xúc đã làm ngôn ngữ tăng thêm lời cuốn và tạo nên ấn tượng. Nguyễn Bắc Sơn, một chứng nhân của cuộc chiến, làm thơ như một cách thể sống, đã coi công việc viết

như một phần của đời người . Sống ở Pleiku và viết những bài thơ để gửi Pleiku. Thơ ông, có chút cảm khái ngậm ngùi của thời tao loạn nhưng cũng có những xúc động bình bằng của tâm tư lãng mạn hay đùa cợt với cuộc đời. Thơ, phẳng phất vóc dáng một chàng cuồng sĩ...

Đọc bài thơ “ Hoa Quì Vàng Lạnh Pleiku”, tự nhiên tôi như người trở về thời gian ấy , không gian ấy. Trở về những ngày tuổi trẻ, của những giây phút bốc đồng coi mọi việc như cuộc đùa chơi. Cái lạnh, chưa hẳn là lạnh lẽo mùa đông , mà còn chứa đựng một chút nồng ấm nào đó của mùa hạ . Lạnh ở bên ngoài nhưng rần rần nóng hổi ở tim óc bên trong. Sương mù ban đêm trên đỉnh cao nhìn về phố buồn, tâm thức cũng ào ạt như sóng theo tầm nhìn vời vợi...

*“ Đứng trên núi thấy hàng đèn thị trấn
Là thấy mình buốt lạnh mấy nghìn năm
Vi đêm nay trời đất lạnh căm căm
Nên chợt nhớ chút lửa hồng bếp cũ
Nên phải nhớ mất một người thiếu nữ
Đã nhìn mình rất ấm một ngày xưa
Dù mai sau ngày nắng tiếp ngày mưa
nhưng vĩnh cửu chút mơ màng thuở đó...”*

Tôi cũng đã sống ở Pleiku gần ba năm. Thời gian ấy trong hơn tổng số bảy năm ở lính của tôi chắc là đáng kể và đầy chật những điều đáng nhớ. Ngày đầu tiên khi từ Nha Trang xuống phi trường Cù Hanh là một ngày mưa u ám. Mưa sủi bọt trên mặt nhựa phi đạo và bầu trời nặng nề u ám màu mây đen. Gió ào ạt lồng lộng ngoài kia khiến cho tôi thấy mình quá nhỏ nhoi trong cái buồn mênh mang của đất trời. Lúc ấy, tôi thấy những câu thơ vẫn vơ trong óc . của Kim Tuấn, Du Tử Lê, Vũ Hữu Định, Nguyễn Bắc Sơn,...Thơ tự nhiên thành một phần của một ngày, một tháng , một năm,...của riêng tôi. Thơ để quên đi hiện tại. Những giọt mưa quất vào mặt, buốt rất. Những ngọn gió thốc vào ngực.Nặng tê...

Đọc bài thơ dài của Nguyễn Bắc Sơn tôi chỉ thấy có hai câu nói về màu hoa quì vàng. Thế mà cái màu sắc hoa man dã ấy chỉ một nét thoáng qua nhưng lại gợi nhiều dư âm. Màu vàng, có khi là màu vàng lạnh , nhưng có khi là màu nóng chói chang của nắng

*“Phố núi kia ơi , một đời phố lạnh.
Lạnh hoa vàng, núi đỏ , thác đèo cao.”*

Hoa quì vàng, một loài hoa nhỏ, cây tựa tựa giống như hoa cúc, tôi đã nhìn thấy miền man màu vàng khi trên phi cơ nhìn xuống. Màu vàng, mênh mang trên những ngọn đồi loang lổ màu xám của đá và màu đỏ của đất. Hoa quì, lẻ loi một cánh trên tay thú thực cũng chẳng hấp dẫn lắm nhưng nếu bạt ngàn dưới cánh phi cơ , rào rạt trong nắng trong gió sẽ trở thành một ấn tượng khó quên cho cảm xúc. Ơi hoa quì , màu vàng không phải kiêu sa như màu hoàng cúc của áo tôn nữ mà có sự gần gũi với tà áo vàng của dân dã, của thiên nhiên. Hèn chi, cũng có nhiều nhà thơ vẫn vương với hoa quì vàng , như Nguyễn Xuân Thiệp, như Kim Tuấn ,...

Người thơ kể chuyện của mình, một câu chuyện có lẽ rất quen tai của những người lính thú. Cũng đi xuống , đi lên, cũng loay hoay bôn chôn như những chàng gà trống,..

*“ Đời lang bạt của một người lính thú
Sáng hôm qua tôi là người thiếp ngủ
Đi một mình lên xuống phố mù sương
Phố núi kia ơi , phố có con đường
Lên xuống dốc tìm không ra bạn hữu*

*Không có bạn tôi làm sao uống rượu
Tôi làm sao sống nổi một ngày đây
Phố núi kia ơi , kẻ lạ đông đây
Nhìn gã lính không khác gì gã lính...”*

Không có bạn tôi làm sao uống rượu. Tôi làm sao sống nổi một ngày đây. Nghe như một câu nói thường ngày, không có chất thơ mà sao nghe tràn đầy thi tứ. Chắc lúc ấy, sự cảm khái của người thơ đã lên cao độ, và, nỗi lạnh lùng thiên cổ như bám vào da vào thịt. Có nỗi nhớ mong, có niềm tiếc nuối. Người em, bây giờ lưu lạc ở đâu?

*“... Tôi vận rủi làm một người lãng đãng
ngó mông hoài khuất bóng của người em
sáng hôm nay đời sống thật bình yên
sao phó lại đuổi đi người yếu điệu
vườn đá tảng bàn chân em huyền diệu
in gót hồng lên lớp bụi đời tôi
là từ khi tôi hạnh phúc rong chơi
và quên lãng con thú mù phần nộ
Ồi phố núi đêm nay là cổ mộ
Một hàng đèn sáng lạnh cõi bi hoang...”*

Bài thơ thứ hai tôi đọc để nhớ Pleiku là của Nguyễn Xuân Thiệp , bài “ Pleiku, tháng ba 1974”. Ba mươi năm trôi qua, nhưng ngày tháng đó vẫn còn sinh động. Thơ, không ghi chép lại nhật ký ngày tháng mà sao đầy dấu vết của một quãng đời . Ngày ấy, lửa cháy đỏ. Ngày ấy, người thi sĩ kể chuyện một mình. Đâu cần ai hiểu , chỉ để nỗi niềm loang vào sương đêm thành nỗi nhớ mịt mùng.

*“ cầm bút viết, tháng ba rực cháy
hàng dầu cao trong bình minh
cơn sốt của trái chín và cánh đồng
trận gió hung trưa ngày ấy
cầm bút viết , đồi hoa quỳ vàng
tháng ba xuống khu rừng. Bóng quạ
rung những nhánh cây màu tàn lửa
tiếng thét hư không. Chiều rượt qua ngàn...”*

Những hình ảnh đan vào nhau với những liên tưởng tiếp nối . Ảnh tượng có khi như không liên quan nhau, chỉ là những nét phác sơ lược nhưng lại làm nổi bật được một không gian đầy biến động. Đồi hoa quỳ vàng, khu rừng, bóng quạ, nhánh cây màu tàn lửa, tất cả như chìm đắm trong nỗi bàng hoàng của thế thời. Cơn bão lửa dậy lên từ hoang vu :

*“ tháng ba, chân trời chớp tia
Những chuyến xe lên đường, cơn mưa chọt đến
Rào qua mái nhà, bàng hoàng . mưa ngưng bật
Đêm. Những căn nhà gỗ sáng đèn.
Tháng ba. Trên đồi vòng nở
Tôi trở về thị trấn tháng ba
Những sợi dây trời cắt đau trí nhớ
Cườm tay em nhỏ máu hè xưa...”*

Xa rồi những ngày thơ mộng. Gần lắm rồi những nỗi kinh hoàng. Cái linh cảm của một cuộc địa

chấn là cái linh cảm chung của những người như những con chuột đang cuống cuống trong rọ. Thị trấn sẽ thành biển lửa , nay mai. Sẽ đầy những cuộc chia ly đầy nước mắt . Thảm họa xụp xuống, như cơn hồng thủy đến.

*“... vò nát chiếc khăn . và đừng khóc
chiều nay. Chớp bể mưa nguồn
chia tay nhau. Sương phụ
người đi râu bám bụi đường
tháng ba. Em. Những căn nhà gỗ
ánh đèn khuya . vết máu hè xưa
đừng tiếc chiếc khăn tay ngày ấy
sẽ bay trong lửa hoàng hôn
tháng ba. Cơn giông rền mặt đất.”*

Đọc xong hai bài thơ , tôi như người hụt hơi.Đời sống, như một hơi khói nhẹ, loãng bay vào hư không.Tự nhiên, thấy lòng mình chùng xuống những kỷ niệm. Những bài thơ. Thuở đã xa. Ngày còn trẻ. Và hoa quì vàng, cái màu vàng loang sắc nắng của buổi nào , bây giờ có còn vương trên núi đồi không? Cái sắc màu hỏa hoàng trong những buổi chiều nhạt nắng ấy sao nhức nhối kỷ ức. Thị trấn ấy , như câu thơ Vũ hữu Định:

*“ Phố núi cao phố núi trời gần
phố xá không xa nên phố tình thân
đi dăm phút đã về chốn cũ
một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng
em Pleiku má đỏ môi hồng
ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
nên mắt em ướt và tóc em ướt
da em mềm như mây chiều trong...”*

Có khi em Pleiku chỉ al tưởng tượng. Thi sĩ đã làm thành một nhân dáng nữ tuyệt vời để tô điểm cho phố núi ấm áp hơn trong cái lạnh se se Tây Nguyên. Thơ như tháp cánh vút lên, để những hàng cây dầu hai bên con đường học trò vươn lên màu lá xanh hiền. Thành phố có em , là thành phố mà tình yêu đã làm một thứ trang sức cho đời lính thú biên trấn xa xôi. May mà còn có niềm vui, ...

Thơ về Pleiku thì nhiều , nhiều lắm. Kim Tuấn, Diên Nghị, Du Tử Lê, Võ Ý , Lê Bá Định, Lâm Hảo Dũng,... đã trải lòng mình lên thành những rung động thật với nơi chốn mà mình đã qua hoặc gắn bó. Pleiku, nhắc đến nó để nhớ lại một thời lửa đạn. Và , nếu có người sưu tập thành một tuyển tập có chủ đề về nơi chốn ấy, chắc sẽ có một quyển sách cả ngàn trang mới mong đầy đủ hết thơ văn của những người hoài vương vấn với mưa sinh nắng bụi cao nguyên...

Phụ đính II :

Một chút Sài Gòn trong thơ Nguyên Sa

Nguyên Sa là một nhà thơ của tình yêu . Điều đó hẳn nhiên. Hơn thế nữa ông là người mang những địa danh như Paris, Sài Gòn, thành thánh địa của thi ca . Với ông, những thành phố ấy đã mang tất cả tính chất lãng mạn thơ mộng của một thời yêu đương trẻ trung, của tuổi tác

không bao giờ già và tuổi thanh xuân mãi mãi.

Khi trả lời một câu phỏng vấn , Nhà thơ đã nói về thành phố ấy , thành phố của một thời yêu đương, thành phố của tràn đầy kỷ niệm:

“.. Thực sự đời sống lúc ấy thật đẹp. Thành phố Sài Gòn không có xe hơi nhiều, loại xe hơi như 2CV là đẹp là chiến rồi. Tôi đi dạy học bằng xe đạp, 6 tháng sau khi trở về nước tôi mua được chiếc xe gắn máy hiệu Capri. Một hôm trời mưa to tôi đi ngang qua bưu điện ở đường Hai Bà Trưng, tôi trú mưa leo lên cửa sổ đứng. Cửa sổ cao lắm không có chấn , hồi trẻ tôi còn khỏe nên nhảy vọt lên được và đứng ngắm cảnh vật thật thú vị. Hoặc khi trời mưa xe gắn máy bị chết máy, tôi đẩy xe thật nhanh để nổ máy rồi vọt đi, những kỷ niệm nhỏ ấy làm tôi vẫn nhớ Sài Gòn.

Cuộc đời lúc ấy thật đẹp đối với một người từ hải ngoại về. Tôi nhìn mọi sự việc rất lạc quan vì cuộc sống không có gì gay go. Buổi sau giờ học, lúc ra chơi, tôi ra sân đá bóng với học trò và bị cụ hiệu trưởng trường Chu Văn An Vũ Ngô Xán gọi lên cảnh cáo. Giờ chơi phải ngồi trong phòng giáo sư không được ra sân đá bóng “ lung tung beng “ như thế. Tôi ăn thịt bò khô ở ngoài sân trường , rất khoái nhưng cũng bị cảnh cáo. Tôi sống một cuộc sống tự do như thế, học trò rất thích nhưng bị phê bình là đi quá khoảng cách cần thiết giữa học trò và thầy giáo , như khoảng cách cần thiết giữa sĩ quan và hạ sĩ quan. Nhà trường cũng quan niệm y hệt như quân đội, phải có sự phân biệt đâu ra đó mới dễ chỉ huy . nhưng tôi thì không quen như thế và thích sống hòa mình vô tư như vậy...”.

Viết về Sài Gòn , Nguyên Sa đã có những câu thơ mà người đọc đã cảm qua ngôn ngữ những xúc động tuyệt vời của một người thật nhiều mơ mộng :

*“ Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng.
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa ..”*

Bài thơ ấy đã được Ngô Thụy Miên tháp cánh âm nhạc để thành một tình khúc để đời. Từ nhạc , từ lời , là tha thiết kỷ niệm , là mở rộng ra những phương trời lãng mạn của những người thèm khát bước phiêu du. Cũng là nắng , cũng là mưa của một thành phố miền nhiệt đới , nhưng sao trong những hạt mưa ấy, những sợi nắng kia , biết bao nhiêu là hồi tưởng về kỷ niệm chẳng thể nào quên của một đời người.

Thành phố ấy, không gian ấy, phong cảnh ấy, có phải là “ cần thiết “ cho những cặp tình nhân . Có những câu hỏi, trong băng khuôn. Có những giả sử, đặt để ra như một bồi hồi. Những người yêu nhau, thường có khi hỏi nhau những câu hơi lẫn lẩn, nhưng là cái lẫn lẩn đáng yêu:

*“ Không có anh lấy ai đưa em đi học về.
Lấy ai viết thư cho anh mang vào lớp học
Ai lau mắt cho em ngồi khóc
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa
Những lúc em cười trong đêm khuya*

*Lấy ai nhìn những đường răng em trắng
Đôi mắt sáng là hành tinh lỏng lánh
Lúc sương mù ai thở để sương tan
Ai cầm tay cho đỏ má hồng em
Ai thở nhẹ cho mây vào trong tóc..”*

Hỏi, để như một gợi ý. Hỏi, nhưng không chờ đợi sự trả lời. Hỏi, để thấy người tình cần thiết biết là bao nhiêu trong cuộc sống hôm nay. Làm sứ giả của tình yêu, Nguyễn Sa đã mang vào thi ca hàng ngàn câu hỏi. Như , trong một bài thơ khác “ Mùa xuân này buồn lắm em ơi!”:

*“ anh cần gì hoa thơm và chim cười trong lá biếc
cũng chẳng cần cỏ thêu xanh cánh đồng xa biển biếc
nhưng làm sao không có bóng hai người đề lên cỏ úa
để anh nghe em cười mà thấy cả mùa xuân
kèm sao chỉ có một mình anh
vừa đạp xe vừa ngâm thơ(mà đường vẫn dài)
ngửa mặt lên cao trời xanh biêng biếc
làm sao em không ngó xuống linh hồn?..
sao mùa xuân mà chẳng có mưa bay
chẳng có 1 người đi bên cạnh cầm tay
anh chẳng được hôn lên trán ái tình
và nói năng những lời vô nghĩa..”*

Có một bài thơ, chữ nghĩa như xôn xao những xúc cảm , Sài Gòn được nhắc đến với tất cả nét tuyệt vời thơ mộng. “Tám phố Sài Gòn “ . Tại sao tám phố ? mà không là con số nào khác , như 10 hay 36 chẳng hạn?Hay là bởi bài thơ có tám đoạn như thủ đô Sài Gòn có tám phố ?Bài thơ ấy mà theo nhiều người là một bài thơ xuất sắc nhất của thành phố , của những cô gái điệu dàng , của những giờ thư viện nhìn nhau , của tối đi học về khuya dưới bóng trăng , của “ mai gọi nhau bằng cưng” nồng nàn , trẻ trung “

*“ Sài Gòn đi rất chậm buổi chiều
cánh tay tà áo sát vòng eo
có nghe đôi mắt vòng quanh áo
năm ngón thơ buồn đứng ngó theo
Sài Gòn phóng solex rất nhanh
Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants
Có nghe hơi thở cài vương miện
Lên tóc đen mềm nhưng rất nhưng
Sài Gòn ngồi thư viện rất nghiêm
Tờ hoa trang sách cũng nằm im
Đầu thư và cuối cùng trang giấy
Những chữ y dài trông rất ngoan
Sài Gòn tối đi học một mình
Cột đèn theo gót bóng lung linh
Mặt trăng theo ánh đèn trắng sáng
Đôi mắt trông vời theo ánh trăng
Sài Gòn cười đôi môi rất tròn
Vòng cung màu đỏ nét thu cong
Cầu vồng bắt giữa mưa và nắng
Hay đã đưa dân sang nhớ mong
Sài Gòn gối đầu trên cánh tay*

*Những năm mười sáu mắt nhìn mây
Chiếc tay tròn ánh trăng mười bốn
Tiếng nhạc đang về dang cánh bay
Sài Gòn nắng hay Sài Gòn mưa
Thứ bảy Sài Gòn đi Bonard
Guốc cao gót nhỏ mây vào gót
Àu lùa trắng mềm bay xuống thơ
Sài Gòn mai gọi nhau bằng cung
Vành môi nghiêng cánh xuống phân vân
Lưng trời không có 1bà chim én
Thành phố đi về cũng đã xuân”*

Nhà văn Tạ Ty, trong tác phẩm phê bình văn học “ Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ” đã có những nhận định khá chính xác về thi ca của Nguyễn Sa như sau :

“.. Trong thơ Nguyễn Sa người đọc ít tìm thấy sự bi thảm quá đỗi. Nỗi đau của Nguyễn Sa đã biến thành cái đẹp, do đó, chẳng gì cái chết mà ngay cả cuộc chiến đã từ mấy chục năm với dung nhan của đổ vỡ , chia lìa, với từng ngón hoài nghi đang len lách , phá hoại , hủy diệt nếp suy tư, đạo hạnh ở mỗi con người, chẳng hề làm thi sĩ bận tâm. Nếu có một dòng thơ nào phải nhắc đến chiến tranh, Nguyễn Sa cố cho nó lướt nhanh và mờ đi ở giữa những hình ảnh và ý nghĩ dạt dào nóng bỏng môi hôn, Nguyễn Sa đã sống ngoài cuộc sống và đặt thi ca vào đúng vị trí của nó trong môi trường vĩnh cửu ...

Ngôn ngữ tình yêu trong thơ Nguyễn Sa chẳng riêng có những Kiều ,những Thu,những Loan , những Đạm , đã cho thi ca trời xanh và những nụ cười “ thơm mùi tội lỗi”, ngôn ngữ ấy cũng chẳng phải để làm vui cho một “ giải trí trường” mà đích thực “ để dâng người lấy nửa dòng nước ngọt” cũng như thi sĩ” đến đây không ai mời. Đi cũng đừng ai giữ. Nếu có tạc tượng bằng đá trắng đồng đen, cũng đừng bày ở sân trường Đại Học, đừng bày ở Công trường, xin nhớ để giùm ở một góc Công viên. Để những đêm khuya (rất khuya) thi sĩ có thể nhìn mặt trăng soi gương và ngắm những người yêu nhau tình tự..”

Hoàng Anh Tuấn và những bài thơ để lại...

Có một cậu bé học trò yêu một tình yêu khó ngộ. Mỗi buổi chiều tan học , đạp xe theo một tà áo trắng, lòng muốn nói bằng ngôn ngữ trái tim mà chẳng thể mở lời. Suốt một năm học , chỉ là người chỉ dám theo sau với cái ngại ngùng nhút nhát của tuổi vừa chớm biết mơ mộng. Rồi thời gian qua, cậu bé ấy thành người lớn , vào lính và trôi nổi theo dòng đời của một xứ sở chiến tranh. Cho đến một hôm , gặp lại người xưa đã là thần tượng một thời niên thiếu. Người ấy , gặp lại trong một quán rượu ở Long Bình, trong cái phong cách của một người đàn bà đã trải qua nhiều bầm dập của cuộc sống . Người đẹp ngày xưa, của Trưng Vương ngày nào , bây giờ, chỉ là tiếng cười man dại, chỉ là màu môi đỏ rực của những câu chày đổ dục tình.

Đó, là câu chuyện của bài thơ “ Gìn Giữ “ của Hoàng Anh Tuấn , nhưng , trong một trùng hợp nào đó , lại là chuyện tình của cá nhân tôi. Bài thơ ấy , không hiểu tại sao lại như in trong tâm thức tôi hàng mấy chục năm. Tôi đã nhớ , đã thuộc hầu như trọn cả bài , chỉ có mấy câu cuối là để sót.

Bài thơ ấy , tôi đọc lại cho nhà văn Thu Thủy, con gái nhà thơ Hoàng Anh Tuấn và cô đã hỏi lại ông , thì ông trả lời. Thơ có vẻ hơi giống giống , nhưng thú thực là đã quên rồi vì làm rất nhiều bài thơ nhưng như cơn gió , thoảng qua đi rồi thôi . Nếu ai có thích thì nhớ. Đó là chuyện

của độc giả.

Tôi khoái cái phong thái đó , và lại càng thích hơn bài thơ xưa. Cái tâm tư ấy , là của tôi. Cái ngôn ngữ ấy , phải là của tôi. Thế mà , Hoàng Anh Tuấn đã viết giùm , đã nói giùm , đã hoài niệm giùm. Có thể , bài thơ ấy với người khác , họ không thích , không cho là hay. Nhưng với tôi, phải vỗ đùi vỗ vế mà bắt chước Kim Thánh Thán ngày xưa mà kêu lên “ Chẳng khoái hơn sao?”. Bài thơ ấy với tôi , khi ấy, là tuyệt tác , bài “ Gìn Giữ”, tôi đọc một buổi tối trong phi trường Biên Hòa khi cường độ chiến tranh khốc liệt và những trái đạn pháo kích cứ chực chờ mỗi ngày , mỗi đêm...

“ Anh thăm nhủ đợi cuối tuần sẽ nói
cuối tuần này anh hẹn cuối tuần sau
nhưng gặp em anh ngần ngại lắc đầu
để khi khác hôm nay còn sớm quá
yêu mãi mãi can chi mà vội vã
em còn đây tóc lá nhánh ngang vai
em còn đây mười sáu tuổi thơ ngây
đường đi học hôm nào không gặp gỡ
nhưng nín lặng anh về nhà khổ sở
gọi tên em mà nhớ vẫn y nguyên
anh bảo rằng sẽ phải làm quen
dù khó nói hơn một lần xưng tội.
Đường đi học chung con đường mấy buổi
Bữa đi thi là lần cuối gặp nhau
Anh là người chỉ dám theo sau
Theo kín đáo để em đừng ngó lại
Tuổi học trò tình yêu khờ dại
đem thiên đường hoa lá kết trắng sao
mười năm rồi anh vẫn ước ao
được tiến ngang vai nhìn nghiêng mái tóc
và bảo rằng mãi mãi yêu em
khói thuốc dần tan trơ trên ánh đèn
em trước mặt mưa ngoài kia xối xả
em nằm nghiêng đẹp vô cùng lơ lả
tóc chán chường ôm xoa nửa cơn điên
em vội vàng cất tiếng cười lên
cho đau đớn ở lưng chừng kiêu hãnh
tay mơn trớn nhả một loài rấn lạnh
khấp mình anh nghe rợn mảnh chai đâm
anh xiết vai em nức nở âm thầm
gọi bóng tối để tìm ngây thơ cũ.
Trời còn mưa khi anh bỏ ra về
đi rất khế để em đừng tỉnh giấc..”

Bài thơ ấy tác giả đã quên nhưng tôi lại nhớ. Chuyện của tôi có thực mà sao nghe như tiểu thuyết. Cái đau đớn của một người tình si đã hết , nhưng vẫn còn niềm đau xót của một người ngậm ngùi trong cái thay đổi của một thời bão lửa chiến tranh. Tôi vẫn còn nghe cái cười cay đắng của Em, khi nói về thân phận nàng Kiều của mình:” Em chỉ có hai bà cháu. Bà em thì già , em biết làm gì hơn trong cái thời buổi này!”. Thành ra những câu thơ như “ em vội vàng cất tiếng cười lên . cho đau đớn ở lưng chừng kiêu hãnh..” như những mũi dao. Lách sâu vào tim , vào da vào thịt.

Có nhiều người thích những câu thơ viết về thuở mới lớn , của tình yêu đầu đời của ông. Với tôi , bài thơ ấy nhắc lại một thời , của những khi mà mơ mộng như cánh diều bay vút lên tận trời xanh. Buổi chiều , đạp xe đi theo tà áo trắng, khi gió từ con kinh thổi lên , khi dốc cầu cao vút , như những tầm mắt như muốn lạc vào chốn nào xa mờ. Để đến buổi tối , thức khuya , tập tành làm thơ, để thấy mình lắng nghe trong sâu thẳm những áp ủ một thời , những lãng mạn một đời. Cậu học trò nghèo mơ ước nhiều thứ , mà có khi chỉ là những mơ ước lãng đãng không cụ thể . Đôi khi là giấc mộng trở thành quan trọng ngày xưa trong thi ca Nguyễn Bính. . Ôai, những giấc mơ thời tuổi trẻ. Bây giờ ở tuổi sáu mươi sao vẫn nghe xôn xao một chút gì vương vấn lại....

Viết về thơ Hoàng Anh Tuấn , phải viết về tập thơ “ Yêu em . Hà Nội “ chứ sao lại viết về một bài thơ mà tác giả đã quên ?

Không , tôi viết về thơ ông đấy chứ . Bởi , trong cái phong cách nghệ sĩ, không coi một điều gì là quan trọng , thì nhớ hay quên một vài bài thơ, vài chục bài thơ hay vài trăm bài thơ cũng thế thôi. Với ông , thơ chỉ là một cuộc vui , tình cờ ghé vào , rồi tình cờ bỏ đi .. Thơ là cuộc sống, là tình yêu , là những nhân dáng những tượng hình có thực nhưng , như cuộc đời này, như mây trời , sẽ bay đi , mất biệt...

Tôi không phải đồng trang lứa với ông và trong đời chỉ gặp mặt nói chuyện một vài lần , mà sao nghe tin ông mất , lòng cũng không khỏi man mác. Nhưng, vẫn thấy dường như thi sĩ còn để lại điều gì. Giờ tập thơ, đọc lại vài bài thơ quen, những bài thơ của những không gian , thời gian thật trẻ dù có khi mà cả thi sĩ và độc giả đã già.

Thơ Hoàng Anh Tuấn trẻ , rất trẻ. Nếu không ngại ngoa ngôn, thơ ông không tuổi tác. Lúc nào , thơ cũng là những niềm riêng trải ra, từ cảnh đến người. Thơ, có hơi thở của cuộc sống , bởi , nó có sự sống thật rất rạo , thật tha thiết. Những ý tưởng , những cảm nhận , là thật của ông, và cái riêng ấy qua ngôn ngữ đã thành cái chung của nhiều người. Tuổi trẻ khi đã yêu , ai mà không nhút nhát , không mơ mộng. Ai mà chẳng có lúc “ mộng ngoai ø cửa lớp”.? Ai mà chẳng có lúc nhớ về Em của “Em xõa tóc bước lên ngôi thần tượng.

Đôi bàn chân còn lép lánh sương đêm
Môi ướp mật ong , tóc đẫm hương rừng
Tà áo mỏng dệt bằng tơ dị thảo ..”

Người thơ sao giống giống chính mình. Từ ý tưởng , từ ngữ ngôn là những dong tay dắt về nơi chốn tuy ngủ trong trí nhớ nhưng chưa yên trong hồi tưởng. Thơ đi về ngõ đường nào , có cơn mưa ấu thời , có rung động thanh xuân. Dù , Hoàng Anh Tuấn làm thơ cho Hà Nội , nhưng ai cấm độc giả tưởng tượng lại cho thành phố của mình. Như với tôi là Sài Gòn, là thánh địa của tuổi hoa niên, là cơn nắng chiều vàng hoe hiu hắt , là con lộ ven bờ kinh dẫn đến dốc cầu cao, là tà áo dài trắng phất phơ đầy mộng tưởng.

Đọc “ Bài Thơ Còn Lại”, để thấy như còn chút vấn vương , còn một nỗi niềm nào mơ hồ chưa ngỏ . Lời và ý thật tự nhiên , xuôi chảy theo dòng ngôn ngữ không một chút dụng công nhưng gây lại rung động.

Không phải thi sĩ chỉ muốn dặn dò với người yêu, mà , còn muốn dặn dò với cả chính mình , hay cả vơi vơi tâm tư của một tâm thức nào đã in sâu trong trí nhớ. Lời dặn tha thiết :

“ Có đi ngang xin em đừng đánh phấn

tóc buông rèm lửa tuổi thích ô mai
mắt vương tơ của những phút học bài
tay khéo khéo khi đánh chuyền với bạn ..”

Thốt nhiên , tôi lại nhớ đến câu thơ Nguyễn Bính , của cái xót xa khi thấy người yêu thay đổi “
hôm qua em đi tỉnh về. Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều,,” như lời dặn dò đừng mặc áo quần
theo một thành thị nhắc lại một thời xưa hơn . Còn Hoàng Anh Tuấn thì nài nỉ . Hãy hồn nhiên ,
hãy ngây thơ, như thuở nào mới lớn . Đừng trang điểm , bởi son phấn sẽ làm thô nhám đi lớp
da mượt mà, sẽ làm bớt đi cái hồn nhiên của những bình minh vừa rạng...

Tâm tư ấy , với tuổi học trò , ai mà quên được. Có lời ngỏ từ câu thơ phát phơ tà lụa. Hay là nỗi
niềm thôn thức buổi chia xa. Thơ được hình tượng riêng từ hoa lá cỏ cây đến trời mây sông
biển. Dòng thơ xuôi nguồn, những câu tám chữ phẳng phẳng rạch về biển lớn. Câu , chữ , là
lóng lánh sương trong của một ngày tinh mơ, là ánh hoàng hôn của một chiều quá vắng. Thơ,
mềm mại và nồn nẹ như tơ :

“Bước rất nhẹ như mùa Thu con gái
như bàn tay khê hái tiếng đàn tranh
như chưa lần nào em nói : yêu anh
như mãi mãi anh còn nguyên thương nhớ
bước nhẹ nhẹ như bóp mềm hơi thở
như ngập ngừng chưa nở xé chiêm bao
em có về ăn cưới những vì sao
để chân bước trên giòng sông loáng bạc
ở một chỗ tưởng chừng như đi lạc
yêu một người mà cảm thấy mệnh mỏng
em đi ngang nhịp bước có lạnh lùng
mà sao vẫn y nguyên bài thơ cũ?
Vẫn lặng lẽ để anh nghe vừa đủ
Vẫn thờ ơ cho rủ hết màn the
Vẫn mỉm cười rồi vẫn lấy tay che
Cho cặp mắt bỗng nhiên mười sáu tuổi
Tay vụng quá nên thơ không viết nổi
Mực trong bình như cầm thạch ngăn ngơ
Giấy trắng tinh đem bóc nhẹ từng tờ
Tàu bay giấy ngưng ngưng bay ra cửa!
Em nguyên vẹn là bài thơ bé nhỏ
anh còn nguyên là một kẻ yêu em
Em đi ngang xin ráng bước cho êm
Đừng đánh thức thời gian đang ngủ kỹ
Đừng đẹp quá để anh đừng rời chỉ
Lấy gì đây khâu vá lại tình xưa?
Có đi ngang xin chọn lúc bất ngờ
đừng nói trước để anh buồn vỡ vãn..”

Nhiều người thích thơ lục bát Hoàng Anh Tuấn vì ý thơ cô đọng và ngôn ngữ tinh chất. Nhưng ,
riêng với tôi , lại thích thơ tám chữ của ông hơn. Nghiệm lại, thường đa số bài của ông là tám
chữ . Và , với thể loại này, dường như không gian thơ rộng hơn và thời gian thơ cũng dài hơn.

Ở đó , trí tưởng tượng như vó chân tuấn mã xoải bước theo muôn dặm hành trình. Nhịp thơ
dồn dập nối nhau, như nhịp thở trái tim , để ý và lời kéo nhau vào vô biên vô tận. Để đến một

lúc, từ những làn sóng liên miên kéo tới , để người đọc thấy như bị hụt hơi trong cảm giác và thấy bị trôi dạt vào một cảnh tượng riêng khi ngũ quan bị rơi vào khoảng chơi vơi vô định của liên tưởng. Ông không kể chuyện nhưng từ một vài câu, một vài chữ như kể đến , hay nói về, chút tâm sự riêng mà người đọc thơ tự cảm thấy mình có một chút nào chia sẻ trong đó. Trong ý nghĩ chủ quan tôi, chính vì những hình ảnh , những từ ngữ bất chợt ấy mà ấn tượng thơ như hằn vết sâu thêm , rõ thêm trong bộ nhớ của óc não độc giả. Thơ vì thế lại có dáng vẻ lôi cuốn thêm...

Hoàng Anh Tuấn đã sống và có nhiều kỷ niệm với các thành phố như Paris, như Đà Lạt , như Sài Gòn, như San Jose. Thỉnh thoảng . trong thơ , ông mới nhắc tới .

Như “ San Jose , mười lăm tháng mười một”:

“ Đêm khởi sự trên toc 1nàng buồng xõa
khi trở về trời tối gọi mưa nghiêng
đường Senter nổi từng giọt ánh đèn
trên tay lái đôi bàn tay bồng nhỏ
chiếc xe cũ chở quên vào nỗi nhớ
nàng băng khuâng nghe vỡ đóa phù vân...”

Hay , với “ Trở lại Paris”:

“.. Phút gặp lại đếm từng giây thắt chặt
cho tới khi lắng lặng trải bình yên
từ dịu dàng ám áp rất thon êm
từng nốt nhạc ngắn dài trên đôi má
trong lắng xuống của hoàng hôn êm ả
EM, Paris , đại lộ Saint Michel
EM , Paris, vẫn tả ngạn sông Seine
Quán rượu nhỏ tách cà phê để nguội
Em, Paris, chuyển metro chưa tới
Nghe vàng khô lá rụng Jacques Prevert
Cầu Mirabeau của Appollinaire
Nước lò lững bóng thời gian nhòa nhạt
Tạ rừ em anh đi vào khuya khoắt
Tìm chiêm bao ở mỗi góc nhà ga
Uống chung chai với mấy gã clochards
Để hieu quạnh cũng đong đưa chính choáng...”

Hay với Đà Lạt :

“... Ôi Đà Lạt của lần ăn trái cấm
đến bây giờ còn nguyên vị chua thơm
sân ga buồn một mai sớm nhòa sương
lúc chia biệt thương lưng em thấm lạnh..”
Sài Gòn của “ Bài sinh nhật em”
“Thảo cầm viên chim đu đưa lá sớm
Từng vùng xanh cây mát rượi nâng niu
Ta qua đó nghe tay mình nghịch ngợm
Ngón học trò khế đụng áo người yêu
Tà áo mỏng đến ngàn năm ngơ ngẩn
Thương tay mình từng ngón đã cằn khô
Tiếng dương cầm như cú đầu nín lặng
Chuối u hoài lần từng hạt tuổi thơ

Thảo cầm viên trong giấc mơ cỏ dại
Vẫn đọng đưa tiếng guốc lục 1tan trường
Ta ở đó nghe chân mình ríu lại
Xin đường ngoan đưa giùm tới Trưng Vương..”

Nhưng , trong thơ ông , muôn đời miên viễn trong tâm tưởng vẫn là Hà Nội. Chẳng phải riêng trong vô thức, là hình bóng người tình muôn thuở . Mà cũng chẳng phải là tình cảm đầu đời với một nơi chốn từ đó đã sinh ra và lớn lên. Thơ ông với Hà Nội, là nỗi bí nhiệm của tổng hợp những nỗi niềm của người từ nơi chia xa nhớ về. Nó không đơn thuần là tình yêu đầu đời và cũng không đơn thuần là hoài niệm về tuổi thơ. Mà , là tất cả , từ ấn tượng không phai nhạt. Từ tâm tư của trái tim cảm lụy . Của những “ ngôn ngữ trời cho” của một bất thần vụt đến của thơ. Những bài thơ Hà Nội , có nỗi thiết tha , có ngữ ngôn bình dị và tự nhiên không một chút làm dáng nào. Thơ như thể một cánh buồm phăng phăng vẫy vùng trong cái cao rộng của đất trời , của những phương trời tuy mịt mù khói sóng nhưng gần cận thân quen. Thơ phá vỡ đi cái biên giới hữu hạn của không gian , thời gian. Hà Nội dệt bằng những bài thơ, mềm như nắng và nhẹ như mây trời. Trong thơ Hoàng Anh Tuấn.

Hà nội , kỷ niệm:

“...xin trở lại thuở ngày xưa tình nghịch
cầm tay nhau ngày đó để xa nhau
để ước ao khi thương nhớ ghen ngào
được cầm lại bàn tay rm công chúa
khung cửa sổ mở ra trời yêu cũ
chẳng khuất vào sợ khuất dáng em xưa
một nỗi buồn thoáng Hà Nội mùa thu
vẽ từng nét tình yêu em hương cốm.”

Hà nội , tình ca :

“ Hà Nội yêu, anh vẫn yêu muốn khóc
mấy chục năm , xa đến mấy nghìn năm
giã từ em, mười bảy tuổi một lần
thu rất mỏng , mưa hững hờ đắm lá
Hà Nội yêu, áo lụa ngà óng ả
Thoáng khăn san nũng nịu với heo may
Hai ngón tay nhón một trái ô mai
Chiếc răng khểnh xinh nụ cười cam thảo
Hà Nội yêu, mối tình đầu khờ khạo
Rm nhận thư anh ngây ngất tủi mừng
Khi về nhà , cười nụ với cầu thang
Một tuần lễ vui như ngày thi đỗ.”

Một bài thơ, được thắp cánh bằng nhạc, khi được đọc hoặc hát lên, tạo thành một xúc cảm mãnh liệt. Bài thơ “ Mưa Sài Gòn , mưa Hà Nội” được phổ nhạc bởi nhạc sĩ Phạm Đình Chương , mà có người đã cho là tình khúc hoài niệm hay nhất trong những bản nhạc buồn. Những câu thơ cứ ngân vang , rưng rưng trong lòng người xa xứ. Những cơn mưa, mưa ngoài trời và mưa trong hồn:

“ Mưa hoàng hôn
trên thành phố buồn gió heo may vào hồn

thoảng hương tóc em ngày qua
ôi người em Hồ Gươm về
nương chiều tà
liều sầu úa thềm cũ nằm mơ hiền hòa
thương màu áo ngà
thương mắt kiều sa
hiền ngoan thiết tha...”.

Từ một bài thơ bị bỏ quên , tôi đã viết dài dòng về nhà thơ Hoàng Anh Tuấn. Thực ra , không chỉ là một khuôn dáng nhà thơ mà ông còn là nhà báo, là nhà đạo diễn, là quản đốc đài phát thanh.. và còn là một lãng tử thứ thiệt nữa. Có biết bao nhiêu chuyện kể về cái tính phóng khoáng coi mọi sự trên đời như một trò chơi. Có biết bao nhiêu giai thoại của một người cứ muốn làm một người bình dị mà không được. Nào làm phim mà bất kể lỗ lòi , hoàn tất xong rồi là hết , không lý tới chuyện tiền bạc . nào làm công chức , quản đốc đài phát thanh Đà Lạt vì cho đọc truyện chường Kim Dung mà bị mất chức mà vẫn tỉnh bơ. Nào, là người làm thơ rất nhiều và rất hay nhưng tuyệt nhiên không nghĩ đến chuyện in thơ. Tập thơ độc nhất là do cô con gái Thu Thuyền in cho bố để trả hiếu mặc dù ông không muốn

Đọc vài câu thơ , để mừng tượng một vóc dángriêng , một người luôn coi đời là một cuộc chơi không dứt:

“ Này tôi đang lạc vào rì
sau lưng trăm ngón ưu phiền níu chân
này tôi du đãng tâm hồn
ngụy trang ngàn mảnh thơ buồn tả tơi
này tôi này vũng bùn tôi
nắng ngang mưa chéo rã rời âm nâu
cuốn theo rác rưởi nhu cầu
này tôi chơi với trong màu rất xanh
chợt nghe hà ốc hiền lành
vớ rong rêu lại hóa sinh một lần
này tôi trút bỏ áo quần
thần hài nhi với tâm hồn trẻ thơ
này tôi thành hạt phù sa
để yêu em với mặn mà giọt châu.”

Đọc thơ, để thấy người , để tìm lại cái vóc dáng của một người lãng mạn ‘ ôm đàn đến giữa đời
“ tài hoa...”

Nguyễn Tất Nhiên, thơ như lời thiên định

Với tôi, từ trước năm 1975, khi còn ở Việt Nam, Nguyễn Tất Nhiên vừa quen và vừa lạ. Lạ, bởi tôi chưa từng gặp và không có một liên hệ nào. Còn quen, là bởi những bài thơ được phổ nhạc của ông tôi đã nghe rất nhiều và, ở một vài trường hợp là những kỷ niệm riêng tư của mình nữa.

Khi là lính và đồn trú ở Pleiku, tôi đã quen một cô bé trong một chuyến bay trực thăng từ Đà Lạt về. Hôm ấy, thời tiết thật xấu và cô bé ngồi bên cạnh tôi ói tung tóe lên cả quần áo của tôi. Khi xuống đến phi trường trời mưa dữ dội, tôi lấy xe chở cô ra phố và bắt đầu quen nhau. Mấy tháng hè, cô về thăm nhà và hình như ngày nào tôi cũng đều kiểm díp để đến thăm cô. Mỗi lần

tôi đến, không hiểu sao cô lại cho máy chạy bài hát "Thà Như Giọt Mưa", mà Phạm Duy phổ nhạc bài thơ "Khúc Buồn Tình" của Nguyễn Tất Nhiên. Lời thơ, tiếng nhạc như có một điều gì gửi gắm, lạ lạ, băng khuâng. Bài thơ thủ thỉ, thì thầm:

*"Người từ trăm năm
về ngang sông rộng
ta ngoắc mồn tay
trùng trùng gió lộng
(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)...
Người từ trăm năm
Về khơi tình động
Ta chạy vòng vòng
Ta chạy mồn chân
Nào có hay đời cạn
... người từ trăm năm
về như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đổ..."*

Tôi nhớ lúc ấy có những cơn mưa kéo dài suốt từ ngày này sang ngày khác. Đường phố tối tăm trơn trượt, lúc nào bầu trời cũng mù mù và cái lạnh, ướt át như bao phủ xung quanh. Có lần vừa nghe bản nhạc, tôi vừa đùa nghịch giấu đi cái kính cận của cô bé. Bình thường, mắt cô bé long lanh qua màn kính, nhưng lúc này, đôi mi sụp xuống và tôi muốn hôn vào khuôn mặt ấy mà rụt rè không dám. Có một chút gì ngây thơ nhưng cũng có một chút gì mời gọi thầm kín trong đôi mi khép hờ và đôi môi hé hé. Có lúc, cô giơ hai tay ra đùa nghịch với những hạt nước mưa và lúc ấy tôi thấy những sợi lông măng, y hệt như thơ Nguyễn Tất Nhiên đã tả:

*"thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vời vợi
trên ngọn lông măng..."*

Mấy chục năm rồi, tôi vẫn còn như thấy lại cái cảm giác ngày đó. Cái lạnh của cao nguyên hình như làm cho trái tim người cần sưởi ấm hơn và bây giờ, cái rụt rè xưa, cái băng khuâng cũ đã làm thành một kỷ niệm trong tôi. Mưa, những hạt mưa làm mềm nhưng đi quá khứ. Hình như trời đất, gió mưa ở Pleiku cũng biết yêu đương, biết lãng mạn cùng người. Có những lúc, như nghe thấy mưa dạt dào trên mái nhà, sủi bóng trên mặt đường nhựa và làm ướt đầm mái tóc. Thời gian như làm dài mãi không gian của những trái tim đang dòn dã nhịp đập. Về sau này, khi nghĩ đến hay đọc thơ Nguyễn Tất Nhiên tôi lại tìm thấy xúc cảm cũ, nhẹ nhẹ, buồn buồn...

Một lần khác, cũng lại thơ Nguyễn Tất Nhiên có mặt trong câu chuyện của tôi. Trong một cuộc hành trình hơn mười mấy tiếng đồng hồ trên chuyến bay mà Cao Ủy Tị Nạn thuê bao để đi định cư, tôi đã làm quen một cô bạn ngồi ghế bên cạnh. Cô học Trưng Vương có lẽ cùng thời gian

với tôi và là một cô... Bắc Kỳ chính cống. Chúng tôi nói chuyện trên trời dưới biển khá tương đắc có lẽ vì chung một tâm trạng để cho chuyện bay ngẩn đi. Cô nói chuyện rất sắc sảo, có nhiều suy nghĩ rất mạnh, có vẻ nhiều nam tính nên có lúc, tự nhiên tôi đọc:

*"... em nhớ giữ tính tình con gái Bắc
nhớ điều ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền
nhớ khiêm nhường nhưng thâm ý khoe khoang
nhớ duyên dáng, ngây thơ.. mà xảo quyệt
ta sẽ nhớ dặn dò lòng nên tha thiết
nên vội vàng tin tưởng chuyện vu vơ
nên yêu thương bằng gương mặt khờ khờ
nên hùng hổ.. để đợi giờ thua thiệt.."*

Và cô bạn ấy đã chấm dứt gọn bài thơ bằng "Bài thơ tán gái lãng xẹt... và vô duyên". Bây giờ cô bạn ấy đang sống ở Quận Cam không biết còn nhớ đến câu chuyện cũ. Dù sao, cũng chỉ là kỷ niệm!

Còn Nguyễn Tất Nhiên, sau này khi đã quen tôi kể câu chuyện ấy, thì anh đổ quạu "Thơ tôi làm đâu phải để ông... tán gái!"

Qua định cư ở Mỹ, tôi bắt đầu làm thơ đăng báo và quen Nguyễn Tất Nhiên. Tôi cũng có lần ghé đến nhà anh ở Buena Park. Vợ anh lúc ấy là chị Minh Thủy, một người đẹp nổi tiếng của Biên Hòa thời trước và tính tình chị rất khả ái dễ thương. Cuộc sống hai người có nhiều trục trặc và đã ly thân thời gian sau....

Lúc đó mỗi đầu tháng ở nhà anh chị Nhật Tiến - Phương Khanh có cuộc họp mặt các anh em cầm bút ở miền Nam Cali và tôi thường xuyên gặp Nhiên ở đó. Anh đang dự trù viết một tập trường thi nhan đề là "Cũng cần cho hạnh phúc" và đã đăng trên các tạp chí những đoạn rời của trường thi này. Trong các buổi họp mặt, anh thường nghe nhiều hơn là phát biểu. Trong những năm tháng đó, mọi người cầm bút đều chia sẻ chung với nhau nỗi niềm của những người lưu vong, và giữa những người cầm bút cũ và những người mới có sự thông cảm sâu xa. Tôi mà cầm bút cho đến bây giờ có lẽ cũng nhờ tinh thần đã có từ lúc ấy. Nhiên cũng viết thường hơn và cũng có nhiều ưu tư về thời thế khác hẳn với sở trường của mình là thơ tình.

Một điều khá lạ với tôi là Nhiên còn phổ nhạc nhiều bài thơ như bài "Nga" của nhà thơ Nguyên Sa, hay ý thơ Đào Văn Dũng "Như màu nắng sân trường". Và anh còn làm những bản nhạc như "Sông Chiều Áo Trắng", "Paris Thu Khúc", "Trên Nát Tan Tôi", "Chiều Trên Đường Hồng Thập Tự", "Sài Gòn Trên Đường Nguyễn Du"... Những bản nhạc này cũng được nhiều ca sĩ có tên tuổi trình diễn và cũng đã được thu bằng cassette hay CDs. Những bài nhạc của ông nói lên tâm trạng của người xa xứ, bàng hoàng với cuộc biển dâu và có ý thức của một người chọn lựa tự do, phê phán chế độ độc tài toàn trị.

Trước năm 1975, thơ của Nguyễn tất Nhiên được phổ biến rộng rãi nhờ Phạm Duy phổ nhạc. Nhạc sĩ họ Phạm đã nói về trường hợp phổ nhạc của mình:

"Năm 1972. Đây là lúc những khổ đau của Tết Mậu Thân chưa kịp phai mờ trong đời sống của mọi người thì xảy ra những nhức nhối của Mùa Hè Đỏ Lửa. Tôi hét chạy trốn vào đạo ca thì lại nhào ra với chiến ca, hết hạ mình xuống với vỉa hè ca, tục ca thì lại vươn lên với nữ ca, bé, bình ca.. Tôi thèm thuồng được soạn tình ca, nhưng phải là tình ca không rầu rĩ cơ...

Thế rồi, tôi gặp Nguyễn Tất Nhiên. Trong bầu không khí thơ ở miền Nam hơi nặng nề vào lúc đó, đầy rẫy những bài thơ chủ đề về chiến tranh, hòa bình.. thì thơ của chàng thư sinh mới 17

tuổi này là thơ phi chính trị... Thơ rất hồn nhiên, rất ngộ nghĩnh, theo tôi, nếu đem phổ nhạc thì sẽ cũng sẽ rất hợp với giọng hát trẻ trung (Duy Quang) trong ban nhạc gia đình là ban The Dreamers mà tôi đang cần "lãng xê".

Sau khi tôi phổ bài Thà Là Giọt Mưa Rớt Trên Tượng Đá, Nguyễn Tất Nhiên cung cấp cho tôi thêm nhiều bài thơ để tôi biến thành những ca khúc trẻ trung của thời đại như Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ, Em Hiền Như Ma Soeur, Anh Vái Trời hay là Anh Nam Kỳ Dễ Thương, Hãy Yêu Chàng, Hai Năm Tình Lận Đận.. Những tên bài hát phần nhiều do tôi đặt ra, Chẳng hạn Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ được rút ra từ bài thơ mang tên Đám Đông.

Đi qua đời tôi có khá nhiều thi nhân thuộc nhiều thế hệ, đa số đều như tôi, đều khá hồn nhiên, nghĩa là có tí máu điên. Nhưng trong làng thơ Việt Nam, có ba nhà thơ hồn nhiên nhất, đó là Nguyễn Ngũ Ý, Bùi Giáng, và Nguyễn Tất Nhiên... cả ba vị đều đã từng là thương khách của Dưỡng trí Viện Biên Hòa, nơi tôi đã có lần đến thăm một trong ba vị đó.."

Có lần, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã nói chuyện với tôi về ngôn ngữ thơ của Nguyễn Tất Nhiên có rất nhiều nhạc tính và dễ dàng tạo ra những âm vang khi chuyển thể sang âm nhạc. Ông nói chữ nghĩa của Nhiên "mềm" nên dễ tạo những bản nhạc có tuổi thọ lâu dài. Chữ "mềm" của riêng nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng như là một từ ngữ để nói lên đặc tính của thơ Nhiên.

Nhà văn Vĩnh Hảo cũng nhận xét thật xác đáng về tác giả "Cô Bắc kỳ nho nhỏ". Trong cảm nhận, có lẽ chia. Trong nhận xét, có niềm thương cảm:

"Anh nổi tiếng rất sớm. Vì thơ anh đi sớm hơn bước chân còn ngại ngùng bỡ ngỡ của thế hệ trẻ thời ấy trước sự tràn ngập của văn hóa phương Tây, qua hình ảnh người lính viễn chinh Mỹ, và qua phong trào hiện sinh mô phỏng trẻ tràng trên đất nước đói nghèo chiến tranh. Anh mạnh dạn nói được tiếng nói của tình yêu tuổi trẻ với sân trường, kỳ thi, chiến tranh, mất mát, hoài vọng, tuyệt vọng... Chẳng phải sớm gì trong thế loại thơ mà sớm trong phong cách biểu hiện. Anh dùng thứ ngôn ngữ của thời đại, rất hiện thực, không đeo gót. Vậy mà thứ ngôn ngữ ấy bỗng nhiên mới, lạ và được đón nhận nồng nhiệt. Bất được giọng thơ tươi rói và đầy sức thu hút của anh, một nhạc sĩ tài danh phổ ngay thơ của anh thành nhạc làm rung động bao trái tim cuồng nhiệt yêu đương thời chiến loạn. Vậy rồi thơ anh cất lên thành cơn sóng lớn, vượt bờ. Không ai mà chẳng biết thơ anh, không ai mà không hát nhạc phổ thơ của anh.

Hãy đọc một số bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc mà ai cũng biết và nên nhớ rằng lúc ấy Nguyễn Tất Nhiên chỉ mới sắp xỉ ở tuổi hai mươi, để thấy cái tài hoa dị thường của anh."

Ngày 3 tháng 8 năm 1992, Nguyễn tất Nhiên đã rời khỏi thế gian trong chiếc xe cũ kỹ nằm trong khuôn viên chùa Việt Nam. Cái chết đau xót làm nhiều người cảm xúc. Từ đó đến nay, hơn mười mấy năm đã có rất nhiều bài văn, bài thơ nhắc đến anh và tưởng niệm anh. Có nhiều người lúc anh còn sống thường giúp đỡ anh thì thường chê bai, cho là một sự kiện của những người dựa vào tiếng tăm của anh để nhắc đến mình. Và, họ cho là chính họ mới là những người xứng đáng nhất để nói về và nhắc về người thi sĩ tài hoa ấy. Lúc sống mà không giúp đỡ nhau, thì lúc chết ca tụng nhau làm gì? Tôi cũng hơi lạ về cái sự muốn độc quyền ấy...

Riêng tôi, làm bài thơ tưởng niệm không ngoài chủ đích nói lên tình người, của một người làm thơ nghĩ về một người làm thơ vừa đi khuất. Bài thơ này tôi viết khi đang ở trên freeway 405 ngược lên phía bắc vào một buổi trưa đi làm. Đó là ngày 5 tháng 8 năm 1992. Có sự thảng thốt, về cuộc sống và con người

*"Ngày hôm qua thi sĩ đã chết
Nắng mùa hạ lửa đốt trong đầu
Mồ hôi đọng long lanh lệ khóc*

Mặt thủy mờ kính cuộn nỗi đau
Một mình cơn mộng du không dứt
Xa lộ đông bỗng chẳng còn ai
Mặt nhựa xám đen thăm ý mực
Vỡ tan tàn nghiêng bút loay hoay
Ngày hôm qua thơ tình đã hết
"thà giọt mưa trên đá" vỡ tan
cành "trúc đào" nở hoa oan nghiệt
rất yêu em dù nỗi muộn màng
đào mấy tầng tinh tuyền chất quặng
ngôn ngữ ròn cùng tận trái tim
gánh nhân gian đôi vai còn nặng
"Cũng cần cho hạnh phúc" cách riêng
Ngày hôm qua chuyển xe khuất biệt
Hạt bụi nào hành trang đi xa
Này "cô gái Bắc kỳ" mắt biếc
Nước mắt đàn ghẹo nhỏ vỡ òa?
Hát lên đi bản nhạc xưa cũ
Như chiếc lá phôi nền cỏ nâu
Dáng mắt buồn đêm trắng ẩn dụ
Lửa vô minh khói ngút bờ lau
Ngày hôm qua trái đất đứng sững
Chân lao đao thế giới lạ lùng
Tiếng gió bật cuồng điên ngựa chùng
Vài câu thơ đọc giữa muôn trùng.
Sống là chịu vai trò thất ý
Mộng ngàn năm, mơ cũng vụn năm
Đáy tâm cảm loài hoa kỳ dị
Mọc rễ trong da thịt ăn năn
Ngày hôm qua thi sĩ đã chết
Gót chân trần dẫm cõi hư không
Bài thơ tình chẳng có đoạn kết
Ngôn ngữ rơi theo sóng bênh bồng
Ai đã hỏi thơ bao nhiêu tuổi?
Ba trăm năm, ý nhớ tình quên
Thơ, thiên thu vẫn là tiếng gọi
Đi đâu ai lạc chốn vô biên!"

Thơ Nguyễn tất Nhiên có những câu thơ như là lời thiên định. Khi còn trẻ, ông đã viết:

"Nếu vì em mà thiên tài chán sống
Thì cũng vì em ta ngại bước xa đời".

Và cũng có câu thơ nào, như một tiếng than, của một người có trái tim giàu cảm lụy "Hồn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá". Cái bi thiết của một người nuôi nhiều mơ mộng nhưng thực tế lại mệnh mông những bóng tối thăm sâu. Cuộc sống như là trải dài từ những nợ nần từ bao giờ đến bây giờ phải trả để thi sĩ phải tự than thân "Ta mấy kiếp vẫn là ta mắc nợ". Nợ tình, nợ đời, thành những câu thơ bi thiết, thành những tâm tình đầy dấn vật thăm thê. Thơ, là nỗi niềm tràn ra từ những lời ân hận, những câu xé của thâm tâm.

Lạ lùng, thơ như trải ra trước những phận số, nói trước những bi đát trong đời Nguyễn Tất Nhiên. Làm thơ ngày sinh nhật của người yêu sắp thành người vợ, sao lại có những câu thơ như lời xám hối:

*"Khổ đau oằn nặng sinh thời
yêu ai tôi chỉ có lời thở than
có môi hôn trộm vôi vàng
khiến em hoảng hốt trong cơn tình đầu
nụ cười giữ được bao lâu
nhân sinh là một dòng sầu miên man
sông dài rồi cũng chia phân
tình bao nhiêu lớn cũng tàn phai thôi
tôi đam mê siết thân người
hay đâu đá tảng đeo đời trăm năm
em gầy guộc, em mong manh
em chưa đủ sức long đong cùng chàng
em ngây thơ đến rõ ràng
em chưa đủ lượng khoan hồng thứ dung
em tội nghiệp, em tủi thân
em chưa tự chủ kịp ngăn lệ ràn..
lời người té sấp. Gian nan
lỗi tôi, ừ đó, muôn phần lỗi tôi!"*

Khi thành vợ thành chồng rồi hai người ly thân, Nguyễn Tất Nhiên mang đời sống tình cảm riêng của mình thành những bài thơ, buồn bã của một phận số không may và người đọc thấy rõ được tâm cảm đa lụy của một người nghệ sĩ. Đọc "Minh Khúc", những bài thơ của chia ly, của nhớ thương và của những nỗi niềm ăn năn thống hối.

Đọc "Minh Khúc, 90." Bài thơ của những náo lòng, của nỗi niềm bời bời trong tim trong óc. Tôi đọc và vì nghĩ tim mình không phải là gỗ đá nên cũng thấy một phút se lòng.

*"Đường không gian - đã phân ly
đường thời gian - đã một đi không về
những con đường mịt sương che
tôi vô định lái chuyến xe mù đời
cu tí ngủ gục đâu rồi?
Băng sau, ngoái lại, bời bời nhớ con!
Đường trăm năm - nát tan lòng
Đường ngàn năm - hận, xin đừng trả nhau!
Những con đường cuối năm nào
Cho tôi tìm lại cảnh đào ba sinh
Khi em lẽ mề với tình
Thấp nhang tạ tội sinh thành con đi
Đường chung đôi- đã chia đời
Đường chia đôi- vẫn hơi người quấn quanh
Chim đêm hót tiếng đau tình
Đau tim tôi chở lòng thành kiếm em."*

Chiếc xe ấy, có phải là nơi chốn mà chàng thi sĩ thở hơi thở cuối cùng đi vào nơi miện viễn. Nơi ấy, trong một phút thăng thốt, nhìn lại băng sau để thấy "bời bời nhớ con". Cũng chiếc xe ấy, đã có lúc chung đường chung đôi mà bây giờ thì chia đời... vụn dậm.

Lúc trước, Nguyễn Tất Nhiên làm bài thơ "Tĩnh Khúc". Những câu thơ của chịu đựng, của thỉnh lặng tâm tư. Những tiếng kêu than luôn kìm giữ trong lòng:

"Buồn ơi..
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thỉnh của ghé bàn
ghé bàn không sẽ chia sâu thăm nhưng biết làm thỉnh lặng cảm thông
bàn ghé đâu như người vui nhằm
tọc mạch đời nhau để miệng mồm
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghé
chịu đựng đời không chút thở than.."

và trong tận cùng của tuyệt vọng, vẫn là ý tưởng vì người:

"buồn ơi..
tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sứt trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?
Buồn ơi..
Trong đám đông tàn nhẫn
Một người chứng kiến đủ cho tôi
Nhờ ai tôi đã thành tâm nhẫn
Nhờ ai, tôi phục dưới chân đời
Buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
Cay đời như kẻ thích ăn cay
Buồn ai..
Tôi có tôi bàn ghé
Nguyện hiến cho đời một tấm lưng"

Ở Minh khúc, những bài thơ cuối đời, Nguyễn Tất Nhiên vẫn là cậu bé học trò tuổi nhỏ, yêu say đắm và sống chết với tình. Dù đã qua nhiều con lốc cuốn đi trong tình cảm và đời sống, vẫn là cậu bé ngây thơ với tuổi trẻ muôn năm. Anh hạnh phúc trong bất hạnh, câu nói có vẻ nghịch lý nhưng ở thi ca, cái tâm trạng ấy đã làm thơ anh gần với tuổi trẻ. Tôi mở ra rất nhiều trang web của những tuổi học trò, của lứa tuổi còn ngồi ghé nhà trường ở cả trong nước và hải ngoại thì thấy thơ Nhiên được đọc rất nhiều và số "fan" thần tượng thật là đông đảo. Những bài nhạc phổ thơ anh trong nhiều trường hợp là dấu tích của những kẻ yêu nhau, của thời đầy ắp mộng mơ, tràn đầy tâm sự.

Với thơ tình Nguyễn Tất Nhiên là ngôn ngữ thi ca tinh khôi, của những màu trắng tuy bị vọc vầy nhưng vẫn còn nguyên nếp lụa. Trong cuộc đời này, khi thời gian qua đi, khi xác thân rồi cũng vào tro bụi thì những câu thơ lại vẫn còn hiện hữu. Nguyễn Tất Nhiên là một biểu hiện.

Mười bài "Minh Khúc", mười bài thơ xé ruột xé gan, như một phần hương hỏa của người thi sĩ mà đời sống nhiều bất như ý mà thi ca như những lời tâm sự đến tự thâm tâm:

"Đong tình đong nghĩa cho nhau
Trái tim nhân loại dù sao cũng còn
Đâu đây, đâu đó bên đường
Có thêm một tấm lòng thương tấm lòng
Nợ đời trả kiếp chưa xong
Ai đem đổ biển đổ sông nợ tình"

*Cho nhau nhiều ít chân thành
Cũng như hương hỏa ba sinh vẫn còn
Sẽ chia khúc ruột đoạn trường
Kẻo vua Lê trách chàng Trương phũ phàng
Nợ đời trả chút văn chương
Nợ tình, ừ, trả con đường em đi
Sống không trách móc không về
Qua sao trách bậu lỗi nghè trúc mai
Chỉ xin sợi vắn sợi dài
tóc mai nhả gió thương hoài ngàn năm
bữa qua qua bỗng đau lòng
nhớ hôm bậu hát bài đừng xa nhau.."*

Đáng lẽ tôi còn trích dẫn nhiều bài thơ khác. Những bài khi anh viết lúc còn tuổi trẻ. Những bài của "Thiên Tai". Những bài thơ anh viết lúc tuổi đã lớn nhưng tâm còn trẻ của "Tâm Dung" hay "Chuông Mơ". Hay những bài thơ cho người con gái Bắc, cho cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ, cho những mối tình học trò, cho những ý nghĩ của một người tràn đầy lãng mạn bởi, ở Nguyễn Tất Nhiên, muôn thuở vẫn là một người xa lạ với cuộc sống dưới đất và gần gũi với trăng sao trên trời. Và, cũng phải có một lúc, để trở về với nơi chốn thân quen, mà bất hạnh cũng nở hoa kết trái giống như hạnh phúc. Cái kinh nghiệm khổ đau của kiếp người có phải là một ẩn chứng để tâm hồn vượt lên trên bão dông, để ngôn ngữ yêu nhau vẫn còn dù đã nhiều nghịch cảnh. Và, theo tôi, Nguyễn Tất Nhiên là một thi sĩ thực sự mang đời sống mình làm ví dụ cho một trường hợp của khoan dung và từ ái?

Nguyễn Đình Toàn: tình yêu & tuổi trẻ trong thơ văn

Nói đến Nguyễn Đình Toàn, là phải đề cập đến ba chân dung nghệ sĩ: văn sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ. Ba chân dung này có nhiều khi ở ba lãnh vực khác nhau nhưng lại có những quan hệ mật thiết với nhau. Một điều rõ ràng là bất cứ trong lãnh vực nghệ thuật nào, cũng đều thấy một con đường khác lạ với mọi người.

Thơ, văn, hay nhạc, cũng đều là một cách thế để suy tư, để sống bằng cảm quan của mình. Đời sống như dẹt ra bằng những nỗi buồn và ở nơi ông, với một sức khỏe mong manh lại làm cho cuộc nhân sinh như bị u ám thêm. Suốt từ lúc còn trẻ tuổi, đi vào văn chương với cái bút hiệu Tô Hà Vân của thời Hà Nội xa xưa đến lúc vào Sài Gòn, viết tác phẩm đầu tay là Chị Em Hải đăng từng kỳ trên nhật báo Tự Do, rồi đến các tác phẩm sau này, cũng đều là những tác phẩm về tình yêu & tuổi trẻ, tuy hình thức có khác đi, vẫn là biểu hiện của một cách thế sống, một suy nghiệm sống.

Nguyễn Đình Toàn được kể như một người viết chịu ảnh hưởng nhất của phong trào Tân Tiểu Thuyết, một phong trào viết tiểu thuyết mà còn được gọi là anti-roman, với chủ trương mới lạ đi ngược lại cách viết tiểu thuyết cổ điển như đã hiện hữu trong văn chương từ trước. Chủ trương của những nhà văn như Alan Robble Grillet, Claude Simon, Nathalie Sarraute,.. là nhà văn phải xóa bỏ chủ quan khi cầm bút. Cách viết phải rất khách quan, như ống kính của người chụp ảnh, ghi chép lại nguyên vẹn sự việc và không có xúc cảm hoặc nhận định chủ quan chen vào. Tân tiểu thuyết (nouveau roman) còn có tên mệnh danh khác là trường phái của cái nhìn, nghĩa là y hệt một cặp mắt, nhìn, quan sát trung thực sự vật không bị biến tướng biến dạng bởi sự cảm nhận cá nhân.

Nhưng khi được hỏi về phong trào tân tiểu thuyết ở Việt Nam trong thời kỳ thập niên 60 thì Nguyễn Đình Toàn trả lời rằng ông nghĩ sao thì viết vậy mà thôi. Câu hỏi tiếp là liệu có chính xác không khi nói ông và một số bạn đồng hành chịu ảnh hưởng của tân tiểu thuyết như Huỳnh

Phan Anh, Hoàng Ngọc Biên, Đặng Phùng Quân,...? Thì Nguyễn Đình Toàn trả lời là đó là những nhóm bạn viết trẻ hơn ông thường gặp nhau ở quán cà phê La Pagode chứ không phải là cố tình tạo ra một phong trào văn học mới lạ ở Miền Nam lúc ấy.

Có một điều khi ông là một trong ba người lựa chọn bài vở cho tạp chí Văn thời mà Trần Phong Giao làm chủ biên, thì bài vở được lựa chọn nhất là ở bộ môn văn đã có nhiều khám phá và các người cầm bút trẻ đã có bước khởi đầu tốt đẹp. Cũng như các trào lưu văn học cũng như các tác giả nổi tiếng trên thế giới được viết thành những chủ đề như những cánh cửa mở ra nền văn chương quốc tế.

Tiểu thuyết của Nguyễn Đình Toàn có cách tạo dựng nhân vật khá độc đáo. Những nhân vật ấy sống ở hờ trong một không gian, thời gian mỏng mảnh, của bìa bạc những suy tư và nội tâm là những rối rắm phức tạp. Ông mang tuổi trẻ đi vào tình yêu và mỗi một nhân vật là mang theo một định mệnh mà ở đó con người bị lôi cuốn đi trong những mê thức chấp chùng mà cuộc sống đã sẵn dành.

Đọc trong các tiểu thuyết của ông như Con Đường, như Ngày Tháng, như Không Một Ai, như Đồng Cổ, .. hoặc một số truyện ngắn như trong tập Đêm lãng Quên chẳng hạn, thì thấy rõ cung cách của một người viết tạo ra một chỗ đứng cho tác phẩm của mình. Cùng với những cây bút khác, quả thực ông có tạo ra thành một phong trào mà nhà văn Mai Thảo gọi là có một chút thành công và thất bại. Thành công là phong trào này đã đem lại cho văn chương tiểu thuyết một chân trời mới mà kỹ thuật và ngôn ngữ là những khai phá bất ngờ đầy hứng thú. Nhưng thất bại vì không thể làm thay đổi được cảm quan của người đọc về tiểu thuyết truyền thống. Trước sau, tiểu thuyết vẫn là biểu hiện của đời sống qua ý nghĩ chủ quan người viết.

Nguyễn Đình Toàn có lẽ sáng tác cũng không hề để ý đến những thành tựu hay mất mát thua được của tân tiểu thuyết mà ông chỉ viết theo ý thích của mình. Ông có niềm tin vào công việc mình làm và xác tín một thái độ rất trí thức nên tiểu thuyết của ông được kể đến như những thành tựu và rõ ràng ông đã có địa vị của một nhà văn đáng kể trong hai mươi năm văn học miền Nam...

Đọc Con Đường, để thấy được định mệnh của một người đàn bà sẵn dành riêng một góc tối đau khổ. Nhân vật ấy có một cuộc đời bị bủa vây bởi tất cả những điều khốn khó nhất mà lại bất thường với khuôn mặt có vết chàm khó coi. Cha mất sớm, mẹ bỏ đi lấy chồng, thân thể thì dị dạng nên con người sống gần với bản năng hơn là lý trí. Cô ta không có một chọn lựa nào khác là đầu hàng nghịch cảnh và sau chuyến đi thăm người mẹ trở về đã dễ dàng ngã vào bàn tay của một người đàn ông xa lạ và trở thành đàn bà từ đêm dọc đường ấy cùng với sự khám phá về nỗi sung sướng vô biên của nhục cảm. Nhân vật xung tôi trong Con Đường đã bị trôi vào một bi kịch cũng như người mẹ mười năm trước cũng đã lang chạ ngoại tình và rút cuộc chỉ là một dòng lệ rớt trên mi khi đưa tiễn đứa con trở về từ bến xe.

Nhân vật xung tôi trong truyện và nhân vật “người viết kịch” đã đóng một vai kịch của những cuộc đời mà ở đó đã sẵn mầm chứa của những điều tối tăm ẩn sâu trong nội tâm con người. Thêm một nhân vật “bà ở chung” đã làm thành một vở kịch tay ba mà ở đó người đàn ông đã giương một cái bẫy để cho hai người phái nữ vào sập hố. Và sâu khấu kịch không là chỗ nào khác hơn là cái giường, nơi tình yêu có khi là hỗn hợp của sự ngu ngốc khờ dại và lòng đam mê nhục dục cao độ.

Con đường với cô bé xấu xí bây giờ giống như con đường mà mẹ cô đã đi xa vĩnh viễn đứa con gái của mình. Một con đường định mệnh mà sự gian truân là hành trang mang theo. Trong tiểu thuyết Nguyễn Đình Toàn, đầy dẫy những nghịch cảnh và con người luôn luôn thủ vai người thua bại. Họ đi trên những con đường mù mịt mà không cưỡng lại được những cảnh trớ trêu bày sẵn...

Trong Con Đường, tác giả bắt nhân vật phải xuôi theo định mệnh và chấp nhận tất cả những hậu quả bi đát dù có phi lý đến đâu chẳng nữa. Cuộc đời sẵn dành cho mỗi con người một

phận số và sẽ chẳng thể phản kháng được mà phải gơ tay đầu hàng trước những trớ trêu nghiệt ngã của cuộc đời...

Đọc một tác phẩm khác, Ngày Tháng, lại thấy được một số phận của người đàn bà bị lôi vào những mảnh sống đầy khúc mắc mà sự bó tay bất lực đã làm đời sống tưởng như bị triệt hủy thối rữa. Tiểu thuyết của ông là ray rứt nội tâm, là những cảnh ngộ bị lôi cuốn vào, là sự tranh đấu giữa dục vọng và thánh thiện để rồi bản năng đã dẫn dắt con người. Nhân vật nữ tên Hà sống trong nỗi mòn mỏi cuộc sống, không dám liều bước sợ bị vấp ngã, nên cứ đành trôi theo cuộc đời. Nhân vật ấy như được treo lơ lửng bằng những chán chường và người đàn ông chỉ có giá trị như là một sự kèm hãm, một sự cho phép ngấm ngầm kể cả chuyện làm tình. Thân phận của một người đàn bà 30 tuổi góa chồng sống một mình cô đơn thảm thiết dày vò kể cả việc tự sờ mó thân thể mình trong cơn dục vọng. Người chồng đã chết vẫn ám ảnh nàng với hình ảnh của bộ đồ bay phi công và những ngày tháng sống ở thành phố biển đã là một ám ảnh không nguôi.

Hà gặp Vinh, một phóng viên chiến tranh và một mối tình bắt đầu với đam mê nhưng lại kéo theo những khúc mắc của đời sống, Hà sợ cô đơn nhưng cô đơn lại như một ám ảnh khiến đời sống như cứ dài ra nỗi khác khoải.. Hai người yêu nhau nhưng tự biết khó thể gần nhau vì mỗi người đều có cuộc sống riêng, có phận đời riêng. Nhưng dục vọng và sự ân ái cứ như sợi dây trói buộc và con người như không thoát ra được. Cuộc sống như một chọn lựa bắt buộc. Có lúc Hà muốn bắt cặp với một người Mỹ say mê nàng nhưng rồi vẫn chỉ là những nửa vời của mê đồ không ngộ thoát.

Ở Nguyễn Đình Toàn và tiểu thuyết Ngày Tháng, nhân vật như lúc nào cũng ở trong trạng thái chiếu đấu khốc liệt giữa bản năng và sự hướng thiện. Khi nằm ôm người tình để ngày mai đi vào quân trường, sự cô đơn như nỗi chết cứ chập choạng vây quanh đời sống.

Nhân vật của Con Đường và Ngày Tháng là đàn bà thì trong tiểu thuyết Không Một Ai thì nhân vật lại là một người thanh niên bị thương trong một cuộc hành quân giải ngũ trở về thành phố làm một công việc văn phòng. Vết thương về thể xác vẫn còn trong khi về tâm não thì cũng bị khủng hoảng theo. Nhân vật ở đại danh từ ngôi thứ nhất xưng tôi là một người có ý hướng muốn thay đổi cuộc sống mình, quên và bỏ đi những ký ức cũ, và cả hiện tại cũng đầy vết thương. Nhưng tất cả chỉ ở trong ý nghĩ thôi, và đời sống cứ như thế một mực chán chường của những vết thương không lành miệng.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn thường xuất hiện rất ít nhân vật và những nhân vật thường hay độc thoại, ít đối thoại và thường là những khám phá đi sâu vào nội tâm con người. Ở trong tiểu thuyết Không Một Ai, cũng chỉ có bốn nhân vật, gồm chàng thanh niên xưng tôi, người nữ ồi lúc bỏ đi lúc trở lại tên Ph., Trang, người đàn bà đau khổ có số phận không may và Kế, người đàn ông đứng tuổi nhưng lại có đam mê của thời mới lớn. Những nhân vật ấy chia sẻ với nhau những định mệnh, mà sự bất hạnh dường như lúc nào cũng lần khuất và hạnh phúc là những giây phút chen lẫn ngắn ngủi. Chàng trai xưng tôi trong truyện thì người tình vừa bỏ đi, đời sống thì đầy những cơn đau về thể xác lẫn lộn về những ảo tưởng của tâm trí nên cuộc sống ấy như phủ đầy những bóng tối. Trang, người đàn bà làm chung sở cũng chẳng may mắn hơn, cũng chuyện tình cảm gãy đổ, sống với bà mẹ và hai đứa con và trong lòng luôn khao khát một cuộc tình, để lấp cho đầy khoảng trống. Chàng trai thì lại nhìn Trang để nghĩ tới người tình đã bỏ đi, ân ái với Trang để tưởng tới những thỏa mãn nhục dục từ Ph., người tình lang chạ.

Tình yêu trong phần đông tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn phần đông đều có những gãy đổ và thường là những nửa vời trong cuộc sống họ. Có ý chỉ là ý nghĩ, rất mong manh và thoáng qua. Nó phác họa một thế giới khác, một không gian thời gian khác mà rất ít chất cụ thể. Nó gần như của một con người khác lúc nào cũng tự đi kiến mình và đời sống mình dù con người ấy, ngày

tháng ấy, khung cảnh ấy vẫn sờ sờ trước mắt. Họ vong thân trong chính cuộc sống của họ. Trong Không Một Ai, nhân vật nào cũng đều có một thế giới riêng. Ngay cả Kế, một người lớn tuổi cũng làm việc chung với nhân vật xưng tôi và Trang cũng là một nhân vật lạ lùng. Khi nghe người con là trung úy Quân y bị chết ở chiến trường, cũng là lúc vừa được lên chức, Kế như người bị phân đôi và chẳng biết làm gì nên rủ người bạn trẻ đi hút. Chiến tranh, hiện hữu với vết thương của nhân vật xưng tôi, hay cái chết của con trai Kế, chỉ là một nhắc nhở về cơn dông bão mà thôi.

Rồi những phức tạp, những xếp đặt của định mệnh để Trang ngủ với Kế, rồi tính phá thai rồi nhân vật tôi lại muốn cứu vớt, rồi Ph. Người tình trở về, rồi Trang chết. Tất cả những diễn tiến ấy là đoạn kết của Không Một Ai. Một câu truyện rất hiện sinh, của những người hiện hữu trong cái phút giây hữu hạn của cuộc sống. Mà, tiểu thuyết ấy cũng chính là một hành trình của những cuộc viễn du vào thế giới nội tâm, mà những con đường hình như đầy ngõ rẽ và nhiều bóng tối, của chính cuộc sống và những cảm nghĩ về cuộc sống.

Trong văn chương, Nguyễn Đình Toàn đã có định kiến về cõi sống, một định kiến mà chiều sâu của sự u ám bi quan đã làm khuất lấp đi bề mặt của cuộc sống hiện hữu. Ông muốn đi sâu vào ý thức, để từ đó soi rọi thêm những nhận định, nhìn rõ thêm chân dung con người và đôi khi cả mặt sau của chân dung ấy. Ông viết như một cách thế để “kể về” hoặc “nói về” mà không phải là “viết về”. Và cách nói hay kể cũng đều trầm lắng, mà cảm quan thì được dẫn đi những phần nộ hay phản kháng, thành ra tiểu thuyết của ông có nét riêng của một sự chấp nhận. Chấp nhận cả những hữu lý và vô lý của cuộc đời. Những nhân vật ấy, tuy đầy dẫy trong thế giới chúng ta nhưng lại được nhìn và tả khác đi thành những nhân vật của riêng Nguyễn Đình Toàn với tất cả cá tính của một cuộc sống bề trên thì có vẻ tĩnh lặng nhưng bề sâu là đầy những cuộc sống lớn. Và, dù ở trong một đất nước chiến tranh, cuộc chiến vẫn là những bề sau khuất lấp, tuy nhiều ảnh hưởng nhưng lại có mặt như một nỗi tình cờ...

Đọc văn Nguyễn Đình Toàn, thấy thấp thoáng những khuôn trời thơ mộng. Và với Ào Mơ Phai, xuất bản năm 1973 đã đoạt giải thưởng văn học toàn quốc.

Sống ở hải ngoại, ông viết mục phác họa chân dung tác giả cho các báo và sau đó ông chọn lại và in Bông Hồng Tạ Ơn.

Suốt một hành trình văn chương dài hơn nửa thế kỷ, tác giả “Bông Hồng Tạ Ơn” đã có thật nhiều dịp tiếp xúc, làm việc, hoặc thân tình với nhiều nghệ sĩ trong nhiều bộ môn nghệ thuật. Thành ra những cảm nhận của ông về người, về thơ, về văn, về nhạc .. đều có nét chính xác cũng như sâu sắc và khiến người đọc hình tượng được những cá tính của những khuôn dáng nghệ sĩ ấy. Với 190 tác giả Việt Nam được phác họa trong bộ sách 2 tập, độc giả có thể mừng rỡ tưởng tượng được một thời kỳ văn học nghệ thuật có nhiều khai phá, Với cách viết ngắn gọn nhưng cô đọng và khá đầy đủ, từng tác giả và từng tác phẩm được biểu hiện trung thực. Đây có lẽ là một công trình làm phong phú hơn sinh hoạt văn học ở hải ngoại và là những tài liệu cho những người còn yêu ngôn ngữ Việt và văn chương Việt. Có nhiều tác giả khá lạ với người đọc cũng như có nhiều bài nhạc bài thơ tưởng đã quên lãng thì với cái trí nhớ gần như xuất thần, tác giả ghi chép lại khá chính xác và đó chính là điểm rất đặc biệt của tác phẩm “Bông hồng Tạ Ơn”... Hình như, những chân dung nghệ sĩ được đề cập đến được chọn lựa tùy cảm hứng và không có một tiêu chuẩn nào. Và tác giả cũng không muốn làm công việc chọn lọc những vóc dáng nghệ sĩ tiêu biểu trong tập sách này. Ông yêu thích và nhớ được tác giả và tác phẩm rồi viết ra với cảm tình của mình.

Nguyễn Đình Toàn cũng là một nhà thơ nổi tiếng. Những tập kịch thơ như Phạm Thái Trương Quỳnh Như hay tập thơ Hồi Sinh, hoặc tập thơ đầu Mật Đẳng tạo cho ông có một vóc dáng thi sĩ mà về sau này ông đã mang ngôn ngữ của thi ca hòa hợp cùng với cung bậc của âm nhạc thành những ca khúc có sức lôi cuốn thính giả.

Ở trong những tập sách bìa dày chép thơ của các cô cậu học trò thường có nhiều bài thơ được chép với sự nâng niu trù mến. Khi tuổi đã lớn, đọc lại những bài thơ ấy, như có một chút vọng động nào ngân nga. Có thể là bước đi về của thuở hoa niên ngày cũ..
Thơ Nguyễn Đình Toàn, nhẹ nhàng như bài thơ Khi Em Về:

*Khi em về trời xanh và gió mát
Con đường mòn thơm lá mục quê hương
Vườn cải ngồng rủ ong bướm về sân
Anh nằm đây buổi trưa và tiếng nắng
Mặt đất mềm bước chân em chột nhẹ
Lá tre vàng dòn thổi mùa thu đi
Luồng huệ ấy xòe những vàng hoa trắng
Và đây thêm lá rụng lớp phen che
Quê mẹ đầy ưu phiền nhiều qua 1lắm
Hàng cau già mo thương bẹ quắt queo
Anh nằm đếm những ngày rồi những tháng
Đi qua dần khi nước mắt buông theo..”*

Có khi là thơ buồn , thơ của những lời ru từ xa xưa vọng lại, từ hiện tại thổi về, Thơ của lời ru cuối cùng cho một cuộc tình xa cách:

*Ru em lần cuối cùng này
Bằng hơi mát của một ngày sắp xa
Bằng giờ phút sắp chia xa
Rồi thôi rồi chẳng bao giờ nữa đâu
Giòng kinh năm ngón son câu
Vội môi mận vội hôn trao nghẹn lời
Vội sầu xưa ngút trên vai
Tóc xanh non vội khuy cài áo thơm
Hàm răng mát tuổi má tròn
Đường thêu chỉ đã hao mòn đây em
Gió trời xin ngủ bình yên
Coi như giấc mộng ưu phiền đầy thôi
Mây cao với mắt trông vời
Soi gương trán bỗng quên người tôi đi”*

Có khi thơ lại là những bước đi về. Thơ Nguyễn Đình Toàn đầy những chỗ đi và nơi về , nơi chốn mà không gian thời gian ngưng đọng từ nỗi buồn chia xa của sẵn thiên cổ riêng dành:

*Khi em trở về
trời mùa đông đen
căn nhà không người
và mùi ẩm mốc
Khi em trở về
Tay đây nước mắt
Trên thành cửa bụi
Tuổi thơ đi qua
Khi em trở về
Mộ người yêu đó
Hoa trên phiến đá
Cỏ buồn ngón chân*

Và cơn gió rét
Que diêm bật lên
Que diêm bật lên
Những mơ ước cũ
Sáng lên một lần
Những hình ảnh cũ
Tắt đi một lần
Khi em trở về
Bàn tay khói hương
Buồn xưa sắp hết
Nói gì đi em!"

Viết về văn sĩ và thi sĩ Nguyễn Đình Toàn như vậy vẫn chưa đủ. Tôi muốn viết nhiều hơn về nghề nghệ sĩ của tình yêu tuổi trẻ một thời. Nhưng xin hẹn một bài khác. Để tiếp tục, tôi viết về phần tới sẽ đăng tiếp ở kỳ tới. Chân dung nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn và chương trình Nhạc Chủ Đề lấy lòng ngày xưa, một chương trình của những người trẻ thời ấy. Bây giờ, đã thành những người muôn năm cũ hướng vọng về một thuở nào sống mãi trong ký ức của đời người...

Nói về thơ, Nguyên Sa...

Thi sĩ Nguyên Sa nói chuyện về thơ? Hồi nào? Dường như thi sĩ đã đi vào miền vĩnh hằng ngày 18 tháng tư năm 1998 rồi mà! Thì, làm sao hôm nay, bây giờ có thể nói chuyện với chúng ta về thơ được? Thế mà, với tôi, giờ lại những trang hồi ký, như đang tiếp tục câu chuyện về thi ca, về những bài thơ mà có người phê bình là những "châu báu bắt được của trời". Nguyên Sa một đời làm thơ và sống chết với thơ. Khi ông đang nằm trên giường bệnh, dù đang thập tử nhất sinh ông vẫn lo lắng để chuẩn bị cho in tập thơ "Thơ Nguyên Sa tập 4". Thơ với ông là một vũ trụ mệnh mông mà cuộc sống vẫn còn dù thân xác có bị hủy hoại theo luật thiên nhiên.

Thơ Nguyên Sa không phải chỉ thuần túy thi ca mà còn chất chứa cuộc sống thực tế và cả những ước mơ nữa. Như, câu phê bình của tổng thống Ngô Đình Diệm về một giáo sư trẻ Trần Bích Lan mà bác sĩ Trần Kim Tuyến đã kể lại: "ông cụ bảo cậu lãng mạn". Có phải tâm tính lãng mạn là luôn luôn nuôi dưỡng những giấc mơ? Quả thực, trong suy nghĩ biểu hiện bằng ngôn ngữ thi ca, Nguyên Sa là một người làm thơ lãng mạn.

Đọc những trang hồi ký, nghe thi sĩ nhắc lại những bài thơ và những trường hợp đã có cảm hứng để viết, mới thấy câu nhận định trên là chính xác. Những bài thơ, dù viết ở đâu, từ lúc đất nước thanh bình đến khi trời làm tao loạn, hay lúc lưu lạc xứ người, thơ vẫn là những biểu tượng của một cuộc sống tràn đầy ước mơ.

Giữa con người thực dụng và con người viễn mơ, có lẽ triết lý đã điều hòa cả hai để có một chân dung thi sĩ. Triết học không lấn áp thi ca mà trái lại làm cho ngôn ngữ thơ có sắc thái riêng. Thi sĩ viết: "Tôi cũng nhớ, ngay lúc đó, khi đọc bài văn nói về văn chương viễn mơ của Mai Thảo, một năm trước, tôi thấy văn chương viễn mơ không phải là mục tiêu mà tôi nhắm tới, văn chương viễn mơ không phải là tôi.. Tôi mơ hồ cảm thấy làm thơ mà cứ phải dần dần triển miên thì.. mệt quá! Nhưng tôi cũng không muốn sống, trong cuộc đời cũng như trong tác phẩm, cất lìa khỏi, một cách thường hằng, mọi đam mê của đời sống. Tôi mơ hồ cảm thấy những lý luận thuần lý, những triết học nhất quán, những lô gic chặt chẽ và thơ có một khoảng

cách . Dường như , càng xa lý thuyết thơ càng nhiều thơ , càng cột chặt hồn mình vào lô gíc , thơ càng ít thơ hơn. Tôi đọc , tôi đọc . Tôi sửa lại một chữ , rồi một chữ khác Tôi mơ hồ cảm thấy tôi không muốn trở thành một nhà thơ dấn thân . Tôi cũng mơ hồ cảm thấy tôi không phải là một đệ tử trung thành của nghệ thuật vị nghệ thuật. Tôi là người làm thơ tình mà vẫn xúc động trước những khổ đau của quê hương , dân tộc tôi.”

Có những bài thơ viết về Paris, như một kỷ niệm trong đời. Thành phố , nhắc đến những người bạn và những cuộc giã từ , Ra đi nhưng để tấm lòng mình ở lại. Những dòng hồi ký không những là nhớ lại mà còn làm sống lại những ngày tháng ấy. Một đoạn đời hóa sinh vào thơ , mơ mộng và diễm ảo. Thơ . Là dấu ấn cho lãng mạn dâng cao :

“ .. Tôi thấy tôi và những tôi cầm tay bạn bè bịn rịn , tôi thấy tôi và những tôi từ trên thang cao của máy bay vẫy tay lần cuối , tôi thấy ngọn đèn đêm của Eiffel quét những đường sáng dài vẫy tay. Những Tiễn Biệt, những Paris Có Gì Lạ Không Em, từ bóng đêm của vô thức và sương mù dạt tay sông Seine đi tới.

*Paris có gì lạ không em
Mai anh về em có còn ngoan
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ
Em có tìm anh trong cánh chim
Paris có gì lạ không em
Mai anh về giữa bên sông Seine
Anh về giữa một dòng sông trắng
Là áo sương mù hay áo em
Em có còn đứng ở bên bờ sông
Làm ơn che khuất nửa vàng trắng
Anh về có nương theo dòng nước
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng.*

Những điệp khúc” Paris có gì lạ không em” đặt ra những câu hỏi để dẫn về những nơi chốn mới đây gần gũi mà bây giờ xa biệt. Hoa lá để nhớ đến cánh chim, dòng sông mù sương trắng nhớ đến áo em huyền ảo cũng như vàng trắng in dưới dòng nước nhắc nhở đến mường tượng em trong bóng trăng. Thiên nhiên là của kỷ niệm nhắc nhở , mỗi mỗi khi nhớ là tìm lại được những hình ảnh mới của Em , của người tình của một thành phố như đã thành cổ tích...

Một bài thơ khác , của một thành phố khác , của đất nước Việt Nam , mà bây giờ lại xa cách trong cảm giác lãng đãng của những câu thơ bình bông. Sài Gòn , thành phố mà trong bộ nhớ nhiều người đầy ắp những kỷ niệm . Có khi là của lúc xôn xao thời mới lớn , có khi là của những ngày chiến tranh , của những ngày phép của người lính trẻ , của một thời của một đời người . Nguyễn Sa làm bài thơ “ Tám phố Sài Gòn “ trong cái khí hậu văn học của một thời nhiều sôi động. Thi sĩ đã viết về một trường hợp sáng tác:

“.. Nguyễn Đình Vượng nói tôi muốn Nguyễn Sa cho Văn một bài thơ, tôi hỏi thơ hay văn xuôi, anh Vượng nói rõ thơ, tôi ngập ngừng rồi nêu lên câu hỏi:

-Thơ Xuân?

Nguyễn Đình Vượng gật đầu vững chắc:

-Thơ Xuân.

Anh chỉ khẳng định chính xác như thế trong một giây ngắn, anh mau chóng đưa ra chọn lựa thoải mái hơn:

-Thơ Xuân .. Hay thơ gì cũng được.

Tôi vui vẻ nhận lời, mấy hôm sau tôi mang tới tòa soạn Văn bài “ Tám phố Sài Gòn”..”

Tám Phố Sài Gòn , là những câu thơ của bồi hồi về một thánh địa tình yêu , của những xúc cảm thoáng qua , của những hình ảnh đẹp khó quên trong bộ nhớ . Tôi yêu Sài Gòn nên yêu những câu thơ mang đến cho tôi một thời gian , không gian “ thiêng liêng “ , của cả một thời thơ ấu và trưởng thành riêng tôi. Và , rất lạ lùng , nhiều người đọc thơ cũng chung những xúc cảm những suy nghĩ như thế. Thơ của một người nhưng hình như là của riêng nhiều người. Khi nhắc lại , là một trùng trùng đại dương xao động . Sài Gòn . Vẫn còn, nhưng như đã mất . Trong tôi..

Đọc những bài thơ như Tám Phố Sài Gòn , như Ào Lụa Hà Đông, trong khi lái xe , lúc ở sở làm hay mơ mộng một mình trong phòng đọc sách ở nhà nhìn ra biển và bầu trời, lúc nào cũng như lúc nào , thấy mình sống lại những phận đời , hồi sinh lại những nỗi nhớ trong cái xúc cảm mơ hồ của một người đi phiêu du ở một chốn nào mà suy nghĩ mãi ngân vang như những sợi đàn căng rưng rưng những âm vận trùng trùng nhưng nhớ .

Viết về thơ của mình , thi sĩ Nguyễn Sa tâm sự :

“..Tôi không muốn đi, tôi muốn ở lại, tôi gọi trở về quê hương là đi, tôi gọi tới Paris là về. Tình yêu của tôi ở đó, phần đời có trọng lượng của toàn thể của tôi ở đó. Cảm xúc lớn lao, giao động cực mạnh mang lại hàng loạt những bài thơ về biệt ly. Paris có gì lạ không em, Tiễn biệt , Paris. Tôi khởi sự thơ với chủ đề ly biệt. Tôi bắt đầu cùng lúc những bài tình ái và những bài biệt ly. Cũng có thể nói được như thế. Thơ chủ đề biệt ly và thơ chủ đề tình yêu đến gần như trong cùng một thời gian. Xen kẽ . Hỗ trợ . Trong thơ tình có khắc khoải chia xa. Trong Tiễn biệt, Paris có gì lạ không em, Paris có gục đầu trên vai nhau. Nga đầy ấp Paris là bài thơ tình đầu tiên, sau đó là Tuổi Mười Ba , của thời kỳ Paris gục đầu trên vai nhau. Paris tiễn nhau ở gare De Lyon, ở phi trường Orly, Ào Lụa Hà Đông, Tháng Sáu trời Mưa, Cần Thiết của Sài Gòn 1956 và những năm kế tiếp, Nga 1955, Tiễn biệt đầu tiên. 1953, hai bài Paris 54 và 55. Thơ tình của những ngày tháng hôn nhân đến trước thơ tình của tuổi học trò. Ào Lụa Hà Đông, Tuổi Mười Ba, Tháng Sáu Trời Mưa trình làng ở Sáng Tạo , khi đã trở về Việt Nam , làm khoảng thời gian 56-57. Nga in trên tờ thiệp báo hỷ , bài thơ tương đối dài làm cho người bạn ấn loát in tặng phải chọn lựa tờ giấy lớn hơn thiệp báo hỷ rồi gấp lại làm ba. Tờ thiệp báo hỷ của tôi in trên khổ giấy năm rưỡi tám rưỡi , giấy bảy chục gam , loại láng, in chữ nghiêng, tới chữ O của “ mỗi em tròn như chữ O” câu thơ in nghiêng, anh bạn ấn công chỉ cho tôi thấy chữ O anh đã chọn kiểu chữ thẳng , rất tượng hình thơ ...”

Nguyễn Sa còn làm thơ về những ngày ở lính và chiến tranh ở đây đã được nhìn ngắm với con mắt của người trong cuộc. Một cuộc chơi tàn bạo được bày ra với tất cả những sự phi lý của nó. Những người tham dự , dù tình nguyện hay bắt buộc , cũng bị lôi đi trong con lốc mịt mờ của thời thế. Đọc bài thơ Sân bắn , để thấy được tâm tư của một người trong cuộc. Một cách tình cờ , bài thơ được viết ra trong một khung cảnh yên bình của Sài Gòn buổi chiều nhưng lại là những cảm giác từ quân trường , nơi sân bắn có hình nhân phơ phất , có tiếng kêu “ Bia lên” để làm đích đến cho những viên đạn vô tình :

“.. Tôi không có ý định làm bài lục bát đó, tự nó tới , bật ra. Tôi dừng xe lại ở Bưu Điện Sài Gòn , hí hoáy ghi lại Sân Bắn. Con trai tôi từ trường Taberd đi ra , trèo lên băng sau của chiếc Volkswagen, chờ tôi lái đi. Tôi chép cũng vừa xong. Sân Bắn được đăng trên một tạp chí ở Sài Gòn trong thời điểm đó, được in trong Thơ Nguyễn Sa tập Hai, hai mươi năm sau, năm 1988 ở Quận Cam.

Sân Bắn

*Bia lên ta thấy thân người
Thấy ta thấy địch , thấy đời lãng du
Thấy tay dư , thấy chân thừa
Thấy tai ngheh ngãng , mắt mù óc không..
Một đời phơ phất hình nhân
Thấy còn thấy hết, sau cùng thấy đau
Bia lên thấy mẹ u sầu
Giấy bồi toi tả cú đầu trong ta
Trời cao ngó xuống thịt da
Bia lên trông cũng vật vờ cỏ xanh
Bia lên tìm chỗ ta nằm
Non cao dưới cẳng em còn thấy đâu
Hầm bia buồn đến mộ sâu
Nghìn cây nén thấp trên đầu đạn bay.*

Và nhà thơ đã viết về những suy nghĩ và cảm xúc của mình để bật lên thành thơ.:

“Khi Sân Bắn , thơ, đến với tôi, bia cũng tới, đầu tiên., không có chân tay, cảm xúc của thơ mang cho Sân bắn thơ thêm hình ảnh của ta, của địch , thân phận con người, sự vong thân của bản ngã..

., Bầu trời của Sân bắn có bia lên , có thân người , có ta, có địch, có tay chân thừa thãi , có tác dụng của xạ trường đến nơi thính giác và cả trí tuệ. Óc tai, hình nhân , giấy bồi, hầm bia, đạn đầu lửa bay trong những buổi thực tập tác xạ ban đêm. Tôi biết kỹ thuật thi nhân từ trước khi thực hiện Sân Bắn, từ lâu. Cũng như nhiều người làm thơ, tôi có một thời kỳ lục bát buổi đầu đời. Thi nhân vừa dẫn bài thơ vô, vừa dẫn từ câu này qua câu kia từ đoạn này sang đoạn khác . Luận lý của suy luận là do đó, là cho nên, là vậy thì. Có thể là tất cả những từ đó và những từ tương tự khác cùng loại.

Tất cả mọi người đều phải chết
Socrate là người
Socrate phải chết

Chân lý của kết luận chứa ẩn trong những đại tiền đề. Chân lý của tiền đề , bằng những do đó, là vậy thì, là cho nên , đi tới kết luận . Nói rõ ra cũng tốt, không nói tới cũng tốt. Từ ngữ hiện hay ẩn đưa tới kết luận là đưa tới chân lý tất yếu đã nằm trong những tiền đề. Thi nhân của thơ đưa tới những kết luận khác biệt, không tiên liệu trước được, nháy qua trùng điệp những đồi núi , những bình nguyên rơi xuống một miền đất của riêng. Bia lên mở ra thân người, mở ra thế giới mà khoảng cách giữa ta và địch bị tiêu hủy bởi cái chết , mở ra sự thừa thãi của tay chân, sự bất lực của giác quan và trí tuệ. Trong Sân Bắn, thi nhân hơn một nửa làm nhiệm vụ của liên tục, nó cho phép nói nhiều với ít chữ hơn.

Bầu trời của thơ không phải là bầu trời của sân bắn xạ trường . Bầu trời Sân Bắn thơ có những đám mây của nó, có vài phần vật liệu từ hơi nước bay lên, nhưng lại có nhiều phần mây có màu sắc bay tới từ thế giới nội tâm, có những đám mây màu sắc tình cảm, đám mây màu sắc suy tư, đám mây màu ngậm ngùi thân phận.

Chủ nghĩa tả chân và những anh em của nó, như tả chân xã hội, khó lòng mang lại bầu trời thơ, vì không gian của nó hạn hẹp , chỉ có mây của nước bốc hơi, không có chỗ nào cho những đám mây tuyệt vời kia.”

Thơ, với thi sĩ , không phải là một trò chơi nữa , mà trở thành một cách thế sống , của da thịt xương tủy hiện hữu thảng ngày. Những câu hỏi bật ra từ quá khứ . Từ tuổi nhỏ đã phải chịu

những tháng ngày tù ngục đọa đầy của Cộng sản , rồi thoát được , đi du học , rồi trở về nước , dậy học và rồi lại lưu lạc xứ người trong những tháng năm còn lại. Bao nhiêu là dấu ấn đã in đậm trên những trang thơ. Những dấu ấn của thời thế. Những dấu ấn của tình yêu . Thành ngôn ngữ , thành hình ảnh , thành vần điệu để như những tần số cùng âm hưởng giao thoa với tất cả những chất chứa của thời đại , của cả một thế hệ cứ mãi miết hoài trong vòng cuồng loạn của đông tổ chiến tranh.

Với Nguyên Sa , chiến tranh là một thực tế của đất nước.Và thơ của ông phần nào biểu lộ cái thực tế ấy . Những bài thơ như Cầu Siêu Cho Nguyễn Quan Đại Chết Ở Khe Sanh, Thăng Sỹ Chết , Thơ Cho Bạn Ở Trong Tù Trong Tù, Cắt Tóc Aên Tết ,... Có chút bi phẫn , có chút suy tưởng nhưng hình như là biểu lộ chân thực tình cảm của một người sống trong thời đại đầy nhiều nhượng , nhiều biến cố .

Trong “ Thơ cho bạn ở tù” , những câu lục bát chân thành về nỗi đau thời thế :

*Bây giờ mày ở trong tù
Đêm nằm muỗi cắn nhớ nhà không con
Chúng nó nói chuyện văn chương
Tao nghe nóng mặt cời quần nhìn sông...
... Tao đi lính được bốn năm
mày nghe chuyện lính tưởng rằng tao gân
tưởng tao trấn thủ lưu đồn
một tay cờ kiếm anh hùng chí cao
bốn năm thi sĩ nằm khoèo
rượu say thơ cũng mệt nhòaì tứ chi
quanh tao vẫn một lũ hề
những thằng mang điếu vác cờ chạy quanh..”*

Thi sĩ đã viết về một bài thơ khác , viết về mùa xuân , nhan đề cũng xuân nhưng không có nét xuân hồng nào ở trong : Cắt Tóc Ăn Tết

*Cắt cho ta hãy cắt cho ta
Cắt cho ta sợi dài
Cắt cho ta sợi ngắn
Cắt cái sợi nói dối
Sợi ăn cắp trên đầu
Sợi vu oan dưới gáy
Sợi bè phái đâm ngang
Sợi ghen tuông đứng dọc
Sợi xích chiến xa, sợi giây thòng lọng
Sợi hực chiến mỏng manh, sợi hận thù buộc chặt
Sợi nắp trong hầm
Sợi ngồi trong hố
Sợi đau xót như giấy dù chẳng mở
Sợi treo cổ tình yêu, sợi trói tay hy vọng..”*

Nhưng , những bài thơ sống mãi của Nguyên Sa vẫn là thơ tình yêu. Những bài thơ như Ào Lụa Hà Đông, như Tuổi Mười Ba , như Tám Phố Sài Gòn , như Paris Có Gì lạ Không Em,... đã vượt qua không gian , thời gian để sống mãi . Thậm chí , nó còn vượt qua những chiến tuyến , qua những định kiến chính trị để thành một gia sản quý báu của văn chương dân tộc Việt Nam. Thế mà , khi viết hồi ký , ông lại ít đề cập tới . Không hiểu có phải là phản ảnh tâm lý mà ông đã

nói trong cuộc phỏng vấn trước tám năm ngày ông từ trần :

“Đề tài tình yêu thường thay đổi theo thời gian.. trước năm 1963 , tình yêu đó thuần túy những cảm xúc , những đam mê. Đó là niềm đam mê , lúc tin tưởng mạnh mẽ, lúc rụt rè thắc mắc , lúc muốn ngỏ lời, lúc không dám 1ngỏ. Nhưng về sau lúc người ta 50, 60 tuổi, đam mê tình ái không còn nữa , như xao xuyến về một áo trong sân trường, như bồi hồi vì một mái tóc xõa ngang vai, không có nữa . Thời gian xóa bỏ nhiều thứ . Tình yêu có bóng dang của sự buồn phiền xót xa vì thời gian trôi qua. Và ngậm ngùi nhận ra rằng việc chấm dứt cho tất cả mọi sự sẽ phải tới. Khi nào suy nghĩ ấy xen lẫn trong đời sống trong tình yêu trong thơ, tất cả sẽ chán chường . Võ sĩ lên đài mà không nghĩ đến chiến thắng đến tiền thưởng mà chỉ nghĩ đến cái chết gần tới thì chắc chắn quả đấm của võ sĩ ấy phải khác với một võ sĩ chỉ nghĩ đến cách thể để cho đối thủ quy ngã. Đối với tôi tâm sự về tình yêu lúc 50 tuổi trở lên như võ sĩ lên đài thay vì chiến đấu mãnh liệt say mê thì lại đưa quả đấm giơ lên rồi bỏ xuống.Tư tưởng cái chết ám ảnh mạnh mẽ tình yêu..”

Dù rằng thi sĩ đã hiểu :

Cuộc đời đâu có phù vân

Ở trong mây nổi có phần thiên thu

Nhưng những câu thơ đã để lại cho đời sau là những câu hỏi để mở cửa bước vào cõi thơ , như Cần Thiết : “Không có anh lấy ai đưa em đi học về/ lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học/ ai lau mắt cho em ngồi khóc / ai đưa em đi chơi trong chiều mưa?/..”; như “ Paris có gì lạ không em?/mai anh về mắt vẫn lánh đen/vẫn hỏi lòng mình là hương cóm?chả biết tay ai làm lá sen??..”; ‘ em ở đâu ?, hỏi mùa thu tóc ngắn/giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông/anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng/ giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng/...”. Ơi , những câu hỏi để thành những câu thơ bất tử của văn chương Việt Nam thế kỷ 20... Và tôi cũng như nghe thấy câu hỏi, được khắc lên trên bia mộ của một thi sĩ lớn:

Nằm chơi ở góc rừng này

Chưa thiên thu cũng đã đầy cỏ hoang

Xin em một sợi tóc vàng

Làm hoa khởi sự cho ngàn kiếp sau

Biết đâu thảo mộc bớt đau?

Biết đâu có bản kinh cầu dâng lên?

Vâng , biết đâu! Phải biết đâu chuyện ba trăm năm sau khi tác lòng thi sĩ vẫn còn mãi mãi qua thăm thẳm thời gian những kiếp người?

Vũ Hữu Định, một chút gì để nhớ

Có những bài thơ, tôi đọc của Vũ Hữu Định mà mừng tượng ra những cảm giác của chính mình. Có những cảnh ngộ, đã trải qua trong đời sống, bây giờ, đọc trong thơ Vũ Hữu Định, như sống lại trong ký ức.

Như, bài thơ “Những ngày long đong”:

“trưa ngủ đậu - chiều đi - đêm đợi

mai lang thang, một biết về đâu

ngày với tháng cứ đùn như mối

tháng với ngày qua như một bãi mù ...

*đi ra khỏi nơi anh tạm trú
đứng một nơi đâu không định trong lòng
ngã bảy xe người chia bảy ngã
có ngã nào đi riêng của anh đâu*

*đi ra khỏi nhà sơ quen tạm ngụ
một đêm đau lưng mắt mở trừng trừng
đi ra khỏi là ra đi với nhớ
để chiều về đâu? Ngơ ngác băng khuâng..."*

Phải, tôi đọc thơ Vũ Hữu Định để nhớ lại những ngày xa xưa thuở ấy. Lúc lang thang vợ vẫn ở Sài Gòn năm 1980 sau khi được thả về. Sau đó, tham gia tổ chức một chuyến vượt biển không thành ở Bến Tre và bị công an tỉnh lên tận Sài Gòn hỏi thăm. Túng cùng, khi chiều về đêm xuống đạp xe đi mà không biết mình đi đâu. Có lúc, như một nhân vật của kiếm hiệp Kim Dung mà than thở một mình. Than ơi, trời thì cao, đất thì rộng mà ta thì không chốn nương thân. Câu hỏi tối nay biết ngủ đố nơi đâu cứ hoài trong tâm trí. Mình có nhà có cửa mà sao phải lạc loài như người vất vưởng không nhà. Có bữa, mượn chiếu ngủ tạm ở bến xe, để nghe những người chung quanh chửi rửa thời thế, hay những cô gái giang hồ đêm khuya kể lể tâm sự bợt bèo mình. Tôi khám phá ra một điều ngủ đêm ở bến xe lại an toàn hơn bất cứ một nơi chốn nào khác. Nếu tạm trú tại nhà mấy người thân, thì chỉ một lần, bởi cả gia đình người thân ấy cũng sẽ hồi hộp chờ tiếng gõ cửa xét nhà kiểm tra hộ khẩu và cả đêm thức trắng trong lo sợ. Thôi thì đành tối tối, tới bến xe, ngủ lẫn lộn với những hành khách chờ xe đò hoặc những anh tài xế xe vận tải hay những chị buồn hàng chuyến, để chờ một chuyến đi sắp tới cho qua những ngày bị truy nã, săn đuổi...

Đọc những câu thơ, tự nhiên sao bồi hồi. Nhớ lại, một thời gian qua, đã tới hai mươi mấy năm mà sao như trước mắt. Tôi thấy mình đạp xe lang thang giữa con phố đông người với mây đen ùn lên phía chân trời của thành phố Sài Gòn đang lên đèn. Tôi nghe lại những câu vọng cổ, than thở buồn hiu trong đêm mưa dầm rả rích khi mình cuộn tròn trong manh chiếu ở hiên nhà cạnh những người vô gia cư từ kinh tế mới trở về, lẩn lóc, tang thương.
Đọc những câu thơ sao thấm thía:

*"trong đám đông anh lại càng cô độc
bởi một nơi đâu cũng ăn tạm ở nhờ
sợ cả lời chia vui thành thật
bạn bè thì đông sao anh vẫn bơ vơ
buổi tối xe lam muộn màng ế khách
lại tới một nơi không hẹn không tìm*

*anh đi ngược lại con đường xe chạy
mỗi bước chân rời mỗi nhịp đau tim
thành phố lặng là khi nghìn tiếng động
không xô tan được khối lòng sâu
chân anh bước, mắt chỉ nhìn phía trước
tai nghe hoài một câu hỏi về đâu."*

Thời gian ấy, sao cố quên mà vẫn còn hằn nhớ. Cái tâm cảm của một người cô đơn trong cái xô bồ náo nhiệt của chỗ đông người lại càng làm tăng thêm cường độ nỗi buồn. Thời thế ấy, sao buốt xót. Kỷ niệm ấy sao ngậm ngùi. Cầm tập thơ Vũ Hữu Định trên tay, mặc dù chưa bao giờ gặp mặt và cũng không hề quen biết mà sao tôi có cảm giác vô cùng thân thuộc. Không biết

có phải vì có lúc, mình cũng đồng cảm với cái tâm sự của một người lơ vậ “Ta đã hát khúc hát đời lơ vậ. Hát âm u trong đêm tối một mình.” Hình như, với thi sĩ tác giả “Còn một chút gì để nhớ”, đêm tối lúc nào cũng là cái phong thủy sâu của kiếp người, của những bước chân đi không bao giờ đến đích.

Bài thơ về phố núi Pleiku của Vũ Hữu Định với nhạc Phạm Duy đã tạo một thành phố nhỏ nơi xó rừng thành một nơi chốn đầy huyền thoại, vừa lãng mạn vừa bi tráng. Ở đây, có những chuyện về Bà Chúa Rừng linh thiêng, có những mối tình y như tiểu thuyết của những người lính trận và những cô gái giang hồ. Thời chiến tranh cực độ, phố núi là nơi dưỡng quân của những chàng G.I. từ mặt trận biên giới trở về và cũng là nơi mà các nàng kiều nữ từ khắp nơi đổ về kiếm tiền. Và, cũng chính nơi đây, là nơi nghỉ phép của những chàng lính chiến từ biên trấn. Rượu, ăn chơi, nhảy nhót, cho quên sầu để rồi trở lại chiến trường, ở đó có những mối tình giang hồ nhưng cũng có những mối tình lãng mạn trong trắng.

Ở đó, cũng có con đường Trịnh Minh Thế rợp bóng cây dầu, cây sao, những giờ đi học hay tan học tung tăng những tà áo trắng nữ sinh trong cái mù sương buổi sáng hay nhạt nắng buổi chiều. Pleiku, “phố xá không xa nên phố tình thân. Đi dăm phút đã về chốn cũ...” Con đường Hoàng Diệu từ rạp Diệp Kính đến Bưu Điện, chỉ vài phút đi lên đi xuống để cho đời còn mơ còn mộng, còn thấy hạt nắng dễ thương, hạt mưa tuy buốt lạnh nhưng lại ấm lòng vì đôi mắt em. Dù nơi đây suốt năm là mùa đông tháng giá nhưng má đỏ môi hồng em làm ấm mùa xuân. Và:

*“xin cảm ơn thành phố có em
xin cảm ơn một mái tóc mềm
mai xa lác trên đôn biên giới
còn một chút gì để nhớ để thương.”*

Rời phố núi, để hát bài Biên trấn ca. Thơ, là tiếng hú vọng lên thình không về đến quê nhà. Thơ, là tia nhìn tha thiết xuyên qua rừng qua núi, về một nơi chốn nào sắt se kỷ niệm. Thơ, những vần thơ làm sao xuyên không gian.

*“...Chiều có ta đứng mãi
Định hướng phương trời quê
Chim bay về biển Bắc
Gió bạc hồn sơn khê
Ba năm đôn biên trấn
Hai mươi năm giang hồ
Chuyện kể hoài bữa rượu
Thuốc chẳng tàn cơn mê
Đồn cheo leo đón gió
Bốn mùa phen mây che
Đất trời đây một cõi
Nhốt đời chưa cho về...”*

Có người nói thơ Vũ hữu Định ít có bóng dáng chiến tranh. Nếu có, chỉ là những nét thoáng mờ không rõ nét. Nhưng, trong suy nghĩ riêng mình, tôi lại thấy bất cứ bài thơ nào của ông cũng đều thấp thoáng hình ảnh của một thời đại chinh chiến. Cái tâm tư bất an, cái nỗi niềm thời bom đạn, những huyền mộng và đau xót hòa chung, bàng bạc trong ngôn từ, của một thời đại mà bất hạnh thành quen thuộc và hạnh phúc lại hiếm hoi.

Bài “Trên đoạn đường quê em,” như một lời phẫn nộ:

Lửa rục đờ treo trăm đường sinh tử

*Trong đêm cay, đêm đũa ngục hải hùng
Mẹ thét tìm con tóc dài điên dại
Xiêu vẹo giữa đường chết đuối sau lưng*

*Lửa đã cháy đường ra quê em
Lửa đã cháy một đoạn lòng của mẹ
Ôi cái chết có còn chẳng lý lẽ
Có lý lẽ nào đã giết anh em*

*Đường ra quê em trăm ngàn cay đắng
Lửa hạ đạn gào trăm tiếng kêu la
Những dòng máu vô tình vô tội
Đã chảy lên nhau thành suối chan hòa*

*Lửa Quảng Trị lửa rượt về Mỹ Chánh
Rải những thân người gục giữa đồng khô
Những dòng máu đã thấm tràn mạch đất
Có làm tương lai con cháu huy hoàng?"*

Ghét chém giết, nhưng vẫn phải tham dự chiến tranh, ôi tấm lòng tuổi trẻ sao sắt se buồn:

*"trên non may có tình bằng hữu
tuổi trẻ đau chung một khúc ca
ôm nhau thức vờ vàng trăng lạnh
vượt lá tim sao định hướng nhà*

*có những ngày đi trong núi thẳm
tuổi trẻ nhìn nhau nhớ xóm thương làng
thở chung một tiếng nghe sầu cháy
tâm sự chuyện nhau điệu thuốc quan san*

*Cám ơn điều đứng rùng sinh tử
Cạm bẫy người giăng để giết người
Tuổi trẻ gần nhau trong gió lửa
Giữ gìn nhau những tiếng chim cười."*

Có lẽ những bài thơ hay nhất của Vũ Hữu Định, theo tôi, là những bài thơ viết về thời lang thang giang hồ của ông. Có khi ông luận chuyện đời, một chút triết lý, một chút cảm cảnh thương thân. Có khi, ông phác họa lại tình cảnh mình, đối chiếu giữa cái có và cái không, cái chân thực và cái giả ngụy:

*"... bạn bè bảo ta thẳng giả trá
thẳng làm thơ "tẩu hỏa nhập ma"
ta chỉ biết cười trong im lặng
có một lời nào ta nói chưa ra*

*hôm xưa ta vốn thẳng hay nói
chuyện văn chương giống chuyện đàn bà
chuyện anh em chết ngày đôi đũa
nói mãi không cùng chẳng tận xót xa
có lúc cay môi mềm tiếng rệu."*

Thi sĩ tự họa chân dung, của một lời thề thiết bỏ nhau, của những lúc hắt bỏ đi những gì thơm hương những gì mơ mộng nhất:

*“bỏ người ta vẽ chân dung
bỏ người ta thấy trùng trùng cõi xa
bỏ ta
ta về đời ta
bỏ nhau ta về ngựa già ngủ im*

*bỏ ngày xưa
bỏ trái tim
ta lang bạt tự kiếm tìm xót đau*

*bỏ đời rồi bỏ đời nhau
bỏ trắng chết lạnh bỏ sâu khói sương
bỏ rừng tuổi lá thơm hương
bỏ sông để gió làm buồn sóng chao
bỏ người tôi bỏ đời nhau.*

Điệp khúc “bỏ người, bỏ đời, bỏ ta, bỏ rừng, bỏ trắng, bỏ sông,” như những lời than oán, như những tiếng gọi về. Buồn, một nỗi đau tận cùng, nhưng, sao trong ngôn ngữ, có phảng phất một chút gì chịu đựng, như số phận đời đã phải cam chịu, đã phải buông xuôi...

Tình yêu, có lúc là những cơn mộng, của giây phút kiếm tìm nhưng chẳng bao giờ gặp gỡ trong đời. Vũ Hữu Định làm thơ tình, giữa thiên nhiên hiền hòa nhưng sao trong lòng như đã chớm một niềm đau, bàng bạc:

*“vẫn nằm mộng thấy bàn tay em vẫy
nên chi anh đi ngựa ngẩn kiếm tìm
có buổi chiều ngòi ngó mãi ra sông
có buổi tối qua những đường quen cũ
có đêm thức ngó lá dứa buông rủ
những lá dứa kia đã có linh hồn...*

Làm thơ về Huế, để nhớ lại những đứa bạn thời xưa. Nói với bạn, mà sao như nghe nói với quê cha đất tổ nỗi niềm của mình, của những người con làng phải xa rồi lại trở về, chịu những cảnh khó khăn của một thời đại đầy đổi thay bất trắc. Thơ gửi Trần Dạ Lý, gửi theo một cảm xúc buồn về đất nước quê hương:

*“...tôi có nhiều người bạn Huế
thường nói với nhau về Huế của mình
xa thì thương ở gần dễ giận
đi xa Huế dấu đời lặn đạn*

*nhưng còn Thành Nội trong tim
nhưng còn hình ảnh núi Ngự sông Hương
cái huyền thoại nghe buồn dễ sợ*

*Dạ ơi! Cuộc sống có bao giờ dễ thờ
ai có bạc chi mình cứ níu xóm làng*

*tau vẫn nhớ hoài năm tháng lang thang
mày cứ nhắc làng quê Nam Phổ Hạ...”
em ơi!...”*

Chết lúc bốn mươi, có lẽ cuộc đời người làm thơ ngắn ngủi. Phần rượu tặng của đời chàng có lẽ là những giọt đắng tận toan. Chàng ra đi khi đất nước trong những ngày cực kỳ khó khăn, khi chế độ với chính sách kinh tế chỉ huy, ngăn sông cấm chợ, triệt hạ tư sản lòi xã hội xuống cấp tột cùng. Vũ Hữu Định qua đời vào đầu năm 1981 tại An Hải, Đà Nẵng. Ông tử trần vì say rượu té từ trên lầu xuống, một cái chết mà theo nhiều người kể lại thì còn nhiều nghi vấn.

Đọc thơ Vũ hữu Định, thấy nỗi ngậm ngùi. Và lại càng thấy công việc in lại tập di cảo “Thơ Vũ Hữu Định” của các anh Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân là một việc nên làm.

Nó chẳng những là một nén hương tưởng niệm mà còn làm sống lại một thời kỳ văn học thật nhiều trân trở thật nhiều thời đại tính mà những người lãnh đạo trong chế độ đương thời muốn xóa bỏ và triệt hủy.